

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN CAMPUCHIA**

Số: 01/NQ-EVC-DHDCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do -Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2008

**NGHỊ QUYẾT
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần EVN Campuchia**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần EVN Campuchia được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/9/2007;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông ngày 16/4/2008;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 của Hội đồng quản trị.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban năm 2007 và kế hoạch năm 2008

Điều 4: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2007, với các nội dung:

- Các dự án thủy điện Hạ Sê San 1, Hạ Sê San 2 đã được triển khai đúng tiến độ, khối lượng-giá trị thực hiện theo đúng kế hoạch đăng ký;

- Phương án đầu nối các nhà máy thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện đã hoàn thành hồ sơ và đã được Bộ Công nghiệp, Năng lượng và Mỏ của Campuchia thông qua là cơ sở triển khai nghiên cứu lập Dự án đầu tư/Báo cáo nghiên cứu khả thi;

Điều 5: Thông qua kế hoạch năm 2008:

5.1. Về tiến độ triển khai các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ:

- Hoàn thành trình và hoàn tất thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2;

- Hoàn thành và trình Chính phủ Việt Nam hồ sơ Dự án đầu tư để xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;

- Hoàn thành và trình Chính phủ Campuchia hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi để quyết định và cấp phép đầu tư;

- Triển khai khảo sát lập Thiết kế kỹ thuật các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 trong mùa khô năm 2008-09;

5.2. Mở rộng đầu tư các dự án nguồn và lưới điện tại Campuchia, Lào và khu vực:

Xúc tiến nghiên cứu, lựa chọn một số dự án có tính khả thi cao để ký Biên bản ghi nhớ, triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư;

5.3. Kế hoạch vốn năm 2008: 190,57 tỷ đồng

Trong đó:

- Công tác đầu tư xây dựng 69,89 tỷ đồng
- Mở rộng đầu thêm các dự án tại Lào và Campuchia 16,00 tỷ đồng
- Công việc khác
 - + Chi phí mua đất, thi tuyển kiến trúc, thiết kế, tổ chức đầu thầu xây lắp Trụ sở Công ty 80,00 tỷ đồng
 - + Góp vốn thành lập các Công ty con thành viên 3,80 tỷ đồng
- Chi phí hoạt động và quản lý dự án 20,89 tỷ đồng

Điều 6: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2008:

	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	32.300.000	387.600.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.200.000	115.200.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.900.000	34.800.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	2.200.000	52.800.000

Tổng cộng 590.400.000

** Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.*

Điều 7: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: Bổ sung mới ngành nghề vào Điều 3 Điều lệ Công ty:

- Xây dựng, vận hành các công trình điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có công trình);

- Khai thác lâm nghiệp, khai thác mỏ trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);



- Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);

- Sản xuất, truyền tải và mua bán điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật của nước có dự án);

- Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng;

- Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện;

- Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án);

- Giám sát thi công xây dựng-hoàn thiện công trình thủy điện đến cấp I;

Điều 8: Thông qua việc thôi không góp vốn của cổ đông sáng lập Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương và thống nhất thông qua việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà cổ đông Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không góp.

Điều 9: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký; Cổ đông Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Campuchia chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuyển



Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2008

BIÊN BẢN

Kết quả kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008

(Lấy ý kiến bằng văn bản)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần EVN Campuchia được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/9/2007;
- Căn cứ Thư lấy ý kiến cổ đông theo Thông báo số 40/TB-EVC-HDQT, ngày 29/3/2008 về các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Báo cáo hoạt động năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban năm 2007 và kế hoạch năm 2008; Báo cáo tổng thù lao năm 2007 và thù lao năm 2008 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; Tờ trình về việc bổ sung danh mục ngành nghề của Hội đồng quản trị; Tờ trình về việc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không góp vốn và Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi;

Vào hồi 8h30, ngày 16 tháng 4 năm 2008, tại trụ sở Công ty CP EVN Campuchia, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty đã tiến hành kiểm phiếu kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các vấn đề cần được Đại hội đồng cổ đông thường niên (năm 2008) thông qua, cụ thể quá trình kiểm phiếu như sau:

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã nhất trí bầu Ban Kiểm phiếu gồm các ông:

1. Nguyễn Thành Huân
2. Nguyễn Nam Thắng
3. Nguyễn Hoàng Hải
4. Đồng Quốc Cường

Ban Kiểm phiếu đã bắt đầu làm việc, tổ chức kiểm phiếu với kết quả như sau:

Tổng số phiếu lấy ý kiến phát ra: 20 phiếu;

Tổng số phiếu thu về: 15 phiếu.

Các phiếu đến thời điểm kiểm phiếu chưa nhận được coi như là đồng ý theo nội dung của Thư lấy ý kiến cổ đông theo Thông báo số 40/TB-EVC-HDQT, ngày 29/3/2008.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động năm 2007 và nhiệm vụ năm 2008 của Hội đồng quản trị:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Ô. Đào Hiếu thống nhất nhưng lưu ý không đầu tư sang Mianma;

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban năm 2007 và kế hoạch năm 2008:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

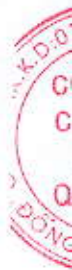
4. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2007:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Các đánh giá cụ thể như sau:

4.1. Các dự án thủy điện Hạ Sê San 1, Hạ Sê San 2 đã được triển khai đúng tiến độ, khối lượng-giá trị thực hiện theo đúng kế hoạch đăng ký;

4.2. Phương án đầu nối các nhà máy thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện đã hoàn thành hồ sơ và đã được Bộ Công nghiệp, Năng lượng và Mô của Campuchia thông qua là cơ sở triển khai nghiên cứu lập Dự án đầu tư/Báo cáo nghiên cứu khả thi;



5. Thông qua kế hoạch năm 2008:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Ông Đào Hiếu thống nhất nhưng lưu ý hiệu chỉnh đảm bảo thống nhất giữa mục tiêu và kế hoạch vốn;

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

5.1. Về tiến độ triển khai các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2

- Hoàn thành trình và hoàn tất thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2;
- Hoàn thành và trình Chính phủ Việt Nam hồ sơ Dự án đầu tư để xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;
- Hoàn thành và trình Chính phủ Campuchia hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi để quyết định và cấp phép đầu tư;
- Triển khai khảo sát lập Thiết kế kỹ thuật các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 trong mùa khô năm 2008-09;

5.2. Mở rộng đầu tư thêm các dự án thủy điện tại Lào và Campuchia:

- Xúc tiến nghiên cứu, lựa chọn một số dự án có tính khả thi cao để ký Biên bản ghi nhớ, triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư;

5.3. Kế hoạch vốn năm 2008: 190,57 tỷ đồng

Trong đó:

- | | |
|---|---------------|
| - Công tác đầu tư xây dựng | 69,89 tỷ đồng |
| - Mở rộng đầu tư thêm các dự án tại Lào và Campuchia | 16,00 tỷ đồng |
| - Công việc khác | |
| + Chi phí mua đất, thi tuyển kiến trúc, thiết kế, tổ chức đấu thầu xây lắp Trụ sở Công ty | 80,00 tỷ đồng |
| + Góp vốn thành lập các Công ty con thành viên | 3,80 tỷ đồng |
| - Chi phí hoạt động và quản lý dự án | 20,89 tỷ đồng |

6. Thông qua thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2008:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Mức thù lao HĐQT & BKS cho năm tài chính 2008 là 589.200.000 đồng (Năm trăm tám chín triệu hai trăm nghìn đồng), chi tiết cụ thể như sau:

	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	32.200.000	386.400.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.200.000	115.200.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.900.000	34.800.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	2.200.000	52.800.000

Tổng cộng 589.200.000

Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc hưởng lương từ Quỹ tiền lương Ban Điều hành, không hưởng thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm để tránh trả lương/thù lao hai lần.

7. Thông qua việc bổ sung mới ngành nghề kinh doanh vào Điều 3 Điều lệ Công ty:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

Cụ thể bổ sung các ngành nghề hoạt động sau:

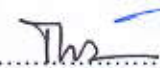
- Xây dựng, vận hành các công trình điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có công trình);
- Khai thác lâm nghiệp, khai thác mỏ trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);
- Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án);
- Sản xuất, truyền tải và mua bán điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật của nước có dự án);
- Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng;
- Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện;
- Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án);
- Giám sát thi công xây dựng-hoàn thiện công trình thủy điện đến cấp I;

8. Thông qua việc thôi không góp vốn của cổ đông sáng lập Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương và thống nhất thông qua việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà cổ đông Công ty TNHH MTV

TNHH MTV Điện lực Hải Dương và thống nhất thông qua việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhận trách nhiệm góp phần vốn mà cổ đông Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin thôi không góp:

- Thống nhất: 100%
- Không thống nhất: 0%
- Không có ý kiến: 0%

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông Nguyễn Thành Huân.....
2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.....
3. Ông Đồng Quốc Cường.....
4. Ông Nguyễn Nam Thắng.....



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay, ngày 02 tháng 04 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức:

Vào lúc: 08h30' ngày 02/04/2009.

Địa điểm: Hội trường Công ty, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 142.800.000 cổ phần, chiếm 95,97% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2008 và kế hoạch của năm 2009.

3. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2008 và nhiệm vụ năm 2009.

4. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008 và kế hoạch năm 2009.

4.1. Về tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008: các dự án triển khai thực hiện đã đảm bảo và vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra; công tác đầu tư xây dựng các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2, Đường dây đầu nối đã hoàn thành và vượt kế hoạch; dự án nhà ĐHSX, kinh doanh cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra; các dự án tại Lào được xúc tiến và triển khai thực hiện.

4.2. Về kế hoạch năm 2009:

4.2.1. Về mục tiêu:

- Tập trung giải quyết các thủ tục để cấp phép đầu tư cho các dự án Hạ Sê San 2, Hạ Sê San 1/Sê San 5;



- Hoàn thành báo cáo đánh giá tiềm năng và triển khai lập DADT các dự án thủy điện trên sông Nậm É 1 và Nậm Kơng 2; Thông qua DADT, tìm đối tác tham gia và triển khai TKKT-HSMT Nhà điều hành Công ty kết hợp kinh doanh;

- Hoàn thiện cơ cấu cổ đông của Công ty, tiếp tục nghiên cứu để định hướng cho sự phát triển của Công ty theo định hướng nhiều ngành nghề, trong đó ưu tiên: đầu tư thủy điện và các loại hình dịch vụ phù hợp, phục vụ cho phát triển thủy điện (xây lắp, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, du lịch lòng hồ,...).

4.2.2. Kế hoạch vốn năm 2009: 414,28 tỷ đồng

trong đó:

- Kế hoạch vốn ĐTXD: 373,16 tỷ đồng

- Các công việc khác: 12,97 tỷ đồng

- Chi phí hoạt động và quản lý dự án: 28,15 tỷ đồng

5. Thông qua các thông số chính dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hạ Sê San 2 với các nội dung như trong tờ trình số 05/TTr-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09 của Hội đồng quản trị.

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2009:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2008 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.800.000	136.800.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			703.440.000

(*) Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.

7. Việc Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) thôi không tham gia góp 5% vốn điều lệ:

7.1. Thông qua việc Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) thôi không tham gia góp 5% vốn điều lệ.

7.2. Giao Ban Điều hành xây dựng phương án huy động từ các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

8. Thông qua việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh, cụ thể như sau:

8.1. Miễn nhiệm ông Võ Phùng Thuận và ông Bùi Văn Chinh khỏi chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2009

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà EVN-Land Central số 78A Duy Tân-phường Hoà Thuận Đông-quận Hải Châu-thành phố Đà Nẵng.
- Giấy CN ĐKKD số: 3203002232 do Sở KH và ĐT TP.Đà Nẵng cấp.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

- Vào lúc: 08h30' ngày 02/04/2009.
- Địa điểm: Hội trường EVN International, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo).
- Khách mời tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông góp ý, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2008 và kế hoạch năm 2009;
5. Về các thông số chính DẠĐT công trình thủy điện Hạ Sê San 2;
6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2009;
7. Việc Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) xin không tham gia góp 5% vốn điều lệ;
8. Việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
9. Việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát;
10. Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:
 - a. Đại biểu: Ông Đinh Quang Tri-P.TGD và Đại diện các Ban KH, TCKT, QHQT, KS-HĐQT, VP-EVN.
 - b. Cổ đông và đại diện cổ đông tham gia.
3. Ông Trương Quang Minh thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 19 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;
 - + Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 18 cổ đông pháp nhân với 148.800.000 cổ phần;
 - + Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 15 cổ đông pháp nhân với 142.800.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 95,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Ông Tiến Hồng Sơn-Thay mặt Ban tổ chức:

- Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội *(có qui định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty cổ phần EVN Quốc tế kèm theo)*.

Đại hội biểu quyết thông qua thể lệ biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu đề biểu quyết thông qua danh sách Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua thành viên Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%, gồm:

- a. Thư ký Đại hội:

- Ông Nguyễn Nam Thắng
- Ông Nguyễn Văn Tình

- b. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải
- Ông Nguyễn Đình Chi
- Ông Lê Thanh Khoa

- Ban tổ chức giới thiệu Chủ tịch HĐQT lên chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội lên làm việc.

B. Tiến hành Đại hội: Chủ tịch HĐQT điều hành Đại hội.

B.1. Ông Nguyễn Đức Tuyển-Chủ tịch HĐQT: thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Tổng Giám đốc trình bày về báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán.

Liên quan đến ý kiến của Kiểm toán: Công ty hiện nay đang hạch toán trên khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang” một số khoản chi phí lương, chi phí thuê nhà, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí quản lý phát sinh trong năm 2008 và lũy kế đến ngày 31/12/2008 với giá trị lần lượt là 6.726 triệu đồng và 8.417 triệu đồng. Theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các khoản chi phí nêu trên cần được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tương ứng.

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã có giải trình trước Đại hội như sau: Hoạt động của công ty hiện nay chủ yếu phục vụ công tác quản lý các dự án; theo chuẩn mực kế toán số 03 thì “Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng cộng chi phí lắp đặt, chạy thử” nên Công ty đang hạch toán các chi phí quản lý dự án vào mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, thực chất là chi phí quản lý dự án, nhằm phản ánh đủ chi phí hình thành tài sản cố định.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Ông Nguyễn Hoàng Hải- Trưởng Ban kiểm soát, báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2008 và kế hoạch của năm 2009 (tại báo cáo số 02/BC-EVNI-BKS ngày 23/02/09).

Liên quan đến ý kiến của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị: (i) cần xem xét thống nhất việc góp vốn của các cổ đông để không bị ảnh hưởng đến kế hoạch hoạt động và kinh doanh của Công ty; (ii) xem xét bổ sung thành viên HĐQT theo nguyên tắc và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã có giải trình trước Đại hội như sau: (i) liên quan đến việc góp vốn của các cổ đông, trong thời gian qua có một số cổ đông không góp vốn kịp thời theo đúng quy định dẫn đến sự không công bằng giữa các cổ đông. Tuy nhiên, việc góp vốn chậm của một số cổ đông chưa ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch năm 2008 của Công ty. Ban điều hành sẽ xem xét cụ thể trong năm 2009 để đảm bảo tính công bằng giữa các cổ đông trong việc góp vốn vào Công ty; (ii) việc bổ sung thành viên HĐQT là đúng theo các điều khoản qui định trong Điều lệ (khoản 3 và khoản 6 điều 25); (iii) ngoài ra, cũng đã giải trình cụ thể và làm rõ một số ý kiến khác của Ban kiểm soát đối với Ban điều hành trước Đại hội.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2008 và kế hoạch của năm 2009:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyền- Chủ tịch HĐQT, báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2008 và nhiệm vụ năm 2009 (tại báo cáo số 04/BC-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09).

Sau khi nghe báo cáo, một số cổ đông có ý kiến sau:

- Cổ đông mã EVNCP010T: đề nghị HĐQT có giải trình thêm liên quan đến 2 dự án cổ đông quan tâm: (i) Hạ Sê San 2: đã thỏa thuận được giá điện chưa, khi nào khởi công, hiệu quả dự án như thế nào?; (ii) Nhà ĐHSX kinh doanh: đã tìm được đối tác hay chưa?; năm 2009 tình hình kinh tế vẫn còn rất khó khăn, như vậy Công ty có nên mạnh dạn triển khai trước hay chờ sau khi kinh tế phục hồi mới triển khai.

- Cổ đông mã EVNCP007T: việc thành lập Công ty để quản lý dự án Nhà điều hành sản xuất có hay không có; tỷ lệ tham gia góp vốn như thế nào?.

- Cổ đông mã EVNCP012T có ý kiến về: (i) phương thức hoạt động của Ban kiểm soát; (ii) HĐQT nên mời Ban kiểm soát tham dự một số phiên họp HĐQT.

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến trên trước Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2008 và nhiệm vụ năm 2009:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Tổng Giám đốc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008 và kế hoạch năm 2009 (tại tờ trình số 38/TTr-EVNI-KH ngày 25/02/09), cụ thể:

4.1. Về tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008: các dự án triển khai thực hiện đã đảm bảo và vượt mục tiêu kế hoạch đặt ra; công tác đầu tư xây dựng các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2, Đường dây dẫn nổi đã hoàn thành và vượt kế hoạch; dự án nhà ĐHSX, kinh doanh cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra; các dự án tại Lào được xúc tiến và triển khai thực hiện.

4.2. Về kế hoạch năm 2009:

4.2.1. Về mục tiêu:

- Tập trung giải quyết các thủ tục để cấp phép đầu tư cho các dự án Hạ Sê San 2, Hạ Sê San 1/Sê San 5;

- Hoàn thành báo cáo đánh giá tiềm năng và triển khai lập DABT các dự án thủy điện trên sông Nậm É 1 và Nậm Kông 2; Thông qua DABT, tìm đối tác tham gia và triển khai TKKT-HSMT Nhà điều hành Công ty kết hợp kinh doanh;

- Hoàn thiện cơ cấu cổ đông của Công ty, tiếp tục nghiên cứu đề định hướng cho sự phát triển của Công ty theo định hướng nhiều ngành nghề, trong đó ưu tiên: đầu tư thủy điện và các loại hình dịch vụ phù hợp, phục vụ cho

phát triển thủy điện (xây lắp, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, du lịch lòng hồ,...).

4.2.2. Kế hoạch vốn năm 2009: 414,28 tỷ đồng

trong đó:

- Kế hoạch vốn ĐTXD: 373,16 tỷ đồng

- Các công việc khác: 12,97 tỷ đồng

- Chi phí hoạt động và quản lý dự án: 28,15 tỷ đồng

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008 và kế hoạch năm 2009:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.

- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

5. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình về việc thông qua các thông số chính dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hạ Sê San 2 của HĐQT (tại tờ trình số 05/TTr-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua các thông số chính dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Hạ Sê San 2 với các nội dung như trong tờ trình số 05/TTr-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09 của Hội đồng quản trị:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.

- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

6. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2009 (tại tờ trình số 06/TTr-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09).

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2008 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.800.000	136.800.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			703.440.000

(*) Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2009:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.

- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về việc chấp thuận cho REE không tham gia góp 5% vốn điều lệ (tại tờ trình số 07/TTr-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua việc Công ty cổ phần cơ điện lạnh (REE) thôi không tham gia góp 5% vốn điều lệ và giao cho Ban

Điều hành xây dựng phương án huy động từ các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (tại các tờ trình số: 08/TTr-EVNI-HĐQT ngày 25/02/09 và 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 01/04/09).

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh, cụ thể như sau:

8.1. Miễn nhiệm ông Võ Phùng Thuận và ông Bùi Văn Chinh khỏi chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị.

8.2. Bổ nhiệm ông Phạm Văn Thành và bà Nguyễn Thị Ngọc Mai giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị để thay thế ông Võ Phùng Thuận và ông Bùi Văn Chinh.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

(kèm theo biên bản kiểm phiếu)

9. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên - Chủ tịch HĐQT báo cáo về việc ông Phạm Văn Thành đã có đơn xin từ chức khỏi chức danh thành viên Ban kiểm soát gửi đến Công ty ngày 26/02/09 là phù hợp với Điều lệ của Công ty, nên hiện nay Ban kiểm soát thiếu một thành viên theo qui định của Điều lệ; Đề nghị Đại hội tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát để thay thế chỗ trống phát sinh.

Đại hội biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm ông Phạm Văn Thành khỏi chức danh thành viên Ban kiểm soát và giao Ban Điều hành chuẩn bị phương án nhân sự trình Đại hội đồng cổ đông.

- + Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- + Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- + Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

10. Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Ông Nguyễn Hoàng Hải- Trưởng Ban kiểm soát đọc tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2009 (tại tờ trình số 03/TTr-EVNI-BKS ngày 25/02/09).

Đại hội biểu quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009 với các nội dung như trong tờ trình số 03/TTr-EVNI-BKS ngày 25/02/09 của Ban Kiểm soát:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

C. Phát biểu ý kiến của các khách mời:

Ông Đinh Quang Tri-Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát biểu ý kiến tại Đại hội:

1. Thay mặt lãnh đạo EVN, đánh giá cao những thành công mà tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty cổ phần EVN Quốc tế đạt được sau hơn 1 năm hoạt động.

2. Đề nghị Ban điều hành: (i) cần rút kinh nghiệm trong việc báo cáo tiến độ các dự án; (ii) cần có giải pháp và báo cáo giải trình cụ thể hơn nữa cho các cổ đông; (iii) tình hình kinh tế hiện nay đang rất khó khăn nên nhiều cổ đông xin rút hoặc giảm tỷ lệ góp vốn vào Công ty; tuy nhiên, nếu Công ty CP EVN Quốc tế tìm kiếm được các dự án đầu tư có hiệu quả thì EVN sẽ tăng tỷ lệ góp vốn vào Công ty để đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện các dự án; (iv) Ban điều hành nên lưu ý các nội dung sau trước khi triển khai các dự án như: đàm phán giá bán điện; thu xếp vốn cho các dự án; ưu tiên tập trung phương án bán điện cho phía Campuchia; chế độ hạch toán kế toán; (v) đối với dự án Hạ Sê San 2, nghiên cứu 2 phương án: vay vốn các ngân hàng; thành lập Công ty cổ phần có các cổ đông nước ngoài để triển khai dự án; (vi) đối với dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5: phải đàm phán xong giá điện trước khi triển khai; (vii) đối với các dự án tại Lào: vẫn tiếp tục triển khai nhưng ở mức độ chậm hơn; (viii) cần tăng cường việc củng cố bộ máy tổ chức, phong cách kinh doanh, lãnh đạo theo thông lệ quốc tế.

3. Công ty hoạt động hơn 1 năm nhưng bước đầu đã tạo dựng được nền móng cơ bản, nhưng chúng ta không nên dừng lại ở đây mà phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa trong năm 2009 và những năm tiếp theo.

D. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

Thay mặt cho Thư ký Đại hội, Ông Nguyễn Văn Tình đọc Biên bản ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

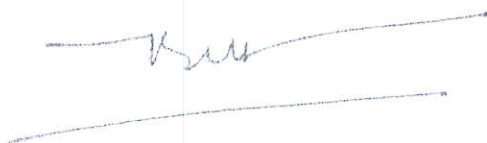
Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 02 tháng 04 năm 2009.

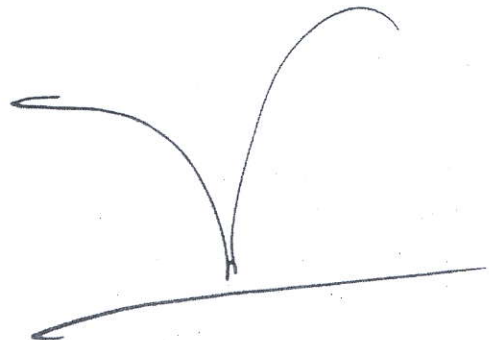
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2009 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Văn Tình



Nguyễn Đức Tuyên



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức:

Vào lúc: 08h30' ngày 15/04/2010.

Địa điểm: Hội trường Công ty, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 112.291.334 cổ phần, chiếm 93,18 % tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009, kế hoạch hoạt động năm 2010 và việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 với các nội dung như trong báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 31/03/2010 của Ban Kiểm soát.

3. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010.

4. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch năm 2010, trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới, với các nội dung chính như tại báo cáo số 47/BC-EVN-KH ngày 29/3/2010 của Tổng giám đốc.

Liên quan đến một số ý kiến của cổ đông đề nghị làm rõ: (i) Giao cho Ban điều hành rà soát, hiệu chỉnh lại cho phù hợp trình HĐQT; (ii) Ủy quyền cho HĐQT xem xét đề ban hành.

5. Thông qua “Định hướng phát triển Công ty” cho từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020 và 2021-2030 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình số 10/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010 của Hội đồng quản trị.



Giao cho HĐQT cập nhật, hiệu chỉnh các nội dung thay đổi trình Đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2010 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.800.000	136.800.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			703.440.000

(*) Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.

7. Thông qua phương án cơ cấu lại cổ đông Công ty, cụ thể:

7.1. Thông qua việc xin dừng không tiếp tục tham gia góp vốn của các cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân, với số liệu được chốt đến ngày 30/01/2010;

7.2. Chấp thuận việc: (i) Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tham gia góp vốn pháp nhân với mức góp là 10% vốn điều lệ tương đương 240 tỷ đồng; (ii) Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với giá trị là 120 tỷ đồng, tương đương với 5% vốn điều lệ; (iii) Công ty cổ phần TVXD điện 4 tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với số tiền là: 2 tỷ đồng, tương đương với 0,083% vốn điều lệ; (iv) Thẻ nhân đảm nhận góp thêm với giá trị là 36 tỷ đồng, tương đương với 1,5% vốn điều lệ;

7.3. Liên quan đến giá trị vốn từ chối góp còn lại 797,253 tỷ đồng, tương ứng với 33,22% vốn điều lệ: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm việc và quyết định việc mời Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các nhà đầu tư khác tham gia để đảm nhận góp đủ số vốn còn lại mà các cổ đông từ chối góp.

Đối với các cổ đông mới: áp dụng mệnh giá 10.000đồng/cổ phần (mười ngàn đồng) và tiến độ góp vốn theo tiến độ của cổ đông sáng lập.

8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, cụ thể:

Sửa đổi Điểm 1 Khoản 3 Điều 26 về Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

Điều lệ hiện nay:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới mười (10) tỷ đồng”

Đề nghị sửa lại là:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị không quá 5% (năm phần trăm) vốn thực góp của Công ty tại thời điểm quyết định”

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 05' cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Nguyễn Văn Tình

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI




Nguyễn Đức Tuyên



Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2010

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà EVN-Land Central số 78A Duy Tân-phường Hoà Thuận Đông-quận Hải Châu-thành phố Đà Nẵng.
- Giấy CN ĐKKD số: 3203002232 do Sở KH và ĐT TP.Đà Nẵng cấp.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

- Vào lúc: 08h30' ngày 15/04/2010.
- Địa điểm: Hội trường EVN International, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo).
- Khách mời tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông góp ý, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2009 và kế hoạch năm 2010 (trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới);
5. Định hướng phát triển Công ty;
6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010;

7. Phương án cơ cấu lại cổ đông Công ty;
8. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:
 - a. Đại biểu: Đại diện các Ban TC&NS, KH, TCKT, KS, TH-HDQT EVN.
 - b. Cổ đông và đại diện cổ đông tham gia.
3. Ông Hoàng Xuân Quý thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 18 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;
 - + Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 18 cổ đông pháp nhân với 115.440.000 cổ phần và 1.787 cổ đông thể nhân với 5.070.300 cổ phần;
 - + Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 14 cổ đông pháp nhân và 54 cổ đông thể nhân đại diện cho 112.291.334 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 93,18 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Ông Nguyễn Thành Huân-Thay mặt Ban tổ chức:
 - Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội *(có qui định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Công ty cổ phần EVN Quốc tế kèm theo)*.

Đại hội biểu quyết thông qua thể lệ biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu đề biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%, gồm:

- a. Chủ trì Đại hội:

- Ông Nguyễn Đức Tuyển – Chủ tịch HĐQT Công ty

b. Thư ký Đại hội:

- Ông Nguyễn Văn Tình

c. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Ông Nguyễn Đình Chi

- Ông Lê Thanh Khoa

- Ban tổ chức giới thiệu Chủ tịch HĐQT lên chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội lên làm việc.

B. Tiến hành Đại hội: Chủ tịch HĐQT điều hành Đại hội.

B.1. Ông Nguyễn Đức Tuyển-Chủ tịch HĐQT: thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Tổng Giám đốc trình bày về báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán.

Về ý kiến của Kiểm toán liên quan đến việc Công ty hiện đang hạch toán các chi phí quản lý dự án vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”: Vấn đề này đã được Ban điều hành giải thích trong Thư quản lý và cũng đã được Ban Kiểm soát thống nhất tại Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Ông Nguyễn Hoàng Hải- Trưởng Ban kiểm soát, báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009, kế hoạch hoạt động năm 2010 và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010 (tại báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 31/03/2010).

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban điều hành trước Đại hội.

2.1. Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2.2. Liên quan đến việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2010, Đại hội biểu quyết thông qua phương án: (i) giao Ban điều hành có kế hoạch mời các công ty kiểm toán độc lập gửi thư chào trong nửa đầu năm 2010 để Ban Kiểm soát có cơ sở so sánh và chọn lựa trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm; (ii) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT, báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010 (tại báo cáo số 09/BC-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010).

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Tổng Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện năm 2009 và kế hoạch năm 2010, trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới (tại báo cáo số 47/BC-EVNI-KH ngày 29/03/2010).

Sau khi nghe báo cáo, một số cổ đông có ý kiến sau: đa số ý kiến thống nhất với báo cáo do Tổng giám đốc trình trước Đại hội; tuy nhiên, có một số ý kiến đề nghị làm rõ như: kế hoạch huy động vốn tự có, vốn vay; liên quan đến một số chi phí; vốn đầu tư lớn nên cần xem xét để có kế hoạch triển khai các

dự án theo hướng ưu tiên đầu tư một hai dự án, không đầu tư dàn trải; tìm kiếm cơ hội đầu tư thêm các dự án thủy điện có hiệu quả ở Lào, Campuchia; xúc tiến để triển khai các dự án mới; một số ý kiến chia sẻ về những áp lực đối với Ban điều hành liên quan đến hiệu quả dự án và công tác thu xếp vốn,...

Thay mặt Ban điều hành, Tổng giám đốc đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của cổ đông trước Đại hội.

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải trình bổ sung thêm trước Đại hội liên quan đến một số ý kiến của cổ đông.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch năm 2010, trong đó có kế hoạch triển khai 03 dự án mới, với các nội dung chính như trong báo cáo. Liên quan đến một số ý kiến của cổ đông đề nghị làm rõ: (i) Giao cho Ban điều hành rà soát, hiệu chỉnh lại cho phù hợp trình HĐQT; (ii) Ủy quyền cho HĐQT xem xét đề ban hành:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

5. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình về việc thông qua định hướng phát triển Công ty (tại tờ trình số 10/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010), cụ thể:

Định hướng phát triển Công ty xây dựng cho các giai đoạn từ 2010 ÷ 2015, 2016 ÷ 2020 và dự kiến từ 2021 ÷ 2030 theo hướng kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó ưu tiên: đầu tư thủy điện (Hạ Sê San 2-400MW, Hạ Sê San 1/Sê San 5-96MW và Sekong-148MW tại Campuchia; Nậm Mô 1-72MW tại Lào và một số dự án khác) và các loại hình dịch vụ phù hợp, phụ trợ cho phát triển thủy điện (xây lắp, quản lý vận hành, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, du lịch lòng hồ, kinh doanh dịch vụ,...); Mục tiêu chính là đẩy nhanh các thủ tục, thu xếp đủ vốn để triển khai dự án Hạ Sê San 2 trong giai đoạn 2010 ÷ 2015, giai đoạn này chủ yếu sử dụng vốn góp của cổ đông và vốn vay; trong các giai đoạn sau, khi dự án Hạ Sê San 2 và một số dự án khác gổ đầu đưa vào vận hành sẽ sử dụng thêm một phần vốn khấu hao và lợi nhuận để lại để tái đầu tư cho các dự án khác.

Vốn đầu tư cho các giai đoạn như sau:

- Vốn đầu tư từ năm 2010 ÷ 2015 là: 14.952 tỷ đồng, trong đó vốn góp là: 4.112 tỷ đồng và vốn vay là: 10.841 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ năm 2016 ÷ 2020 là: 9.214 tỷ đồng, trong đó: vốn góp là 1.341 tỷ đồng, vốn vay là 6.738 tỷ đồng, vốn khấu hao và lợi nhuận để lại dự kiến: 1.135 tỷ đồng.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua “Định hướng phát triển Công ty” cho từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020 và 2021-2030 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình số 10/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010 của Hội đồng quản trị. Giao cho HĐQT cập nhật, hiệu chỉnh các nội dung thay đổi trình Đại hội cổ đông thường niên hằng năm:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

6. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 (tại tờ trình số 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010).

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao Năm 2010 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)*	3	3.800.000	136.800.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			703.440.000

(*) Ủy viên HĐQT được phân công nhiệm vụ Tổng Giám đốc được nhận lương ở quỹ lương Ban Điều hành để tránh trả lương/thù lao hai lần.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Văn Tình- Thư ký Công ty đọc tờ trình của HĐQT về phương án cơ cấu lại cổ đông Công ty (tại tờ trình số 12/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua, cụ thể như sau:

7.1. Thông qua việc xin dừng không tiếp tục tham gia góp vốn của các cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân, với số liệu được chốt đến ngày 30/01/2010 (có bảng kê kèm theo);

7.2. Chấp thuận việc: (i) Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tham gia góp vốn pháp nhân với mức góp là 10% vốn điều lệ tương đương 240 tỷ đồng; (ii) Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với giá trị là 120 tỷ đồng, tương đương với 5% vốn điều lệ; (iii) Công ty cổ phần TVXD điện 4 tham gia góp vốn pháp nhân vào EVN International với số tiền là: 2 tỷ đồng, tương đương với 0,083% vốn điều lệ; (iv) Thẻ nhân đảm nhận góp thêm với giá trị là 36 tỷ đồng, tương đương với 1,5% vốn điều lệ;

7.3. Liên quan đến giá trị vốn từ chối góp còn lại 797,253 tỷ đồng, tương ứng với 33,22% vốn điều lệ: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm việc và quyết định việc mời Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các nhà đầu tư khác tham gia để đảm nhận góp đủ số vốn còn lại mà các cổ đông từ chối góp.

Đối với các cổ đông mới: áp dụng mệnh giá 10.000đồng/cổ phần (mười ngàn đồng) và tiến độ góp vốn theo tiến độ của cổ đông sáng lập.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (tại tờ trình số 13/TTr-EVNI-HĐQT ngày 29/03/2010), cụ thể:

Sửa đổi Điểm 1 Khoản 3 Điều 26 về Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

Điều lệ hiện nay:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới mười (10) tỷ đồng”

Đề nghị sửa lại là:

“Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị không quá 5% (năm phần trăm) vốn thực góp của Công ty tại thời điểm quyết định”

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

C. Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Thay mặt cho Thư ký Đại hội, Ông Nguyễn Văn Tinh đọc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 05 phút ngày 15 tháng 04 năm 2010.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI


Nguyễn Văn Tinh




Nguyễn Đức Tuyên

**BẢNG TỔNG HỢP 7 LỆ GÓP VỐN CỦA CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐĂNG KÝ GÓP VỐN		SỐ VỐN ĐÃ GÓP ĐẾN 30/09/2009		CAM KẾT GÓP VỐN ĐẾN 30/01/2010		SỐ VỐN CÁC ĐƠN VỊ KHÔNG GÓP		Ghi chú
		GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3-7	10=4-8	8
1	TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	822,000	34.25	51,145	2.13	822,000	34.25	0	0.00	
2	CÔNG TY TNHH MTV TCT ĐL DẦU KHÍ VN	144,000	6.00	28,800	1.20	28,800	1.20	115,200	4.80	Xin dừng
3	TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM	96,000	4.00	28,800	1.20	96,000	4.00	0	0.00	
4	TCT VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL)	72,000	3.00	14,400	0.60	14,400	0.60	57,600	2.40	Xin dừng
5	TCT CP XNK VÀ XD VIỆT NAM (VINACONEX)	24,000	1.00	24,000	1.00	24,000	1.00	0	0.00	Xin dừng
6	NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH	144,000	6.00	28,800	1.20	84,000	3.50	60,000	2.50	
7	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BẮC HÀ	24,000	1.00	6,000	0.25	24,000	1.00	0	0.00	
8	CÔNG TY ĐIỆN LỰC I	24,000	1.00	4,800	0.20	4,800	0.20	19,200	0.80	Xin dừng
9	CÔNG TY ĐIỆN LỰC II	24,000	1.00	4,800	0.20	4,800	0.20	19,200	0.80	Xin dừng
10	CÔNG TY ĐIỆN LỰC III	24,000	1.00	4,800	0.20	4,800	0.20	19,200	0.80	Xin dừng
11	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH	24,000	1.00	7,200	0.30	7,200	0.30	16,800	0.70	Xin dừng
12	CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI	24,000	1.00	7,200	0.30	7,200	0.30	16,800	0.70	Xin dừng
13	CTY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG	12,000	0.50	2,400	0.10	2,400	0.10	9,600	0.40	Xin dừng
14	CTY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐÀ NẴNG	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
15	CTY TNHH MTV ĐIỆN LỰC NINH BÌNH	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
16	CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
17	CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
18	CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3	6,000	0.25	1,800	0.08	6,000	0.25	0	0.00	
19	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	120,000	5.00	0	-	0	0	120,000	5.00	Xin dừng
20	CÁC CỔ ĐÔNG THỂ NHÂN KHÁC	792,000	33.00	13,566	0.57	50,347	2.10	741,653	30.90	
	TỔNG CỘNG	2,400,000	100.00	235,711	9.82	1,204,747	50.20	1,195,253	49.80	

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2009
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2010**

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch năm 2010:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2009

1. Đánh giá chung

Trong năm 2009, EVNI đã triển khai thực hiện các dự án cơ bản đảm bảo kế hoạch và tập trung vào các mục tiêu chính như: Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Chính phủ Campuchia thông qua chủ trương cho phép đàm phán đầu tư dự án; hoàn thành giải trình bổ sung hồ sơ xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;

Hoàn thành hồ sơ và báo cáo giải trình bổ sung dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 vào Quy hoạch bậc thang sông Sê San. Hiện nay, đang chờ Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ xem xét bổ sung vào quy hoạch;

Hoàn thành phương án thiết kế bổ sung đường dây 220kV đấu nối Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện Việt Nam trên cơ sở phía Campuchia mua 50% sản lượng điện và đã báo cáo phía Campuchia.

2. Tình hình thực hiện cụ thể các dự án

2.1. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Trong năm 2009, EVNI tiếp tục làm việc và giải trình với các Bộ ngành hai nước về dự án đầu tư, các thủ tục cấp phép đầu tư, triển khai các hạng mục chuẩn bị khởi công theo nội dung KHĐT đợt 1 đã được HĐQT phê duyệt, cụ thể đã đạt được các kết quả như sau:

- Tại Campuchia: Công ty đã tổ chức báo cáo và giải trình tất cả các nội dung liên quan tới dự án cho các Bộ Môi trường, Kinh tế tài chính, MIME kết quả như sau:

- + Bộ Môi trường đã thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- + Bộ Kinh tế tài chính, Ủy ban liên Bộ thông qua quy trình công tác đền bù, di dân và tái định cư và thống nhất quy hoạch tổng thể tái định cư dự án;
- + Bộ MIME thông qua tuyến năng lượng dự án.
- + Đến nay Chính phủ Campuchia thông qua chủ trương cho phép EVNI phát triển dự án theo hình thức BOT. Bộ MIME có văn bản chính thức mua 50%

sản lượng điện của Nhà máy và có thư mời nộp Hồ sơ đề xuất, hiện EVNI đã nộp Hồ sơ đề xuất và các nội dung hợp đồng IA, LA, PPA và chuẩn bị đàm phán với Chính phủ Campuchia.

- Tại Việt Nam: Theo quy định của Luật đầu tư của Chính phủ Việt Nam, EVNI đã nộp Hồ sơ xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài lên Bộ Kế hoạch - Đầu tư và đã giải trình, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu và đang chờ Bộ KHĐT trình Chính phủ cấp phép đầu tư.

Triển khai Kế hoạch đầu thầu đợt 1 và các công việc chuẩn bị khởi công công trình, năm 2009 kết quả hoàn thành các nội dung như sau:

- Công tác khảo sát, Lập TKKT-TDT, HSMT công trình chính;
- Lựa chọn Nhà thầu thẩm tra TKKT, HSMT, ký hợp đồng và triển khai thực hiện;
- Công tác khảo sát, thiết kế đường vào các khu Tái định cư, đường vào công trường): Hoàn thành TKCS, TKBVTC, dự toán;
- Triển khai thực hiện Khảo sát, lập TKKT-TC, dự toán khu tái định cư, khu tái định canh;
- Triển khai Lập Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công khu nhà Điều hành sản xuất kết hợp quản lý vận hành, ký hợp đồng và triển khai thực hiện;
- Khảo sát, lập phương án kỹ thuật - thi công và dự toán rà phá bom mìn;
- Triển khai thực hiện Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất và Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ;

Giá trị thực hiện kế hoạch: 134,270/138,215 tỷ đồng, đạt 97,15%.

2.2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

Năm 2009 công ty đã hoàn thành các nội dung sau:

- BCNCKT/DAĐT và báo cáo Bộ MIME;
- Công tác cắm mốc đường viền lòng hồ;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường phía Việt Nam theo ý kiến của Cục thẩm định - Bộ Tài Nguyên Môi Trường Việt Nam (Cơ quan được Bộ TNMT giao thẩm định báo cáo);
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường phần trên lãnh thổ Campuchia và tổ chức báo cáo Ủy ban tỉnh Ratanakiri;
- Lập Khung chính sách bồi thường hỗ trợ tái định cư, Ủy ban tỉnh Ratanakiri đã thống nhất và có văn bản trình Bộ MIME;
- Đã báo cáo giải trình để bổ sung dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5 vào quy hoạch bậc thang sông Sê San, hiện đang chờ Bộ Công thương xem xét trình Chính phủ;

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 9,703/9,703 tỷ đồng, đạt 100%.

2.3. Dự án Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải giữa dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Hạ Sê San 1/Sê San 5

- Hoàn thành BCNCKT/DADT;
- Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) đã chính thức có ý kiến về tỷ lệ mua điện của phía Campuchia (EdC) là 50% sản lượng điện năng từ Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2;
- EVNI đã tính toán bổ sung phương án thiết kế đường dây 220kV đầu nối nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vào hệ thống điện Việt Nam trên cơ sở phía Campuchia mua 50% sản lượng điện và đã báo cáo phía Campuchia. Dự án Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải sẽ được thực hiện phù hợp với kết quả đàm phán về mua bán điện của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 với phía Campuchia.

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 4,478/4,478 tỷ đồng, đạt 100%.

2.4. Đề án kết nối lưới điện truyền tải giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

- Tư vấn hoàn thành Khảo sát, lập BCNCKT/DADT và đã nghiệm thu thanh toán cho Nhà thầu;

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 0,825/0,825 tỷ đồng, đạt 100%.

2.5. Nghiên cứu tiềm năng các dự án thủy điện trên sông Nậm É

Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu đánh giá tiềm năng cụm dự án thủy điện trên sông Nậm É. Kết quả nghiên cứu cho thấy cụm dự án không có hiệu quả về mặt kinh tế tài chính. Cụ thể như sau:

Theo MOU ký kết, các dự án Nậm É 1, 2, 3 có tổng công suất 420MW, tuy nhiên qua nghiên cứu công suất chỉ đạt 210MW, nhưng tổng mức đầu tư không thay đổi. Trong 3 dự án, Nậm É 1 có hiệu quả nhất thì giá bán điện khoảng 9,5 cent/kWh dự án mới có tính khả thi.

Vấn đề này Công ty cũng đã báo cáo Bộ Công thương và Bộ Kế hoạch đầu tư Việt Nam đề kiến nghị đề xuất các dự án khác; đồng thời đã có văn bản báo cáo Chính phủ Lào về việc xin trả lại dự án và được Chính phủ Lào chấp thuận.

2.6. Dự án Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty

- Hoàn thành và nghiệm thu DADT;
- Công ty Sông Đà 207 có văn bản tham gia đầu tư (góp 30%TMĐT). Tuy nhiên, sau khi xem xét cho thấy phương án này không hiệu quả. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác khác tham gia hợp tác đầu tư;
- Hoàn thành xây dựng hạng mục tường rào và lắp đặt pano quảng cáo công trình Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty;

Giá trị thực hiện/Kế hoạch: 0,882/0,882 tỷ đồng, đạt 100%.

2.7. Tìm kiếm các dự án mới: Trong năm qua ngoài triển khai các dự án theo kế hoạch, EVNI tiếp tục triển khai tìm kiếm một số dự án mới cụ thể như sau:

- **Tại Campuchia:** Qua thời gian nghiên cứu, ngày 09/12/2009, EVNI và MIME đã ký kết Biên bản ghi nhớ về việc triển khai nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện SeKong thuộc tỉnh Strung Treng, công suất dự kiến 150MW.

- **Tại Lào:**

+ Dự án thủy điện Nam Theun 1: Trong năm 2009 EVNI đã tiếp xúc, làm việc với Tập đoàn Gamuda để xem xét các thủ tục liên quan để chuyển giao dự án. Hiện nay, phía Gamuda đang hoàn thành thủ tục với phía Thái Lan và chuẩn bị đề xuất chương trình làm việc với Công ty từ tháng 4/2010. Dự án trước đây thỏa thuận bán điện cho phía Thái Lan, nay đang nghiên cứu để chuyển hướng bán điện cho phí Việt Nam.

+ Dự án thủy điện Nậm Mô 1: Năm 2009 EVNI Tổ chức làm việc với Chính phủ và Bộ Kế hoạch & Đầu tư Lào về việc đầu tư dự án; Tổ chức đi hiện trường và làm việc với Ủy ban, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Năng lượng & Mỏ tỉnh Xieng Khouang; Bộ KHĐT Việt Nam đã có ý kiến với Chính phủ Lào về dự án; Đã đăng ký dự án Nậm Mô 1 với Chính phủ Lào; Theo nội dung cuộc họp của Ủy Ban xúc tiến & Quản lý đầu tư Lào tháng 11/2009 và tháng 12/2009 đã thống nhất giao dự án thủy điện Nậm Mô 1 cho EVNI nghiên cứu phát triển đầu tư; EVNI đã thương thảo MOU với Bộ KHĐT Lào và MOU đã ký kết vào ngày 04/3/2010.

(báo cáo nghiên cứu các dự án theo phụ lục đính kèm)

3. Giá trị thực hiện kế hoạch năm 2009

Dvt: tỷ đồng

Stt	Danh mục công trình	Kế hoạch ĐTXD năm 2009	Lũy kế thực hiện 2009	Kết quả thực hiện so với KH năm	Giá trị giải ngân năm 2009	Tỷ lệ giải ngân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4/3)	(6)	(7=6/4)
1	Dự án Hạ Sê San 2	138,215	134,270	97,15%	55,608	41,42%
2	Dự án Hạ Sê San 1/Sê San 5	9,073	9,073	100%	-	-
3	ĐZ đấu nối lưới điện truyền tải các nhà máy	4,478	4,478	100%	0,203	4,53%
4	Đề án kết nối lưới điện VN-Lào-CPC	0,825	0,825	100%	0,510	61,82%
5	Nghiên cứu các dự án trên sông Nậm Ét - Lào	3,241	3,241	100%	0,859	26,50%
6	Dự án Nhà ĐHSX, kinh doanh Công ty	0,882	0,882	100%	0,882	100%
	Tổng cộng:	156,717	152,771	97,48%	58,062	38,01%

II. KẾ HOẠCH 2010

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng

Trên cơ sở các công việc đã thực hiện năm 2009, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010 EVNI sẽ tập trung: (i) Triển khai giai đoạn tiếp theo của các dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Hạ Sê San 1/Sê San 5; (ii) Đầu tư 2 dự án mới: dự án thủy điện SeKong (đã ký MOU với MIME tháng 12/2009), dự án thủy điện Nậm Mô 1 (đã ký MOU với GOL tháng 03/2010); (iii) Đồng thời tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án khác tại Lào, Campuchia. Mục tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án cụ thể như sau:

1.1. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

- Hoàn thành xin cấp phép đầu tư cho dự án;
- Ký kết hợp đồng thực hiện dự án (IA), hợp đồng cho thuê (LA), hợp đồng mua bán điện (PPA) với phía Campuchia;
- Hoàn thành các nội dung công việc chuẩn bị cho khởi công công trình chính bao gồm: (i) TKBVTC đường thi công vận hành, đường vào khu tái định cư; (ii) Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2; (iii) Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Khu tái định cư, tái định canh; (iv) Khảo sát, đánh giá trữ lượng lâm sản khu vực dự án; (v) Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ & Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất;
- Hoàn chỉnh Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán dự án theo kết quả báo cáo thẩm tra và tổ chức triển khai các gói thầu theo Kế hoạch đấu thầu tổng thể được duyệt;
- Tổ chức thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng các hạng mục theo tiến độ tổng thể các hạng mục ngay sau khi cấp phép đầu tư;
- Thi công một số hạng mục công trình tạm phục vụ công trình chính như: (i) Đường thi công vận hành; (ii) Đường vào khu tái định cư phục vụ khởi công và di dân đợt 1; (iii) Thi công rà phá bom mìn mặt bằng công trình chính, công trình phụ trợ, đường thi công vận hành, đường vào thôn Phluck; (iv) Thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 phục vụ quản lý thi công và vận hành nhà máy (giai đoạn 1);
- Đối với các gói thầu xây lắp công trình chính ((i) gói thầu Thi công đập đất; (ii) gói thầu Thi công đập tràn, đập dâng bê tông; (iii) gói thầu Thi công tuyển năng lượng): Hoàn thành các công tác chuẩn bị để phát hành HSMT lựa chọn Nhà thầu thi công;

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 69,684 tỷ đồng.

Cụ thể tiến hành các công việc sau:

- Đôn đốc MIME thành lập Tổ công tác đàm phán dự án;
- Phối hợp cùng với các đơn vị PECCI, EVNFC, BIDV tham gia đàm phán hồ sơ đề xuất dự án, hợp đồng phát triển dự án (IA), hợp đồng cho thuê dự án (LA), hợp đồng mua bán điện (PPA) trong quý II/2010;

- Hoàn chỉnh báo cáo giải trình Bộ KH&ĐT, Văn phòng Chính phủ đề xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài cho dự án trong quý III/2010;

- Làm việc với IRC để thống nhất tiến độ triển khai tổ chức thực hiện đền bù, đơn giá đền bù trong quý II/2010;

- Hoàn thành & Phát hành HSMT, đánh giá lựa chọn Nhà thầu thi công một số hạng mục công trình tạm trong quý IV/2010;

1.2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

- Báo cáo giải trình Bộ Công thương để hoàn thành xin phê duyệt bổ sung thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 vào Quy hoạch bậc thang sông Sê San trong quý II/2010;

- Hoàn tất các thủ tục trong quý II/2010 để Bộ Tài nguyên & Môi trường VN phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Tổ chức báo cáo các Bộ, ngành Campuchia trong tháng 06/2010 và giải trình hiệu chỉnh trong quý III/2010;

- Phối hợp cùng với MIME hoàn chỉnh báo cáo trình Chính phủ Campuchia để thông qua chủ trương cho phép đàm phán đầu tư dự án trong quý IV/2010;

- Nghiên cứu và báo cáo về phân chia nguồn lợi nước từ dự án.

1.3. Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải từ Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam

- Hoàn chỉnh báo cáo phương án thống nhất phía Campuchia;

- Phối hợp với PECC3 báo cáo bổ sung và thống nhất với EVN phương án đầu nối dự án thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam trong quý II/2010;

- Tổ chức cùng với EVN báo cáo bổ sung Bộ Công thương về quy hoạch đầu nối dự án thủy điện Hạ Sê San 2 trong quý III/2010;

- Ký kết hợp đồng và triển khai Khảo sát, lập phương án đầu nối vào hệ thống điện Việt Nam trong quý IV/2010.

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 0,500 tỷ đồng.

1.4. Các dự án mới ký MOU:

1.4.1 Dự án thủy điện SeKong

Theo MOU được ký kết giữa EVNI và MIME ngày 09/12/2009, thời gian nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện SeKong là 18 tháng. Dự kiến trong năm 2010, EVNI sẽ thực hiện các công việc sau:

- Hoàn thành công tác Khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ; Thu thập và điều tra tài nguyên khoáng sản lòng hồ;

- Đánh giá nguy hiểm động đất và xác định thông số động đất thiết kế;

- Điều tra sơ bộ thiệt hại và quy hoạch tổng thể tái định cư;

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 8,284 tỷ đồng.

Cụ thể tiến hành các công việc sau:

- Phát hành HSMT, đánh giá lựa chọn Nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án SeKong tháng 05/2010;
- Ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện tháng 06/2010;
- Hoàn thành BCNCTKT và báo cáo MIME tháng 12/2010.

1.4.2 Dự án thủy điện Nậm Mô 1

Dự án thủy điện Nậm Mô 1 đã được Chính phủ Lào (GOL) giao cho EVNI nghiên cứu đầu tư dự án thông qua ký kết MOU ngày 04/03/2010 và thời gian nghiên cứu là 18 tháng để đáp ứng yêu cầu tiến độ của GOL, trong năm 2010 EVNI sẽ thực hiện các công việc sau:

- Hoàn thành công tác Khảo sát phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- Đánh giá nguy hiểm động đất và xác định thông số động đất thiết kế;
- Hoàn thành đề cương, nhiệm vụ thực hiện công tác điều tra, đánh giá khoáng sản lòng hồ dự án;
- Điều tra sơ bộ thiệt hại và quy hoạch tổng thể tái định cư;
- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2010: 6,351 tỷ đồng.

Cụ thể tiến hành các công việc sau:

- Phát hành HSMT, đánh giá lựa chọn Nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án SeKong tháng 05/2010;
- Ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện tháng 06/2010;
- Hoàn thành BCNCTKT và báo cáo MPI tháng 12/2010.

1.5. Dự án Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty

- Tìm kiếm các đối tác tham gia đầu tư dự án;
- Chuẩn bị HSMT lựa chọn nhà thầu Tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán.

2. Tổng hợp giá trị kế hoạch vốn năm 2010

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Kế hoạch vốn ĐTXD năm 2010	165.513.918.868	Phụ lục 1
1.1	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2	137.391.434.683	
1.2	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	2.551.530.248	
1.3	Đường dây đầu nối lưới điện truyền tải từ Nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam	3.289.798.876	

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1.4	Dự án thủy điện SeKong	8.284.307.581	
1.5	Các dự án tại Lào (Nậm Mô 1, Nậm É, Nậm Công 2)	8.773.552.479	
1.6	Dự án Nhà điều hành sản xuất kinh doanh Công ty	223.295.000	
1.7	Xúc tiến đầu tư các dự án khác	5.000.000.000	
2	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	30.715.553.812	Phụ lục 2
2.1	Lương, BHXH, BHYT, các khoản phụ cấp khác	14.563.076.612	
2.2	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	16.152.477.200	
	Tổng cộng:	196.229.472.679	

(Có chi tiết kèm theo)

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2010

1. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2

- Bám sát các Bộ ngành và Chính Phủ Campuchia trong quá trình đàm phán để hoàn thành mục tiêu cấp phép đầu tư cho dự án;
- Theo dõi, chủ động đưa dự án vào chương trình làm việc trong các cuộc họp giữa các Bộ ngành Chính phủ 2 nước nhằm hỗ trợ thúc đẩy nhanh tiến độ cấp phép cho dự án;
- Phối hợp chặt chẽ và đôn đốc các đơn vị Tư vấn trong từng bước triển khai dự án;
- Hoàn thành hồ sơ, các công tác chuẩn bị để triển khai ngay sau khi dự án được cấp phép;
- Thực hiện tốt công tác lựa chọn nhà thầu, rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu thực hiện các hạng mục chuẩn bị xây dựng;
- Phối hợp với Ủy ban đền bù Campuchia, tỉnh Stung Treng để triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo tiến độ triển khai tổ chức thực hiện đền bù được duyệt, phục vụ thi công các hạng mục công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- Đôn đốc EVN thống nhất phương án thỏa thuận đầu nối dự án thủy điện Hạ Sê San 2 về Việt Nam;
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng về thỏa thuận thu xếp vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn thiện các điều kiện cho vay theo các yêu cầu cho vay của các tổ chức tín dụng;
- Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ chế ưu đãi đối với Dự án để đề xuất với Chính phủ hai nước trong quá trình đàm phán, xin cấp phép;

- Tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm tham gia hợp tác dự án và hoàn thiện cơ cấu cổ đông Công ty;

2. Đối với các dự án khác

- Chủ động phối hợp với EVN để báo cáo giải trình Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ các vấn đề liên quan đến dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 để bổ sung dự án vào quy hoạch bậc thang sông Sê San;

- Đôn đốc các nhà thầu Tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ để báo cáo giải trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 khi có yêu cầu;

- Hoàn thành hồ sơ mời thầu và phương án triển khai dự án trong quý 2/2010 để tổ chức lựa chọn nhà thầu Tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án thủy điện SeKong và Nậm Mô 1;

- Tìm kiếm các nhà đầu tư tham gia hợp tác các dự án;

3. Ngoài ra

- Hoàn thành nghiên cứu định hướng phát triển Công ty theo các giai đoạn 2010-2015, 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng đa ngành nghề trên cơ sở phát triển bền vững;

- Đôn đốc các cổ đông pháp nhân góp vốn theo kế hoạch đã cam kết. Huy động nguồn vốn góp của các thể nhân theo đúng kế hoạch;

- Đào tạo, bồi dưỡng các nghiệp vụ chuyên môn cho Cán bộ, nhân viên trong Công ty. Tổ chức giao lưu, học hỏi kinh nghiệm về quản lý các dự án tương tự;

- Bổ sung kịp thời nhân lực cho các phòng ban chức năng theo từng giai đoạn phù hợp. Giải quyết tốt các chế độ, chính sách cho CBCNV;

- Cập nhật các quy định, chính sách pháp luật, trình tự thủ tục đầu tư của nước sở tại để kịp thời đưa ra các giải pháp khắc phục;

- Thực hiện việc quản lý điều hành theo đúng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2009 đã ban hành.

- Phát động phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch năm 2010;

Công ty cổ phần EVN Quốc tế xin được báo cáo./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Các phòng KT, MT, TCKT, HTQT;
- Lưu KH, TH.



Nguyễn Thành Huyền

PHỤ LỤC 1 - KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2010

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMBĐT, TĐT, ĐT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Đ.án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Đ.án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
	Cơ cấu vốn 2010					39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác		317.109	214.838		39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Nguồn vốn					39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Vốn tự có		317.109	214.838		39.316	37.796	50.662	32.739	75.694	89.820	165.514
	Vốn vay											
A	DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2 (400MW)					36.894	26.499	41.759	32.239	67.707	69.684	137.391
	Cơ cấu vốn 2010											
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	635.040	191.301	105.470	516.620	36.894	26.499	41.759	32.239	67.707	69.684	137.391
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	635.040	191.301	105.470	516.620	36.894	26.499	41.759	32.239	67.707	69.684	137.391
	Vốn vay											
I	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCKTKT), Lập ĐAĐT (BCNCKT)	72.828	72.828	55.026	17.802			17.802		17.802		17.802
	Vận hành trạm thủy văn	1.830	1.144		1.830			1.830			1.830	1.830
II	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XD											
II.1	Công trình chuẩn bị thi công											
a	Thi công Đường thi công, vận hành, đường vào khu tái định cư	65.836	7.654	3.700	62.135		3.953		8.727	3.953	8.727	12.681
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC	7.654	7.654	3.700	3.953		3.953			3.953		3.953
	Đường thi công vận hành (XL-01)	41.541			41.541				6.231		6.231	6.231
	Đường vào khu tái định cư Phum Phluek (XL-04A)	16.641			16.641				2.496		2.496	2.496
b	Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2	21.869	5.463		21.869	5.754		700	2.286	5.463	3.278	8.740
	Khảo sát, Lập TKCS, TKBVTC (TV-05)	1.167			1.167	292		700			992	992
	Thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 lô A (XL-03A)	15.240			15.240				2.286		2.286	2.286
	Thuê đất	5.463	5.463		5.463	5.463				5.463		5.463
c	Khu Tái định cư, tái định canh	16.335			16.335	2.325		5.899	3.819		12.043	12.043
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC-DT khu Tái định cư, khu Tái định canh (TV-04A)	13.479			13.479	2.325		5.185	2.106		9.616	9.616
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC-DT Hệ thống cung cấp điện cho khu Tái định cư (TV-04B)	2.856			2.856			714	1.713		2.427	2.427

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMDT, TDT, DT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Đ.án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Đ.án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
d	Rà phá Bom mìn	962	962	241	722	722				722		722
	Khảo sát, lập phương án thi công	962	962	241	722	722				722		722
e	Đánh giá trữ lượng lâm sản khu vực dự án, vùng lòng hồ, khu tái định cư, định canh và thiết kế khai thác	7.240	5.068	5.068	2.172	2.172					2.172	2.172
	Khảo sát, đánh giá trữ lượng và thiết kế khai thác	7.240	5.068	5.068	2.172	2.172					2.172	2.172
f	Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	3.033	760	455	2.578			2.578			2.578	2.578
	Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ và đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	3.033	760	455	2.578			2.578			2.578	2.578
II.2	Các công việc khác	445.106	97.422	40.980	391.176	25.921	22.546	12.950	17.406	39.767	39.055	78.823
a	Khảo sát giai đoạn TKKT - TDT, lập HSMT	94.156	94.156	38.888	55.268	22.868	16.899			39.767		39.767
b	Thăm tra TKKT, TDT, HSMT	4.352	1.174		4.352		4.352				4.352	4.352
c	Dịch vụ tư vấn hỗ trợ, chuẩn bị: (i) Hợp đồng thực hiện dự án (IA); (ii) Hợp đồng cho thuê (LA); (iii) Hợp đồng mua bán điện (PPA); (iv) Chuẩn bị các nội dung theo hồ sơ yêu cầu (RFP) của Bộ MIME để đàm phán với Tổ công tác CPC	5.088	740	740	4.348	3.053	1.295				4.348	4.348
d	Phí Bảo lãnh đầu tư phát triển dự án	12.950						12.950			12.950	12.950
e	Tổ chức thực hiện đền bù, GPMB	70.309			70.309				1.992		1.992	1.992
f	Đền bù, tái định cư	256.900			256.900				15.414		15.414	15.414
g	Lệ phí thăm tra EIA	15	15	15								
h	Kinh phí thăm tra kế hoạch TDC	285	285	285								
i	Kinh phí thực hiện tham vấn cộng đồng	88	88	88								
m	Mở rộng nghiên cứu đánh giá tác động tới thủy sản trong 1 năm để hoàn thành nghiên cứu đánh giá tác động môi trường	964	964	964								
B	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HẠ SẾ SAN 1 (96MW)											
	Cơ cấu vốn 2010							2.552		2.552		2.552
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	26.808	26.808	17.290	9.518			2.552		2.552		2.552
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	26.808	26.808	17.290	9.518			2.552		2.552		2.552
	Vốn vay											
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCTKT), Lập DADT (BCNCKT)	26.808	26.808	17.290	9.518			2.552		2.552		2.552
	Lập khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và TDC							146		146		146
	Điều tra, đánh giá mức độ thiệt hại							206		206		206
	Quy hoạch tổng thể tái định cư							354		354		354
	Xây dựng trạm thủy văn							118		118		118

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMDT, TDT, DT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Dự án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Dự án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
	Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường						1.728		1.728		1.728	
C	ĐƯỜNG DÂY ĐÀU NÓI LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI TỪ NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2 VỀ VIỆT NAM											
	Cơ cấu vốn 2010						2.790		500	2.790	500	3.290
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	18.334	16.334	12.058	6.276		2.790		500	2.790	500	3.290
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	18.334	16.334	12.058	6.276		2.790		500	2.790	500	3.290
	Vốn vay											
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCKT), Lập DADT (BCNCKT)	16.334	16.334	12.058	4.276		2.790			2.790		2.790
	Khảo sát, nghiên cứu lập phương án đầu nối						680			680		680
	Giá trị giữ lại trên phiếu giá						875			875		875
	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường						1.235			1.235		1.235
II	LẬP PHƯƠNG ÁN ĐẦU NỐI VÀO HTĐ VIỆT NAM											
	Khảo sát, lập phương án đầu nối	2.000			2.000				500		500	500
D	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SEKONG											
	Cơ cấu vốn 2010						8.284				8.284	8.284
	Xây lắp											
	Thiết bị											
	Khác	33.137			33.137		8.284				8.284	8.284
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	33.137			33.137		8.284				8.284	8.284
	Vốn vay											
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCKT), báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT)	33.137			33.137		8.284				8.284	8.284
	Khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư	21.839			21.839		5.460				5.460	5.460
	Lập BCNCKT, BCNCKT	11.298			11.298		2.825				2.825	2.825
E	CÁC DỰ ÁN TẠI LÀO											
	Cơ cấu vốn 2010					2.422		6.351		2.422	6.351	8.774
	Xây lắp											
	Thiết bị											

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMĐT, TĐT, DT (tr.đồng)	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu Đ.án	Lũy kế giá trị giải ngân từ đầu Đ.án	Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch vốn năm 2010						
						Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm		
										Trả nợ năm 2009	ĐTXD năm 2010	Tổng cộng
	Khác	28.686	3.281	859	27.827	2.422		6.351		2.422	6.351	8.774
	Nguồn vốn											
	Vốn tự có	28.686	3.281	859	27.827	2.422		6.351		2.422	6.351	8.774
	Vốn vay											
I.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM ẾT											
	Nghiên cứu tiềm năng các dự án thủy điện trên sông Nậm Ết	3.006	3.006	790	2.216	2.216				2.216		2.216
II.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG 2											
	Nghiên cứu tiềm năng dự án thủy điện Nậm Công 2	275	275	69	206	206				206		206
II.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẬM MỎ 1											
II.1	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD											
	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT), báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT)	25.405			25.405			6.351			6.351	6.351
	Khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư	16.743			16.743			4.186			4.186	4.186
	Lập BCNCTKT, BCNCKT	8.662			8.662			2.166			2.166	2.166
F	NHÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT, KINH DOANH CÔNG TY	78.600	78.600	78.377	223		223			223		223
1	Chi phí mua đất	77.055	77.055	77.055								
2	Nghiên cứu thị trường và nghiên cứu khả thi	256	256	256								
3	Khảo sát, lập dự án đầu tư	1.006	1.006	783	223		223			223		223
4	Xây dựng hàng rào	283	283	283								
G	ĐỀ ÁN KẾT NỐI LƯỚI ĐIỆN VIỆT NAM - LÀO - CAM PUCHIA	785	785	785								
H	XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN KHÁC										5.000	5.000

PHỤ LỤC 2 - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2010

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
A	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
I	Lương, bảo hiểm, phụ cấp ...	<u>14.563.076.612</u>	
I.1	Lương và các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp...		
	- Lao động bình quân 67 người		
	- Tổng quỹ lương và các khoản phụ cấp (có chi tiết kèm theo)	11.077.074.328	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp: $(3,51 * 880.000đ/tháng * 67người * 12th) * 22\%$	546.685.323	
	- Quỹ khen thưởng 10%	1.107.707.433	
	- Phụ cấp ăn ca: $67người * 880.000 đ/tháng * 12th$	707.520.000	
	- Lương tháng 13	923.089.527	
I.2	Các chi phí khác		
	- Nước uống: $50.000đ/tháng * 67người * 12th$	40.200.000	
	- Tiền phụ cấp xăng xe: $200.000đ/tháng * 67người * 12th$	160.800.000	
II	Công tác phí	<u>3.697.770.000</u>	
	Phạm vi hoạt động, đi lại của Công ty: Campuchia, Lào, TP Hà Nội, TP.HCM, các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh khác.		
II.1	Đi công tác Campuchia:		
	*Đi ngắn ngày: 7 người, 7 ngày, 1lần/tháng		
	- Tiền vé máy bay khứ hồi Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh: $1.200.000VND/1người * 7người * 12th * 2lượt$	201.600.000	
	- Tiền vé máy bay khứ hồi TP Hồ Chí Minh - Campuchia, lệ phí sân bay: $250USD/1người * 7người * 12th * 18.500đ/USD$	388.500.000	
	- Công tác phí: $40USD/người/ngày * 7người * 7ngày * 1lần/tháng * 12th * 18.500đ/USD$	435.120.000	
	*Đi dài ngày: 5 người, 30 ngày, 5lần/năm		
	- Tiền vé máy bay Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh: $1.200.000VND/1người * 5người * 5lần * 2lượt$	60.000.000	
	- Tiền xe từ TP Hồ Chí Minh - Campuchia: $12USD/1người * 2lượt * 5người * 5lần * 18.500đ/USD$	11.100.000	
	- Công tác phí: $10USD/người/ngày * 5người * 30ngày/lần * 5lần/năm * 18.500đ/USD$	138.750.000	
	*Đi công tác tại công trường: 15 người, 45 ngày, 4lần/năm		
	- Chi phí đi ô tô từ Đà Nẵng - Gia Lai - Đức Cơ - Công trình: $1.000.000 đ/người/lượt * 2lượt * 4lần/năm * 15người$	120.000.000	
	- Công tác phí: $10USD/người/ngày * 15người * 45ngày * 4lần/năm * 18.500đ/USD$	499.500.000	
II.2	Đi công tác Lào:		
	5 người, 7 ngày, 1lần/tháng		
	- Tiền vé máy bay Đà Nẵng - Hà Nội: $1.200.000/1người * 2lượt * 5người * 12th$	144.000.000	
	- Tiền vé máy bay Hà Nội - Vientiane khứ hồi: $360USD/1người * 5người * 12th * 18.500 đ/USD$	399.600.000	
	- Công tác phí: $40USD/người/ngày * 5người * 7ngày * 1lần/tháng * 12th * 18.500đ/USD$	310.800.000	
	- Tiền ngủ: $50USD/người/ngày * 5người * 6ngày * 1lần/tháng * 12th * 18.500đ/USD$	333.000.000	
II.3	Đi công tác Hà Nội		
	- Công tác phí: $5người * 7ngày/tháng * 12th * 50.000đ/ngày$	21.000.000	
	- Vé máy bay: $5người * 2lượt * 12th * 1.200.000đ/lượt$	144.000.000	

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	- Tiền ngủ: 5người * 6ngày/tháng * 12th * 300.000đ/ngày	108.000.000	
II.4	Đi công tác TP Hồ Chí Minh		
	- Công tác phí: 5người * 7ngày/tháng * 12th * 50.000đ/ngày	21.000.000	
	- Vé máy bay: 5người * 2lượt * 12th * 1.200.000đ/lượt	144.000.000	
	- Tiền ngủ: 5người * 6ngày/tháng * 12th * 300.000đ/ngày	108.000.000	
II.5	Đi công tác các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên		
	- Công tác phí: 5người * 5ngày/tháng * 12th * 50.000đ/ngày	15.000.000	
	- Tiền xe: 5người * 2lượt * 12th * 350.000đ/lượt	42.000.000	
	- Tiền ngủ: 5người * 4ngày/tháng * 12th * 220.000đ/ngày	52.800.000	
III	Thông tin liên lạc:	266.400.000	
	- Cước điện thoại cố định: 10máy * 500.000đ/tháng * 12th	72.000.000	
	- Cước điện thoại di động: 15máy * 700.000đ/tháng * 12th	126.000.000	
	- Máy Fax: 2máy * 500.000đ/M/tháng * 12th	12.000.000	
	- Cước dịch vụ internet (Megavnn): 2.500.000đ/tháng * 12th	30.000.000	
	- Cước dịch vụ Leased-Line: 2.200.000đ/tháng * 12th	26.400.000	
IV	Nghiệp vụ, văn phòng phí:	378.000.000	
	- Tiền điện : 5.500.000 đ/tháng * 12th	66.000.000	
	- Vật rẻ mau hỏng: 5.000.000đ * 12th	60.000.000	
	- Phụ tùng thay thế : 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000	
	- Văn phòng phẩm: 10.000.000đ/tháng * 12th	120.000.000	
	- Báo chí, bưu phí trong và ngoài nước: 3.500.000đ/tháng * 12th	42.000.000	
	- Phô tô in ấn bản vẽ khổ lớn, công chứng tài liệu, chuyển phát nhanh: 2.500.000đ/tháng * 12th	30.000.000	
V	Thuê văn phòng, vật tư văn phòng	2.660.907.200	
1	Tại 78A Duy Tân, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	2.011.207.200	
	- Thuê văn phòng Công ty: (Theo hợp đồng 372/2008-LEC-HĐ)	1.591.207.200	
	- Trang bị bổ sung máy vi tính, máy in cho các phòng chức năng tại Công ty và văn phòng Đại diện: (15máy vi tính * 15.000.000đ/máy) + (2máy in * 4.000.000đ/máy) + (3laptop * 25.000.000đ/cái)	308.000.000	
	- Máy ảnh kỹ thuật số: 02máy * 8.000.000đ/bộ	16.000.000	
	- Bàn ghế làm việc	46.000.000	
	- Bổ sung dụng cụ văn phòng	50.000.000	
2	Tại Strung Treng:	144.300.000	
	- Thuê văn phòng: 350USD/th * 12th * 18.500đ/USD	77.700.000	
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 300USD/th * 12th * 18.500đ/USD	66.600.000	
3	Tại Phnôm Pênh	505.400.000	
	- Thuê văn phòng: 1.600USD/th * 12th * 18.500đ/USD	355.200.000	
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 300USD/th * 12th * 18.500đ/USD	66.600.000	
	- Trang bị cho văn phòng	83.600.000	
4	Tại Lào		
	- Thuê văn phòng: 350USD/th * 12th * 18.500đ/USD	77.700.000	
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 300USD/th * 12th * 18.500đ/USD	66.600.000	
	- Trang bị cho văn phòng	63.250.000	
VI	Chi phí phục vụ công tác chuyên môn	665.000.000	
	- Chi phí quản lý sổ đăng ký cổ đông, in ấn	20.000.000	
	- Đánh giá thực hiện chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	7.000.000	
	- Chi phí kiểm toán, báo cáo tài chính	140.000.000	

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	- Thuế môn bài + chi phí tham gia các hiệp hội: (3.000.000đ + 20.000.000đ)/năm	23.000.000	
	- Chi phí dịch thuật các tài liệu và văn bản pháp lý nước ngoài (luật, pháp lệnh, sắc lệnh, ...): 2.000 trang * 70.000đ/trang	140.000.000	
	- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, học ngoại ngữ,...: 15.000.000đ/th * 12th	180.000.000	
	- Trao đổi học tập các đơn vị trong nước về công tác nghiệp vụ: 6người * 5.000.000đ	30.000.000	
	- Thăm quan học tập để nâng cao hiểu biết về công nghệ và quản lý ở nước ngoài: 5người * 25.000.000đ/người	125.000.000	
VII	Chi phí tiếp khách, dịch vụ công, hội nghị trong và ngoài nước	<u>1.541.000.000</u>	
	- Tổ chức hội họp: 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000	
	- Chi phí tiếp khách:		
	+ Tiếp khách tại Việt Nam: 15.000.000đ/tháng * 12th	180.000.000	
	+ Tiếp khách tại Campuchia: 3.000USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	666.000.000	
	+ Tiếp khách tại Lào: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	+ Tổ chức đại hội cổ đông, họp HĐQT	80.000.000	
VIII	Y tế, vệ sinh, bảo hộ lao động :	<u>285.000.000</u>	
	- Thuốc men, Phòng dịch, y tế: 67người * 150.000đ/người/th * 12th	120.600.000	
	- Bảo hộ lao động, trang phục quần áo: 67người * 2.000.000đ/năm	134.000.000	
	- Khám sức khỏe định kỳ CBCNV: 67người * 400.000đ/người/năm	26.800.000	
	- Nhân công dọn dẹp vệ sinh: 300.000đ/th * 12th	3.600.000	
IX	Phương tiện và nhiên liệu:	<u>3.882.400.000</u>	
	- Mua xe ô tô 7 chỗ (KH 2009 chuyển sang)	2.435.400.000	
	- Mua xe ô tô cho Công trường: 01xe * 50.000USD * 18.500đ/USD	925.000.000	
	- Xăng: 1USD/lit * 300lit/tháng * 6xe * 12th * 18.500đ/USD	399.600.000	
	- Phí và lệ phí đi đường: 6xe * 500.000đ/tháng * 12th	36.000.000	
	- Gửi xe: 6xe * 1.200.000đ/tháng * 12th	86.400.000	
X	Sửa chữa, bảo trì mạng máy tính, phương tiện, máy móc, bảo hiểm	<u>591.000.000</u>	
	- Bảo trì mạng máy vi tính: 3.500.000đ/tháng * 12th	42.000.000	
	- Bảo trì phần mềm kế toán, nhân sự, công văn công việc	75.000.000	
	- Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên xe ô tô: 5.000.000đ/tháng.xe * 6xe * 12th	360.000.000	
	- Sửa chữa, bảo dưỡng máy photo, mực máy in : 2.000.000 * 12th	24.000.000	
	- Bảo hiểm xe ô tô: 6xe * 15.000.000đ/1xe	90.000.000	
XI	Chi phí trang bị chống bão lụt, trang bị phòng chống cháy nổ. . .	<u>20.000.000</u>	
XII	Chi phí khác	<u>2.165.000.000</u>	
	- Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Campuchia: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	- Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Lào: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	- Chi phí tư vấn pháp luật hoàn thành các thủ tục đầu tư tại Campuchia, Lào: 2.500USD/tháng * 12th * 18.500đ/USD	555.000.000	
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	500.000.000	
	TỔNG CỘNG (I-XII)	30.715.553.812	

BÁO CÁO

Đánh giá tiềm năng dự án thủy điện SeKong tại Campuchia

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiềm năng dự án thủy điện SeKong tại Campuchia như sau:

1. Nhiệm vụ của dự án

Vị trí dự án thủy điện SeKong thuộc huyện SiemPang - tỉnh Stung Treng nằm cách trung tâm tỉnh Stung Treng khoảng 30km về thượng lưu của hợp lưu sông SeKong và sông SeSan.

Công trình thủy điện SeKong có nhiệm vụ cung cấp nguồn điện cho phát triển kinh tế, đời sống nhân dân khu vực tỉnh Stung Treng - Campuchia và cung cấp phần điện năng còn lại cho lưới điện Việt Nam.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện SeKong ngoài việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính như trên, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung nguồn nước cho khu vực hạ lưu vào mùa kiệt đáp ứng nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt và công nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, phát triển du lịch, giao thông thủy và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản khu vực hồ chứa.

Sau khi kết thúc xây dựng, khu vực công trình thủy điện SeKong sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, đường vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực công trình với các khu vực khác, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Stung Treng nói riêng và đất nước Campuchia nói chung.

2. Các thông số chính của dự án

Trong báo cáo đánh giá tiềm năng dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4) hoàn thành vào tháng 01/2010, dự án thủy điện SeKong có các thông số chính như sau:

Bảng thông số chính của dự án thủy điện SeKong

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	km ²	26.000
2	Mực nước dâng bình thường	m	60
3	Mực nước chết	m	58,50
4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	30
5	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	45

6	Công suất lắp máy	MW	150
7	Công suất đảm bảo	MW	30
8	Điện lượng trung bình nhiều năm	10 ⁶ kWh	689,28
9	Vốn đầu tư ban đầu (bao gồm đầu nối)	10 ⁶ USD	262
10	Vốn đầu tư ban đầu (bao gồm đầu nối)	10 ⁶ VND	4.672
11	Giá bán điện	cent/kWh	5,50
12	Các chỉ tiêu kinh tế		
	- ENPV	tỷ đồng	766,34
	- EIRR	%	12,34
	- B/C	lần	1,19
13	Các chỉ tiêu tài chính		
	- FNPV	tỷ đồng	675,03
	- FIRR	%	12,34
	- B/C	lần	1,17
	- Hoàn vốn	Năm	14
15	Thời gian tính toán kể từ khi vận hành	năm	30

3. Kết luận & Kiến nghị

- Kết luận: Kết quả tính toán sơ bộ cho thấy dự án hoàn toàn khả thi với giá bán điện là 5,5 cent/1kWh, so với các dự án thủy điện đang được triển khai hiện nay ở Việt Nam, dự án thủy điện SeKong có các chỉ tiêu tài chính tốt, việc triển khai dự án sẽ đem lại lợi ích cho Công ty.

- Kiến nghị:

+ Đại hội cổ đông thống nhất chủ trương triển khai nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện SeKong tại Campuchia.

+ Giao cho HĐQT EVNI Quyết định các bước tiếp theo và báo cáo Cổ đông phương án đầu tư sau khi nghiên cứu.

BÁO CÁO

Đánh giá tiềm năng dự án thủy điện Nam Theun 1 tại Lào

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiềm năng dự án thủy điện Nam Theun 1 tại Lào như sau:

1. Nhiệm vụ của dự án

Dự án thủy điện Nam Theun 1 nằm trên sông Nam Kading cách hợp lưu sông Mê Kông về phía thượng lưu khoảng 33km trên địa bàn huyện Pakkading-Tỉnh Bolikhamxay - nước CHDCND Lào.

Công trình thủy điện Nam Theun 1 có nhiệm vụ cung cấp nguồn điện cho phát triển kinh tế, đời sống nhân dân khu vực tỉnh Bolikhamxay- nước CHDCND Lào và cung cấp phần điện năng còn lại cho lưới điện Việt Nam.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nam Theun 1 ngoài việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính như trên, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung nguồn nước cho khu vực hạ lưu vào mùa kiệt đáp ứng nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt và công nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, phát triển du lịch, giao thông thủy và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản khu vực hồ chứa.

Sau khi kết thúc xây dựng, khu vực công trình thủy điện Nam Theun 1 sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, đường vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực công trình với các khu vực khác, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Bolikhamxay nói riêng và đất nước Lào nói chung.

2. Các thông số chính của dự án

Dự án Thủy điện Nam Theun1 đã được Tư vấn quốc tế lập F/S và Thiết kế cơ sở với phương án bán điện cho Thái Lan. Trên cơ sở tài liệu đó PECC2 lập “Báo cáo đánh giá tính khả thi dự án với phương án bán điện về Việt Nam” thực hiện tháng 06 năm 2009, và các thông số chính của dự án thủy điện Nam Theun 1 được mô tả như bảng dưới đây:

Bảng thông số chính của dự án thủy điện Nam Theun 1

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	km ²	14.070
2	Mực nước dâng bình thường	m	292
3	Mực nước chết	m	250

4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	80,7
5	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	1.872
6	Công suất lắp máy	MW	523
7	Công suất đảm bảo	MW	186,2
8	Điện lượng trung bình nhiều năm theo biểu đồ cứng	10 ⁶ kWh	2310,1
9	TMĐT (chưa bao gồm lưới điện truyền tải)	10 ⁶ USD	790,258
10	TMĐT (bao gồm lưới điện truyền tải)	10 ⁶ USD	894,278
11	Giá bán điện tại thanh cái không tính vốn đường dây	cent/kWh	4,8
12	Giá bán điện tại Vinh	cent/kWh	5,6
13	Các chỉ tiêu kinh tế (giá bán tại Vinh)		
	- NPV	Triệu US\$	94,758
	- EIRR	%	13,43
	- B/C		1,18
14	Các chỉ tiêu tài chính (giá bán tại Vinh)		
	- NPV	Triệu US\$	70,814
	- FIRR	%	12,98
	- B/C		1,10
15	Thời gian tính toán kể từ khi vận hành	năm	30

3. Kết luận & Kiến nghị

- Kết luận: Kết quả tính toán cho thấy dự án hoàn toàn khả thi với giá bán điện là 4,8 cent/kWh tại thanh cái nhà máy và giá bán tại Vinh là 5,6 cent/kWh. So với các dự án thủy điện đã và đang được triển khai hiện nay ở Việt Nam, dự án thủy điện Nam Theun1 có các chỉ tiêu kinh tế - tài chính tốt, việc triển khai dự án sẽ đem lại lợi ích cho Công ty.

- Kiến nghị:

+ Đại hội cổ đông thông nhất chủ trương triển khai đàm phán với Chủ đầu tư dự án và Chính phủ Lào về chuyển giao dự án thủy điện Nam Theun1 tại Lào.

+ Giao cho HĐQT EVNI Quyết định các bước tiếp theo và báo cáo Cổ đông phương án triển khai dự án sau khi được chuyển giao.

BÁO CÁO

Đánh giá tiềm năng dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiềm năng dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào như sau:

1. Nhiệm vụ của dự án

Vị trí dự án thủy điện Nậm Mô 1 thuộc huyện Mộc Mai - tỉnh Xieng Khoang nằm cách trung tâm tỉnh Xieng Khoang khoảng 25km về phía Tây Bắc theo đường chim bay.

Công trình thủy điện Nậm Mô 1 có nhiệm vụ cung cấp cho hệ thống lưới điện Việt Nam một sản lượng điện hằng năm khoảng 294,76 tr.kWh qua đường dây 220kV mạch đơn dài 30km, đầu nối về biên giới Việt Nam.

Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nậm Mô 1 ngoài việc đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính như trên, còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc bổ sung nguồn nước cho khu vực hạ lưu vào mùa kiệt đáp ứng nhu cầu phục vụ nước sinh hoạt và canh tác nông nghiệp. Bên cạnh đó, phát triển du lịch, giao thông thủy và đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản khu vực hồ chứa.

Sau khi kết thúc xây dựng, khu vực công trình thủy điện Nậm Mô 1 sẽ trở thành một điểm tập trung dân cư với cơ sở hạ tầng tương đối đầy đủ. Hệ thống đường giao thông phục vụ thi công, đường vận hành công trình sẽ tạo ra khả năng giao lưu về kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực công trình với các khu vực khác, góp phần phát triển giao thương giữa 2 tỉnh Xieng Khoang - Lào và tỉnh Nghệ An - Việt Nam.

2. Các thông số chính của dự án

Trong báo cáo đánh giá tiềm năng dự án do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (PECC3) hoàn thành vào tháng 09/2009, dự án thủy điện Nậm Mô 1 có các thông số chính như sau:

Bảng thông số chính của dự án thủy điện Nậm Mô 1

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	km ²	904
2	Mức nước dâng bình thường	m	450
3	Mức nước chết	m	430
4	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	9,64



5	Dung tích hữu ích	10^6 m^3	130,70
6	Công suất lắp máy	MW	72
7	Công suất đảm bảo	MW	23,35
8	Điện lượng trung bình nhiều năm	10^6 kWh	294,76
9	Tổng vốn đầu tư (bao gồm đầu nối lưới)	10^6 USD	126
10	Tổng vốn đầu tư (bao gồm đầu nối lưới)	10^6 VND	2245
11	Giá bán điện tại biên giới	cent/kWh	4,85
12	Các chỉ tiêu kinh tế		
	- ENPV	10^3 USD	12,66
	- EIRR	%	11,83
	- B/C	lần	1,16
13	Các chỉ tiêu tài chính		
	- FNPV	10^3 USD	10,08
	- FIRR	%	10,17
	- B/C	lần	1,09
14	Thời gian BOT	năm	30

3. Kết luận & Kiến nghị

- Kết luận: Kết quả tính toán sơ bộ cho thấy dự án hoàn toàn khả thi với giá bán điện tại biên giới Việt Nam là 4,85 cent/1kWh, so với các dự án thủy điện đang được triển khai hiện nay ở Việt Nam, dự án thủy điện Nậm Mô 1 có các chỉ tiêu tài chính tốt, việc triển khai dự án sẽ đem lại lợi ích cho Công ty.

- Kiến nghị:

+ Đại hội cổ đông thống nhất chủ trương triển khai nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào.

+ Giao cho HĐQT EVNI Quyết định các bước tiếp theo và báo cáo Cổ đông phương án đầu tư sau khi nghiên cứu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01**/NQ-EVNI-DHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2011

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức:

Vào lúc: 08h30' ngày 21/04/2011.

Địa điểm: Hội trường Công ty, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 134.927.220 cổ phần, chiếm 93,47% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Riêng ý kiến của cổ đông (Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng) về hạch toán các chi phí quản lý dự án: HĐQT sẽ nghiên cứu và có báo cáo cổ đông sau.

2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2010, kế hoạch hoạt động năm 2011 và việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 với các nội dung như trong báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 08/04/2011 của Ban Kiểm soát.

3. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2010 và nhiệm vụ năm 2011.

4. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010 và kế hoạch năm 2011, với các nội dung chính như tại báo cáo số 47/BC-EVN-KH ngày 08/04/2011 của Tổng giám đốc.

5. Thông qua “Kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty” cho giai đoạn từ 2011-2016 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình số 08/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011 của Hội đồng quản trị; Thông qua phương án chốt vốn điều lệ theo cam kết đến thời điểm 31/12/2010; Đảm bảo góp đủ vốn theo



kế hoạch để triển khai dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn chỉnh các công việc liên quan đến các dự án khác.

6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2011 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4	3.800.000	182.400.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	<u>Tổng cộng:</u>			749.040.000

7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, cụ thể:

Sửa đổi Khoản 4 Điều 22 về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Điều lệ hiện nay:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ

Sửa lại là:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty bằng Fax trước và bản chính gửi thư chuyển phát nhanh. Nếu quá thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không gửi phiếu phản hồi về Công ty thì được coi là phiếu tán thành

8. Thông qua các nội dung liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia như trong tờ trình số 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011 của Hội đồng quản trị.

9. Thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2011, cụ thể:

9.1. Khối lượng phát hành: 12.930.000 cổ phiếu; với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.

9.2. Đối tượng phát hành: phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho 09 pháp nhân (chi tiết như phụ lục kèm theo).

9.3. Sau thời hạn quy định, nếu các nhà đầu tư được quyền mua không góp đủ vốn, phần vốn thiếu còn lại sẽ được Hội đồng quản trị xử lý phân phối cho đối tượng khác với điều kiện tổng số nhà đầu tư phát hành trong cả đợt phát hành này không quá 100 người.

9.4. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

10. Thông qua việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh, cụ thể: miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Huân khỏi chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Huy- Người đại diện phần vốn của CTCP Nhiệt điện Phả Lại tại EVNI để thay thế.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 30' cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI


Nguyễn Văn Tình




Nguyễn Đức Tuyên



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2011

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà EVN-Land Central số 78A Duy Tân-phường Hoà Thuận Đông-quận Hải Châu-thành phố Đà Nẵng.

- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng cấp thay đổi lần 2 ngày 14/3/2011.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

- Vào lúc: 08h30' ngày 21/04/2011.

- Địa điểm: Hội trường EVN International, Tầng 3 Toà nhà EVN LAND-CENTRAL, Số 78A Duy Tân-Hải Châu-Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo).

- Khách mời tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông góp ý, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2011;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2010 và kế hoạch năm 2011;
5. Kế hoạch đầu tư dài hạn;
6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011;

7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
8. Liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia;
9. Phương án phát hành cổ phần năm 2011;
10. Miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:
 - a. Đại biểu: Đại diện CTCP Nhiệt điện Phả Lại.
 - b. Cổ đông và đại diện cổ đông tham gia.
3. Ông Hoàng Xuân Quý thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:
 - + Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 20 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;
 - + Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 20 cổ đông pháp nhân với 139.310.000 cổ phần và 1.787 cổ đông thể nhân với 5.036.300 cổ phần;
 - + Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 85 cổ đông pháp nhân và thể nhân đại diện cho 134.927.220 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 93,47% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Ông Nguyễn Thành Huân-Thay mặt Ban tổ chức:

- Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội *(có qui định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty cổ phần EVN Quốc tế kèm theo)*.

Đại hội biểu quyết thông qua thể lệ biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu đề biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%, gồm:

a. Chủ trì Đại hội:

- Ông Nguyễn Đức Tuyên – Chủ tịch HĐQT Công ty

b. Thư ký Đại hội:

- Ông Nguyễn Văn Tinh

c. Ban Kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Ông Phùng Ngọc Ánh

- Ông Lê Thanh Khoa

- Ban tổ chức giới thiệu Chủ tịch HĐQT lên chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội lên làm việc.

B. Tiến hành Đại hội: Chủ tịch HĐQT điều hành Đại hội.

B.1. Ông Nguyễn Đức Tuyên-Chủ tịch HĐQT: thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Thành Huân- Phó Tổng giám đốc trình bày về báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán.

Về ý kiến của Kiểm toán liên quan đến việc Công ty hiện đang hạch toán các chi phí quản lý dự án vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”: Vấn đề này đã được Ban điều hành giải thích trong Thư quản lý và cũng đã được Ban Kiểm soát thống nhất tại Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2010.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán xác định bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Riêng ý kiến của cổ đông (Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng) về hạch toán các chi phí quản lý dự án, HĐQT sẽ nghiên cứu và có báo cáo cổ đông sau:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.

- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Ông Nguyễn Hoàng Hải- Trưởng Ban kiểm soát, báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính

2010, kế hoạch hoạt động năm 2011 và đề xuất việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2011 (tại báo cáo số 01/BC-EVNI-BKS ngày 08/04/2011).

Thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban điều hành trước Đại hội.

2.1. Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2010 và kế hoạch hoạt động năm 2011:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2.2. Liên quan đến việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2011, Đại hội biểu quyết thông qua phương án: (i) giao Ban điều hành có kế hoạch mời các công ty kiểm toán độc lập gửi thư chào trong nửa đầu năm 2011 để Ban Kiểm soát có cơ sở so sánh và chọn lựa trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm; (ii) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2011 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyên- Chủ tịch HĐQT, báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2010 và nhiệm vụ năm 2011 (tại báo cáo số 07/BC-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, Ông Nguyễn Nam Thắng- Phó Tổng giám đốc báo cáo kết quả thực hiện năm 2010 và kế hoạch năm 2011 (tại báo cáo số 46/BC-EVNI-KH ngày 08/04/2011).

Sau khi nghe báo cáo, một số cổ đông đề nghị Công ty: (i) tập trung để Chính phủ Campuchia sớm cấp phép đầu tư dự án Hạ Sê San 2 và làm việc với Royal Group để thống nhất các nội dung liên quan đến thành lập pháp

nhân tại Campuchia; (ii) cần đưa ra các mốc tiến độ cụ thể cho từng nội dung công việc để thực hiện; (iii) nghiên cứu thêm việc mở rộng một số ngành nghề kinh doanh sớm mang lại lợi nhuận kinh tế.

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến của cổ đông trước Đại hội.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010 và kế hoạch năm 2011, với các nội dung chính như trong báo cáo.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

5. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình về việc thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty (tại tờ trình số 08/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011), cụ thể:

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua “Kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty” cho giai đoạn từ 2011-2016 với các nội dung cơ bản như trong tờ trình trên của Hội đồng quản trị; Thông qua phương án chốt vốn điều lệ theo cam kết đến thời điểm 31/12/2010; Đảm bảo góp đủ vốn theo kế hoạch để triển khai dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn chỉnh các công việc liên quan đến các dự án khác.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

6. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 (tại tờ trình số 09/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao Năm 2011 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4	3.800.000	182.400.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	Tổng cộng:			749.040.000

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Văn Tình- Thư ký Công ty đọc tờ trình của HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (tại tờ trình số 10/TTTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011), cụ thể:

Sửa đổi Khoản 4 Điều 22 về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Điều lệ hiện nay:

“Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ”

Đề nghị sửa lại là:

“Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty bằng Fax trước và bản chính gửi thư chuyển phát nhanh. Nếu quá thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không gửi phiếu phản hồi về Công ty thì được coi là phiếu tán thành”

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về việc thông qua một số nội dung liên quan đến thành lập

pháp nhân tại Campuchia (tại tờ trình số 11/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung liên quan đến thành lập pháp nhân tại Campuchia như trong tờ trình trên của Hội đồng quản trị.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

9. Thay mặt Ban điều hành, Ông Hoàng Xuân Quý- Trưởng phòng Tài chính kế toán đọc tờ trình của HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2011 (tại tờ trình số 12/TTr-EVNI-HĐQT ngày 08/04/2011).

Sau khi thảo luận, Cổ đông được quyền biểu quyết (theo Nghị định số 01/2010/NĐ-CP ngày 4/1/2010 của Chính phủ về chào bán cổ phần riêng lẻ) đã biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2011, cụ thể:

9.1. Khối lượng phát hành: 12.930.000 cổ phiếu; với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần.

9.2. Đối tượng phát hành: phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho 09 pháp nhân (chi tiết như phụ lục kèm theo).

9.3. Sau thời hạn quy định, nếu các nhà đầu tư được quyền mua không góp đủ vốn, phần vốn thiếu còn lại sẽ được Hội đồng quản trị xử lý phân phối cho đối tượng khác với điều kiện tổng số nhà đầu tư phát hành trong cả đợt phát hành này không quá 100 người.

9.4. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 15.327.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

10. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Đức Tuyển- Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình của HĐQT về việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (tại tờ trình số 17/TTr-EVNI-HĐQT ngày 20/04/2011).

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh, cụ thể: miễn nhiệm ông Nguyễn Thành Huân khỏi chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Huy- Người đại diện phần vốn của CTCP Nhiệt điện Phả Lại tại EVNI để thay thế.

- Số phiếu phát ra: 134.927.220 cổ phần;
- Số phiếu thu về: 134.927.220 cổ phần;
- Số phiếu bầu hợp lệ: 134.194.400 cổ phần;
- Số phiếu bầu không hợp lệ: 732.820 cổ phần.

Kết quả: số phiếu tán thành là 134.194.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,45% (kèm theo biên bản kiểm phiếu)

C. Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Thay mặt cho Thư ký Đại hội, Ông Nguyễn Văn Tình đọc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

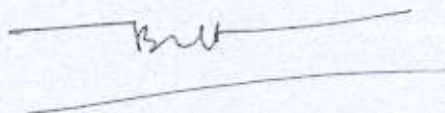
Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 21 tháng 04 năm 2011.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Văn Tình



Nguyễn Đức Eugén

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2010 thông qua phương hướng, chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn của EVNI cho từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020 và dự kiến 2021-2030.

Căn cứ tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đến thời điểm hiện nay; EVNI chuẩn xác lại Kế hoạch đầu tư dài hạn như sau:

1.1. Về mục tiêu:

1/ Tập trung mọi nguồn lực để hoàn tất các thủ tục liên quan nhằm sớm khởi công dự án Hạ Sê San 2 và quản lý điều hành dự án theo đúng tiến độ.

2/ Các dự án Hạ Sê San 1/5, Se Kong (tại Campuchia) và Nam Mô 1 (tại Lào): Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất, mới triển khai các bước tiếp theo (các dự án này trong phương hướng, chiến lược dài hạn đến năm 2010 đã thông qua có dự trù kế hoạch tiến độ và bố trí vốn đến thời điểm hoàn thành dự án).

1.2. Về tiến độ:

1/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (400MW): (i) Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài trong quý 1/2011 (Bộ KHĐT đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư); (ii) Đàm phán hợp đồng với phía Campuchia và Việt Nam kết thúc trong quý 2/2011; (iii) Campuchia cấp phép đầu tư trong quý 2/2011; (iv) Dự kiến khởi công công trình chính năm 2012; (v) Hoàn thành công trình cuối 2015, đầu 2016.

2/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (96MW): (i) Dự kiến khởi công công trình chính cuối năm 2013; (ii) Vận hành thương mại cuối năm 2017, đầu năm 2018.

3/ Dự án thủy điện SeKong (190MW) tại Campuchia, Nậm Mô 1 (70MW) tại Lào: (i) Dự kiến khởi công công trình chính cuối năm 2014; (ii) Vận hành thương mại cuối năm 2019, đầu năm 2020.

1.3. Về vốn đầu tư:



1/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: bố trí vốn chủ sở hữu để đầu tư dự án theo tỷ lệ đã thống nhất với Royal Group (đối tác được Chính phủ Campuchia giới thiệu tham gia góp vốn đầu tư dự án Hạ Sê San 2) tại biên bản ghi nhớ ngày 11/11/2010; cụ thể: EVNI giữ 51% – Royal Group giữ 49% vốn điều lệ Công ty dự án (chiếm 30% TMĐT của dự án).

2/ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: bố trí vốn để báo cáo hoàn chỉnh F/s cho phía Campuchia và Việt Nam; hoàn chỉnh thủ tục cấp phép đầu tư, đàm phán hợp đồng mua bán điện; thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tham gia đầu tư trước khi triển khai các bước tiếp theo.

3/ Dự án thủy điện SeKong tại Campuchia và Nậm Mô 1 tại Lào: Bố trí vốn để hoàn thành báo cáo F/s, báo cáo cho phía Campuchia (đối với dự án SeKong), Lào (đối với dự án Nậm Mô 1), Việt Nam (cả 2 dự án); Hoàn chỉnh thủ tục cấp phép đầu tư, đàm phán hợp đồng mua bán điện; thu xếp vốn, tìm kiếm đối tác tham gia đầu tư trước khi triển khai các bước tiếp theo.

Chi tiết vốn đầu tư qua các năm như Bảng 1:

Bảng 1

Đvt: USD

Dự án đầu tư		Năm							Tổng cộng
		07-10	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
TD Hạ Sê San 2	Vốn đầu tư	8,424,039	6,102,356	88,494,799	191,224,764	122,103,215	279,562,710	103,305,049	799,216,932
	Vốn CSH	8,424,039	6,102,356	20,985,686	37,068,623	39,242,882	60,433,028	36,548,426	208,805,039
	+ Vốn EVNI (51%)	8,424,039	4,063,792	9,686,426	17,888,724	18,997,596	29,804,570	17,623,423	106,490,570
TD Hạ Sê San 1/Sê San 5	Vốn đầu tư	1,129,101	287,609	205,059					1,621,768
	Vốn CSH	1,129,101	287,609	205,059					1,621,768
	+ Vốn EVNI (100%*VDL)	1,129,101	287,609	205,059					1,621,768
TD SeKong	Vốn đầu tư	164,930	798,463	980,223					1,943,616
	Vốn CSH	164,930	798,463	980,223					1,943,616
	+ Vốn EVNI (100%*VDL)	164,930	798,463	980,223					1,943,616
TD Nậm Mô 1	Vốn đầu tư	86,189	294,639	459,726					840,553
	Vốn CSH	86,189	294,639	459,726					840,553
	+ Vốn EVNI (100%)	86,189	294,639	459,726					840,553
Tổng cộng:	Vốn đầu tư	9,804,259	7,483,066	90,139,806	191,224,764	122,103,215	279,562,710	103,305,049	803,622,869
	Vốn CSH	9,804,259	7,483,066	22,630,693	37,068,623	39,242,882	60,433,028	36,548,426	213,210,976
	+ Vốn EVNI	9,804,259	5,446,502	11,331,433	17,888,724	18,997,596	29,804,570	17,623,423	110,896,507

1.4. Kế hoạch bố trí vốn:

Để đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2, EVNI đã ký MOU với Royal Group để thành lập pháp nhân quản lý điều hành dự án tại Vương quốc Campuchia (Công ty Hạ Sê San 2). Dự kiến Công ty Hạ Sê San 2 có vốn điều lệ là 208,8 triệu USD (tương đương 4.072 tỷ đồng), bằng 30% tổng mức đầu tư của dự án; trong đó, EVNI chiếm cổ phần chi phối, cam kết góp 51% vốn điều lệ 106,5 triệu USD (tương đương 2.076 tỷ đồng).

Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê san 5, Nậm Mô 1, Sekong, trong giai đoạn từ 2010-2012, EVNI chỉ triển khai lập Dự án đầu tư, tính toán phân tích hiệu quả kinh tế, các phương án giá bán điện, tổ chức báo cáo với các Bộ ngành, Chính phủ các nước, đàm phán mua bán điện và cấp phép đầu tư cho Dự án. Trên cơ sở Hợp đồng mua bán điện tiến hành công tác thu xếp vốn, cơ cấu cổ đông, mời các đối tác cùng tham gia đầu tư dự án,..., mới triển khai các bước tiếp theo. Do đó tổng số vốn chủ sở hữu dự kiến để đầu tư cho các dự án trên trong giai đoạn này (2010-2012) chỉ khoảng 4,4 triệu USD, tương đương 86 tỷ đồng.

Giá trị đăng ký góp vốn của các cổ đông vào EVNI đến thời điểm 31/12/2010 chỉ đạt 74 triệu USD (tương đương 1.443/2.400 tỷ đồng VDL). Với số vốn góp cam kết hiện tại, để triển khai hoàn thành dự án Hạ Sê San 2 và Dự án đầu tư các dự án khác, xảy ra các trường hợp sau:

- Nếu cổ đông hiện hữu đăng ký thêm hoặc tìm kiếm cổ đông mới tham gia góp vốn vào EVNI đảm bảo vốn điều lệ 2.400 tỷ đồng thì tiến độ góp vốn theo như bảng tính trên (bảng 1).

- Trong trường hợp các cổ đông không đăng ký thêm và không có cổ đông tham gia mới thì đến thời điểm đầu năm 2015 cần thiết phải tăng vốn điều lệ, tiến độ góp vốn của các cổ đông hiện hữu theo cam kết phải kết thúc cuối năm 2014, đầu 2015 (bảng 2).

Bảng 2

Dvt: tr.USD

S T T	Dự án đầu tư	Năm							Tổng cộng
		07-10	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
1	Tổng giá trị vốn đầu tư	9,80	7,48	90,14	191,22	122,10	279,56	103,31	803,62
2	Giá trị vốn CSH	9,80	7,48	22,63	37,07	39,24	60,43	36,55	213,24
3	Giá trị vốn EVNI cần	9,80	5,45	11,33	17,89	19,00	29,80	17,62	110,90
4	Giá trị vốn góp của cổ đông	18,75	6,63	10,65	13,08	14,36	10,56	0	74,02

Kiến nghị đối với cổ đông:

(i) Thông qua phương án chốt vốn điều lệ theo cam kết đến thời điểm 31/12/2010.

(ii) Đảm bảo góp đủ vốn theo kế hoạch để triển khai dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và hoàn chỉnh các công việc liên quan đến các dự án khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TH, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Tuyên

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay vào lúc: 08h30' ngày 29/6/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức tại địa chỉ Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 33.195.261 cổ phần, chiếm 90,51% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011 và nhiệm vụ năm 2012.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011, kế hoạch hoạt động năm 2012
4. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2012, với các nội dung chính như tại Tờ trình số 25/TTr-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012.
5. Thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2012, cụ thể:
 - 5.1 Hình thức: Chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - 5.2 Loại cổ phần: Phổ thông;
 - 5.3 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
 - 5.4 Số lượng cổ phần đang lưu hành: 36.677.145 cổ phần;
 - 5.5 Số lượng cổ phần chào bán: 10 triệu cổ phần;
 - 5.6 Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần;
 - 5.7 Phương thức thanh toán: Thực hiện nộp tiền mua cổ phần trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty;
 - 5.8 Chuyển giao cổ phần: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
 - 5.9 Số cổ phần trong đợt chào bán sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
 - 5.10 Đối tượng chào bán: Chào bán cho 09 cổ đông pháp nhân (chi tiết như phụ lục I đính kèm);

5.11 Mục đích chào bán: Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100 tỷ đồng nhằm góp vốn vào Công ty dự án để triển khai các hạng mục xây dựng và trả nợ cho các đơn vị tư vấn của dự án thủy điện Hạ Sê San 2. (Chi tiết như phụ lục II đính kèm).

5.12 Thời gian nộp tiền:

Đợt 1: Dự kiến từ tháng 7 đến hết tháng 9 năm 2012

Đợt 2: Dự kiến từ tháng 10 đến hết tháng 12 năm 2012

(Chi tiết theo phụ lục III đính kèm)

5.13 Sau thời hạn quy định, nếu các cổ đông được quyền mua không góp đủ vốn, phần vốn thiếu còn lại ủy quyền cho HĐQT ưu tiên phân phối cho các cổ đông khác hoặc chào bán cho cổ đông chiến lược theo nguyên tắc mức giá không thấp hơn mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với điều kiện tổng số nhà đầu tư trong cả đợt chào bán này không quá 100 nhà đầu tư.

5.14 Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi, cụ thể bổ sung khoản 1 Điều 5, Điều lệ Công ty như sau:

Khoản 1 Điều 5 hiện tại:

“ 1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.400.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Vốn điều lệ này được chia thành 240.000.000 cổ phần (Hai trăm bốn mươi triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng). Tiền độ góp vốn cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định theo tiến độ dự án đầu tư”.

Khoản 1 Điều 5 sau sửa đổi:

“ 1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.400.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Vốn điều lệ này được chia thành 240.000.000 cổ phần (Hai trăm bốn mươi triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng). Tiền độ góp vốn cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định theo tiến độ dự án đầu tư.

Vốn thực góp đến 31/12/2011: 366.771.459.148 đồng (ba trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng)”.

7. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2011 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4	3.800.000	147.600.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	<u>Tổng cộng:</u>			714.240.000

Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 :

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao Năm 2012 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	37.915.000	454.980.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	3.884.000	139.824.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.496.000	41.952.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.719.000	65.256.000
	Tổng cộng:			702.012.000

8. Thông qua việc chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC 2012, cụ thể :

8.1 Đơn vị thực hiện kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

8.2 Nội dung công việc:

- Thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012.
- Kiểm toán và phát hành báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty bằng tiếng Việt.

8.3 Giá trị thực hiện:

136.500.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

8.4 Thời gian thực hiện:

Giao Ban điều hành làm việc với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte để thực hiện đảm bảo thời gian theo quy định hiện hành.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ cùng ngày.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

—rak

Bùi Nguyên Hải

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Bùi Quang Hùng

Phương án phát hành cổ phần năm 2012 của EVNI

ĐVT: đồng

Stt	Tên cổ đông	Cam kết góp vốn theo điều lệ	Kế hoạch góp vốn theo điều lệ (2007-2011)		Thực góp đến 31/12/2011		Phương án phát hành cổ phần năm 2012		Ghi chú
			Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Cổ phần	Giá trị	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=(4*57,1%)	
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	822.000.000.000	657.600.000.000	80%	81.145.020.000	22,12%	4.633.400	46.334.000.000	
2	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	240.000.000.000	192.000.000.000	80%	70.800.000.000	19,30%	4.042.700	40.427.000.000	
3	Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	24.000.000.000	19.200.000.000	80%	6.000.000.000	1,64%	342.600	3.426.000.000	
4	Công ty TNHH MTV ĐL Đà Nẵng	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	2.700.000.000	0,74%	154.200	1.542.000.000	
5	Công ty cổ phần TVXD Điện 2	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	3.150.000.000	0,86%	179.900	1.799.000.000	
6	Công ty cổ phần TVXD Điện 3	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	3.150.000.000	0,86%	179.900	1.799.000.000	
7	Công ty cổ phần TVXD Điện 4	2.000.000.000	1.600.000.000	80%	1.050.000.000	0,29%	60.000	600.000.000	
8	TCty ĐL Miền Nam TNHH	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	2.700.000.000	0,74%	154.200	1.542.000.000	Đề nghị góp thay phần vốn theo cam kết của PC Đồng Nai
9	Ngân hàng TMCP An Bình	84.000.000.000	67.200.000.000	80%	37.800.000.000	10,31%	253.100	2.531.000.000	ABBank góp 0,69% tổng số vốn thực góp đến 31/12/2012
10	Cổ đông thể nhân góp vốn	864.000.000.000	648.000.000.000	75%	13.976.430.000	3,81%			
11	Các cổ đông đã xin dừng góp vốn	340.000.000.000	272.000.000.000	80%	144.300.000.000	39,34%			
	TỔNG CỘNG	2.400.000.000.000	1.876.800.000.000		366.771.450.000		10.000.000	100.000.000.000	

Bảng phân bổ vốn đầu tư từ nguồn vốn góp của cổ đông

DVT: đồng

Stt	Dự án đầu tư	Số vốn được phân bổ (<i>dự kiến</i>)	Ghi chú
1	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2-góp vốn vào Công ty dự án	68.000.000.000	
2	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2-trả nợ khối lượng cho các đơn vị tư vấn	32.000.000.000	
	Tổng cộng	100.000.000.000	



Phụ lục III

Danh sách đối tượng chào bán cổ phần năm 2012 của EVNI

DVT: đồng

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần chào bán		Chào bán đợt 1		Chào bán đợt 2	
		Cổ phần	Số tiền	Cổ phần	Số tiền	Cổ phần	Số tiền
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.633.400	46.334.000.000			4.633.400	46.334.000.000
2	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	4.042.700	40.427.000.000	4.042.700	40.427.000.000		
3	Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	342.600	3.426.000.000	342.600	3.426.000.000		
4	Công ty TNHH MTV ĐL Đà Nẵng	154.200	1.542.000.000	154.200	1.542.000.000		
5	Công ty cổ phần TVXD Điện 2	179.900	1.799.000.000	179.900	1.799.000.000		
6	Công ty cổ phần TVXD Điện 3	179.900	1.799.000.000	179.900	1.799.000.000		
7	Công ty cổ phần TVXD Điện 4	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000		
8	TCty ĐL Miền Nam TNHH	154.200	1.542.000.000	154.200	1.542.000.000		
9	Ngân hàng TMCP An Bình	253.100	2.531.000.000	253.100	2.531.000.000		
	Tổng cộng	10.000.000	100.000.000.000	5.366.600	53.666.000.000	4.633.400	46.334.000.000

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2012

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Lô số 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng
- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng cấp thay đổi lần 4 ngày 16/01/2012.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

- Vào lúc: 08h30' ngày 29/6/2012.
- Địa điểm: Hội trường Công ty EVN Quốc tế, Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo).

- Khách mời tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2011 và nhiệm vụ năm 2012;
2. Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán;
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
4. Trình kế hoạch đầu tư năm 2012;
5. Trình phương án chào bán cổ phần năm 2012;
6. Sửa đổi Điều lệ Công ty để phản ánh vốn thực góp;
7. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012;
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2012.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.
2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội,
3. Ông Hoàng Xuân Quý thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

+ Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 19 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;

+ Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 19 cổ đông pháp nhân với 35.279.502 cổ phần có quyền biểu quyết và 1.787 cổ đông thể nhân với 1.397.643 cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 155 cổ đông pháp nhân và thể nhân đại diện cho 33.195.261 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 90,51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Trương Quang Minh tiến hành:

- Thông qua thể lệ biểu quyết tại Đại hội *(có qui định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty cổ phần EVN Quốc tế kèm theo)*.

Đại hội biểu quyết thông qua thể lệ biểu quyết với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

- Giới thiệu để biểu quyết thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%, gồm:

a. Đoàn Chủ tịch:

- | | |
|------------------------|--------------------|
| - Ông Bùi Quang Hùng | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Nam Thắng | - UV.HĐQT kiêm TGD |
| - Ông Phạm Văn Thành | - UV.HĐQT |

b. Thư ký Đại hội:

- Ông Bùi Nguyên Hải

c. Ban kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải
- Ông Phùng Ngọc Ánh
- Ông Lê Thanh Khoa

- Ban tổ chức mời Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu làm việc.

B. Tiến hành Đại hội: Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội.

B.1. Đoàn Chủ tịch thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt HĐQT, Ông Bùi Quang Hùng - Chủ tịch HĐQT, báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2011 và nhiệm vụ năm 2012 (tại Báo cáo số 21/BC-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012).

Cổ đông đại diện Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2 đề nghị làm rõ việc triển khai dự án Hạ Sê San 2 đang gặp khó khăn gì? Phương hướng giải quyết ra sao? Đoàn Chủ tịch đã giải trình các vướng mắc hiện nay giữa Việt Nam và Campuchia trong việc thỏa thuận phân chia sản lượng điện của dự án khi vận hành, vấn đề này đang được Thủ tướng hai nước xem xét giải quyết nên Công ty phải chờ đợi quyết định của Chính phủ.

Sau khi thảo luận, Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2011 và nhiệm vụ năm 2012:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Ông Hoàng Xuân Quí - Kế toán trưởng trình bày Báo cáo tài chính 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Cổ đông đại diện Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đề nghị giải trình rõ ý kiến của Kiểm toán liên quan đến việc Công ty hiện đang hạch toán các chi phí quản lý dự án vào khoản mục “chi phí xây dựng cơ bản dở dang”: Vấn đề này đã được Ban điều hành giải trình chi tiết trong Thư quản lý và cũng đã được Ban Kiểm soát thống nhất tại Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2011.

Sau khi thảo luận, Đại hội thống nhất với ý kiến giải trình của Ban điều hành tại Thư quản lý và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Nguyễn Hoàng Hải - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011, kế hoạch hoạt động năm 2012 (tại Báo cáo Ban kiểm soát ngày 12/6/2012).

Cổ đông đại diện Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đã có ý kiến đề nghị làm rõ một số vấn đề mà Ban kiểm soát đã nêu như vấn đề HĐQT cần bổ sung các qui trình, qui định trong hoạt động điều hành của Công ty, về vấn đề chi phí của dự án dừng triển khai nghiên cứu, đầu tư.

Đoàn Chủ tịch đã có giải trình cụ thể và làm rõ các ý kiến trên: việc bổ sung qui trình, qui định nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty với đối tác nước ngoài như Royal Group, quan hệ hoạt động với Công ty CVHP bên Campuchia; việc Công ty phải bỏ ra một số chi phí nghiên cứu cho các dự án dự kiến lập DADT đó là khi được Tổng Công ty Điện lực Lào giới thiệu 3 dự án Nậm Ét và dự án Nậm Kong 2, Công ty đã quyết định thuê tư vấn đánh giá tính khả thi của dự án (có giá trị nhỏ, khoảng 1-2 tỷ đồng) trước khi quyết định thực hiện triển khai lập hồ sơ DADT (có giá trị tư vấn lên đến vài chục tỷ đồng cho một dự án), sau khi báo cáo đánh giá tính khả thi (có mức độ nghiên cứu sâu hơn quy hoạch nhưng dưới BCNCTKT) của các dự án này chứng minh không khả thi để tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, Công ty đã quyết định dừng và đã báo cáo Chính phủ Lào không tiếp tục nghiên cứu các dự án này nữa.

Sau khi thảo luận, Đại hội thống nhất ý kiến giải trình của Đoàn Chủ tịch và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011 và kế hoạch hoạt động năm 2012:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Nam Thắng - Tổng Giám đốc trình bày kế hoạch đầu tư năm 2012 tại Tờ trình số 25/TTr-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011 và kế hoạch năm 2012, với các nội dung chính như trong Tờ trình số 25/TTr-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

5. Ông Hoàng Xuân Quí đọc Tờ trình số 23/TTr-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012 về việc thông qua phương án chào bán cổ phần năm 2012.

Sau khi thảo luận, Cổ đông được quyền biểu quyết đã biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phần năm 2012, cụ thể:

- 5.1 Hình thức: Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- 5.2 Loại cổ phần: Phổ thông;
- 5.3 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
- 5.4 Số lượng cổ phần đang lưu hành: 36.677.145 cổ phần;
- 5.5 Số lượng cổ phần chào bán: 10 triệu cổ phần;
- 5.6 Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần;
- 5.7 Phương thức thanh toán: Thực hiện nộp tiền mua cổ phần trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty;
- 5.8 Chuyển giao cổ phần: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- 5.9 Số cổ phần trong đợt chào bán sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- 5.10 Đối tượng chào bán: Chào bán cho 09 cổ đông pháp nhân (*chi tiết như phụ lục I đính kèm*);
- 5.11 Mục đích chào bán: Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100 tỷ đồng nhằm góp vốn vào Công ty dự án để triển khai các hạng mục xây dựng và trả nợ cho các đơn vị tư vấn của dự án thủy điện Hạ Sê San 2. (*Chi tiết như phụ lục II đính kèm*).
- 5.12 Thời gian nộp tiền:
 - Đợt 1: Dự kiến từ tháng 7 đến hết tháng 9 năm 2012
 - Đợt 2: Dự kiến từ tháng 10 đến hết tháng 12 năm 2012(*Chi tiết theo phụ lục III đính kèm*)

5.13 Sau thời hạn quy định, nếu các cổ đông được quyền mua không góp đủ vốn, phần vốn thiếu còn lại ủy quyền cho HĐQT ưu tiên phân phối cho các cổ đông khác hoặc chào bán cho cổ đông chiến lược theo nguyên tắc mức giá không thấp hơn mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với điều kiện tổng số nhà đầu tư trong cả đợt chào bán này không quá 100 nhà đầu tư.

5.14 Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 12.604.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

6. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Nam Thắng - Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 24/TTr-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty để phản ánh vốn thực góp, cụ thể bổ sung khoản 1 Điều 5, Điều lệ Công ty như sau:

Khoản 1 Điều 5 hiện tại:

“ 1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.400.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Vốn điều lệ này được chia thành 240.000.000 cổ phần (Hai trăm bốn mươi triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng). Tiến độ góp vốn cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định theo tiến độ dự án đầu tư.”

Khoản 1 Điều 5 sau sửa đổi:

“ 1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.400.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Vốn điều lệ này được chia thành 240.000.000 cổ phần (Hai trăm bốn mươi triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng). Tiến độ góp vốn cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định theo tiến độ dự án đầu tư.

Vốn thực góp đến 31/12/2011: 366.771.459.148 đồng (ba trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng).”

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.

- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.

- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Ông Trương Quang Minh – Phó Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 22/TTr-EVNI-HĐQT ngày 11/6/2012 về tổng mức thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2011:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2011 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	38.500.000	462.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4	3.800.000	147.600.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.400.000	40.800.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.660.000	63.840.000
	<u>Tổng cộng:</u>			714.240.000

Dự kiến mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2012 như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao Năm 2012 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	37.915.628	454.987.541
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	3.884.400	139.838.400
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.495.960	41.951.520
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.719.080	65.257.920
	<u>Tổng cộng:</u>			702.035.381

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 và mức thù lao năm 2012:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Nguyễn Hoàng Hải - Trưởng Ban Kiểm soát đọc tờ trình số 27/TTr-EVNI-HĐQT ngày 14/6/2012 về việc chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC 2012, cụ thể :

8.1 Đơn vị thực hiện kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

8.2 Nội dung công việc:

- Thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012.
- Kiểm toán và phát hành báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty bằng tiếng Việt.

8.3 Giá trị thực hiện: 136.500.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

8.4 Thời gian thực hiện: Giao Ban điều hành làm việc với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte để thực

hiện đảm bảo thời gian theo quy định hiện hành.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

C. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

Ông Bùi Nguyên Hải – Thư ký Đại hội đọc Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

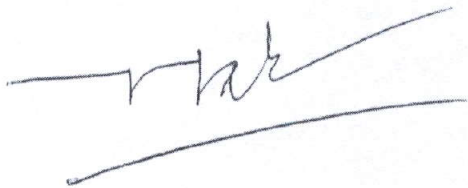
Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2012.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Bùi Nguyên Hải

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Bùi Quang Hùng

Phương án phát hành cổ phần năm 2012 của EVNI

ĐVT: đồng

Stt	Tên cổ đông	Cam kết góp vốn theo điều lệ	Kế hoạch góp vốn theo điều lệ (2007-2011)		Thực góp đến 31/12/2011		Phương án phát hành cổ phần năm 2012		Ghi chú
			Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Cổ phần	Giá trị	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=(4*57,1%)	
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	822.000.000.000	657.600.000.000	80%	81.145.020.000	22,12%	4.633.400	46.334.000.000	
2	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	240.000.000.000	192.000.000.000	80%	70.800.000.000	19,30%	4.042.700	40.427.000.000	
3	Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	24.000.000.000	19.200.000.000	80%	6.000.000.000	1,64%	342.600	3.426.000.000	
4	Công ty TNHH MTV ĐL Đà Nẵng	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	2.700.000.000	0,74%	154.200	1.542.000.000	
5	Công ty cổ phần TVXD Điện 2	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	3.150.000.000	0,86%	179.900	1.799.000.000	
6	Công ty cổ phần TVXD Điện 3	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	3.150.000.000	0,86%	179.900	1.799.000.000	
7	Công ty cổ phần TVXD Điện 4	2.000.000.000	1.600.000.000	80%	1.050.000.000	0,29%	60.000	600.000.000	
8	TCty ĐL Miền Nam TNHH	6.000.000.000	4.800.000.000	80%	2.700.000.000	0,74%	154.200	1.542.000.000	Đề nghị góp thay phần vốn theo cam kết của PC Đồng Nai
9	Ngân hàng TMCP An Bình	84.000.000.000	67.200.000.000	80%	37.800.000.000	10,31%	253.100	2.531.000.000	ABBank góp 0,69% tổng số vốn thực góp đến 31/12/2012
10	Cổ đông thể nhân góp vốn	864.000.000.000	648.000.000.000	75%	13.976.430.000	3,81%			
11	Các cổ đông đã xin dừng góp vốn	340.000.000.000	272.000.000.000	80%	144.300.000.000	39,34%			
	TỔNG CỘNG	2.400.000.000.000	1.876.800.000.000		366.771.450.000		10.000.000	100.000.000.000	

Bảng phân bổ vốn đầu tư từ nguồn vốn góp của cổ đông

ĐVT: đồng

Stt	Dự án đầu tư	Số vốn được phân bổ (<i>dự kiến</i>)	Ghi chú
1	Dự án thuỷ điện Hạ Sê San 2-góp vốn vào Công ty dự án	68.000.000.000	
2	Dự án thuỷ điện Hạ Sê San 2-trả nợ khối lượng cho các đơn vị tư vấn	32.000.000.000	
	Tổng cộng	100.000.000.000	

Phụ lục III

Danh sách đối tượng chào bán cổ phần năm 2012 của EVNI

DVT: đồng

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần chào bán		Chào bán đợt 1		Chào bán đợt 2	
		Cổ phần	Số tiền	Cổ phần	Số tiền	Cổ phần	Số tiền
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.633.400	46.334.000.000			4.633.400	46.334.000.000
2	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	4.042.700	40.427.000.000	4.042.700	40.427.000.000		
3	Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	342.600	3.426.000.000	342.600	3.426.000.000		
4	Công ty TNHH MTV ĐL Đà Nẵng	154.200	1.542.000.000	154.200	1.542.000.000		
5	Công ty cổ phần TVXD Điện 2	179.900	1.799.000.000	179.900	1.799.000.000		
6	Công ty cổ phần TVXD Điện 3	179.900	1.799.000.000	179.900	1.799.000.000		
7	Công ty cổ phần TVXD Điện 4	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000		
8	TCty ĐL Miền Nam TNHH	154.200	1.542.000.000	154.200	1.542.000.000		
9	Ngân hàng TMCP An Bình	253.100	2.531.000.000	253.100	2.531.000.000		
	Tổng cộng	10.000.000	100.000.000.000	5.366.600	53.666.000.000	4.633.400	46.334.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ**

Số: 25/TTr-EVNI-HDQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 06 năm 2012

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua kế hoạch năm 2012

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2012 của Công ty;

Để có cơ sở triển khai thực hiện, Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2012 với tổng giá trị là **242,915 tỷ đồng, trong đó:**

- Kế hoạch huy động vốn đầu tư các dự án của EVNI là: **177,087 tỷ đồng.**
- Kế hoạch vốn góp của Royal Group cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là: **65,827 tỷ đồng.**

Cụ thể như bảng sau:

TT	Nội dung	Giá trị	Trong đó		Ghi chú
			Kế hoạch vốn của EVNI	Kế hoạch vốn của Royal Group	
1	Kế hoạch ĐTXD năm 2012	156.705.508.000	90.877.672.220	65.827.835.780	
a	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI góp 51%, Royal Group góp 49%)	134.342.522.000	68.514.686.220	65.827.835.780	PL1
b	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	289.142.000	289.142.000		PL2
c	Dự án thủy điện SeKong	8.229.382.000	8.229.382.000		PL2
d	Dự án thủy điện Nậm Mô 1	6.510.678.000	6.510.678.000		PL2
e	Nhà điều hành Công ty EVNI	7.333.784.000	7.333.784.000		PL2
2	Chi phí phát triển dự án Hạ Sê San 2	66.069.224.000	66.069.224.000		
a	Kế hoạch trả nợ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đối với phần chi phí phát triển đã thực hiện đến hết 2011	64.832.238.000	64.832.238.000		PLB

TT	Nội dung	Giá trị	Trong đó		Ghi chú
			Kế hoạch vốn của EVNI	Kế hoạch vốn của Royal Group	
b	Phần chi phí phát triển dự án HSS2 năm 2012 (Hợp đồng tư vấn Khảo sát, lập TKKT-TDT đường dây từ NMTĐ HSS2 đến Sung Treng)	1.236.986.000	1.236.986.000		PLC / Mục I
3	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	20.140.437.000	20.140.437.000		PL3
*	Tổng cộng (1+2+3):	242.195.169.000	177.087.333.220	65.827.835.780	

(có chi tiết kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, TH, KH.



Nguyễn Nam Thắng



EVNINTERNATIONAL



CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, ĐN

Điện thoại: 0511.6255656

Fax: 0511.3633.991/992

Website: www.evni.vn

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2012

(Kèm theo Tờ trình số. 25../TTr-EVNI-HĐQT ngày 14 tháng 06 năm 2012)

Đà Nẵng, tháng 06/2012

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2012

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011

1. Đánh giá chung

Trong năm 2011, EVNI đã thực hiện được các nội dung sau:

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Về phía Việt Nam: (i) Hoàn thành xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Bộ Kế hoạch & Đầu tư đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sang Campuchia cho dự án; (ii) Hoàn thành các thủ tục phục vụ đàm phán mua bán điện như thỏa thuận phương án đầu nối, thỏa thuận thiết kế hệ thống đo đếm và hệ thống SCADA/EMS và đàm phán xong tổng vốn đầu tư thuần cho dự án.

Về phía Campuchia: (i) Hoàn thành đàm phán giá bán điện và ký biên bản với Tổ công tác liên bộ Campuchia. Về đàm phán các hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng cho thuê (LA), hợp đồng phát triển dự án (IA) cơ bản thống nhất các điều khoản của ba hợp đồng ở cấp chuyên viên và đang chờ hợp phiên toàn thể với Tổ công tác Chính phủ để thống nhất lần cuối các điểm còn vướng để đi đến ký kết các hợp đồng trên. Phía Campuchia cũng đã sẵn sàng cấp phép cho dự án, hiện chỉ chờ EVNI và Royal Group thống nhất chi phí phát triển dự án.

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: Hoàn chỉnh các nội dung dự án đầu tư, báo cáo ảnh hưởng về rừng của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và báo cáo EVN để tổng hợp báo cáo Bộ KHĐT xem xét.

Đối với các dự án thủy điện SeKong, Nậm Mô 1: Hoàn chỉnh báo cáo kết quả nghiên cứu giai đoạn 1 dự án đầu tư (giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi) và triển khai khảo sát đo vẽ bản đồ 1/10.000 giai đoạn 2 (giai đoạn nghiên cứu khả thi).

Cụ thể tình hình triển khai các dự án như sau:

a) Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

- Hoàn thành xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Bộ Kế hoạch & Đầu tư đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sang Campuchia cho dự án;
- Tham dự Hội nghị xúc tiến đầu tư lần thứ 2 vào Campuchia ngày 24/04/2011 do 2 Thủ tướng Campuchia và Việt Nam đồng chủ trì. Tại Hội nghị, hai bên đã ký Biên bản ghi nhớ (MOU) về việc phía Campuchia sẽ cấp phép đầu tư cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2 trong năm 2011;
- Triển khai thủ tục đàm phán mua bán điện với phía Việt Nam, Công ty đã làm việc với EVN, EPTC và hoàn thành các nội dung: (i) Trách nhiệm đầu tư hệ thống đo đếm phía Việt Nam; (ii) Thỏa thuận hồ sơ thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng NMTĐ Hạ Sê San 2 với EPTC; (iii) Thỏa thuận hồ sơ thiết kế hệ thống viễn thông và SCADA/EMS với A₀. Và tiến hành đàm phán giá bán điện với EPTC và thống nhất được các nội dung như: (i) Kế hoạch đàm phán các thông số đầu vào phục vụ tính toán giá điện, kế hoạch đàm phán giá

điện, kế hoạch đàm phán hợp đồng mua bán điện; (ii) Tổng vốn đầu tư thuần của dự án;

- Về đàm phán giá bán điện với phía Campuchia: Công ty đã đệ trình hồ sơ đề xuất từ tháng 02/2010 và tổ chức tiến hành đàm phán đến tháng 06/2011, qua tất cả 06 phiên đàm phán, vào ngày 29/06/2011, hai bên đã hoàn thành đàm phán giá bán điện và đã ký kết biên bản; theo đó các bên đã thống nhất về tổng mức đầu tư, lãi suất vốn vay, phí phát điện, giá bán điện cho dự án và MIME kiến nghị 100% sản lượng điện của Nhà máy sẽ được bán cho Tổng công ty Điện lực Campuchia (Edc). Vấn đề này, ngày 04/10/2011 MIME đã có văn bản số 1927 MIME gửi cho Bộ Công thương Việt Nam, khẳng định do nhu cầu điện tăng cao, phía CPC sẽ mua toàn bộ sản lượng điện của dự án. EVNI cũng đã báo cáo EVN, Bộ Công thương về vấn đề này, tuy nhiên vẫn chưa nhận được ý kiến chính thức từ phía Bộ Công thương;
- Về đàm phán các hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng phát triển (IA), hợp đồng cho thuê (LA) với Tổ công tác Campuchia: Trên cơ sở kết quả đàm phán giá bán điện, ngày 10/08/2011, EVN International tiếp tục đệ trình dự thảo các hợp đồng PPA, IA, LA và đơn đốc MIME tổ chức triển khai đàm phán các hợp đồng. Đến nay, hai bên cơ bản thống nhất các điều khoản của ba hợp đồng ở cấp chuyên viên và đang chờ hợp phiên toàn thể với Tổ công tác Chính phủ để thống nhất lần cuối các điểm còn vướng để đi đến ký kết các hợp đồng trên. Tuy nhiên, do vẫn chưa thống nhất chi phí phát triển dự án với đối tác Royal Group cũng như tình hình huy động vốn góp của cổ đông và vốn vay khó khăn nên EVNI cũng đang trì hoãn tiến độ đàm phán. Nếu đẩy nhanh tiến độ đàm phán, xin cấp phép sẽ dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện các cam kết tài chính cũng như tiến độ thi công xây dựng theo yêu cầu của MIME. Điều này sẽ dẫn đến khả năng phía Campuchia thu hồi dự án.
- Liên quan đến đối tác Royal Group: Làm việc và thống nhất với Royal Group các nội dung như: Điều lệ Công ty dự án, hợp đồng cổ đông và hình thức đấu thầu EPC. Các nội dung còn lại như: chi phí phát triển dự án, kế hoạch năm 2012 cho dự án, tư vấn quản lý dự án vẫn đang được tiếp tục thảo luận. Hiện nay, Bộ Thương mại Campuchia đã cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty TNHH thủy điện Campuchia-Việt Nam (CVH);
- Về đấu thầu EPC & thu xếp vốn cho dự án: Trong năm 2011, EVNI đã làm việc với tổ chức bảo lãnh đầu tư đa phương (MIGA) để bảo lãnh phần vốn vay cho dự án và thông qua các nhà thầu xây lắp, thiết bị để làm việc với các ngân hàng phát triển Malayxia, Hàn Quốc, Trung Quốc và Séc về phần vốn vay của dự án để chuẩn bị phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu EPC. Hiện nay, ngân hàng KB của Cộng hòa Séc đã gửi bản chào thu xếp vốn vay cho dự án;
- Liên quan đến các gói thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế các hạng mục công trình phụ trợ như đường vào công trường, đường vào thôn Phluck, Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 tại Stung Treng, hiện nay các đơn vị Tư vấn đã hoàn thành TKKTTC và hoàn chỉnh HSMT để chuẩn bị lựa chọn nhà thầu sau khi được Chính phủ Campuchia cấp phép.

b) Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

- Hoàn chỉnh các nội dung dự án đầu tư, báo cáo ảnh hưởng về rừng của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và báo cáo EVN để tổng hợp báo cáo Bộ KHĐT xem xét, nội dung thực hiện phù hợp với kế hoạch đưa ra được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-EVNI-ĐHCĐ ngày 21/04/2011;
- Hiện Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi để kịp giải trình các nội dung của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 liên quan đến việc Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư cho dự án. Trong khi chờ phía Việt Nam xem xét, Công ty đã làm việc và xin gia hạn MOU đến tháng 06/2012 và MIME cũng đã có văn bản đồng ý.

c) Dự án thủy điện SeKong tại Campuchia

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án đầu tư giai đoạn 1 và lập báo cáo đánh giá tính khả thi của dự án;
- Tổ chức báo cáo Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) về kết quả nghiên cứu tiền khả thi dự án và xin gia hạn MOU và được MIME chấp nhận gia hạn nghiên cứu dự án đến tháng 06/2012. Công ty đã làm việc với Công ty Tư vấn Xây Dựng Điện 4 để giãn tiến độ thực hiện giai đoạn 2 với phương án triển khai tối thiểu đủ số liệu báo cáo MIME trong năm 2012 nhằm mục đích xin gia hạn lần 2 đến tháng 06/2013 và tập trung vốn cho dự án Hạ Sê San 2. Hiện đơn vị tư vấn đang triển khai đo vẽ địa hình bản đồ 1/10.000;
- Về tìm kiếm, huy động vốn cho dự án: Trong năm Công ty cũng đã liên hệ và làm việc với các Nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm tham gia góp vốn đầu tư dự án như Licogi 16, RusHydro Nga. Công ty cũng đã làm việc và ký biên bản làm việc với các đối tác này. Tuy nhiên, các đối tác này vẫn chưa có ý kiến chính thức về việc cùng tham gia nghiên cứu phát triển dự án.

d) Dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án đầu tư giai đoạn 1 và lập báo cáo đánh giá tính khả thi của dự án;
- Tổ chức báo cáo Bộ Kế hoạch & Đầu tư Lào, Cục Xúc tiến & Phát triển năng lượng Lào về kết quả nghiên cứu tiền khả thi dự án vào ngày 29/08/2011 và xin gia hạn MOU đến tháng 09/2012 để có thêm thời gian nghiên cứu và phía Lào đã xem xét gia hạn MOU đến tháng 03/2012. Hiện Công ty đang triển khai khảo sát đo vẽ địa hình bản đồ 1/10.000, khảo sát địa chất để có đủ số liệu báo cáo Bộ Năng lượng & Mỏ, Bộ KH&ĐT Lào trong tháng 03/2012 và tiếp tục xin gia hạn đến hết 2012.

e) Dự án Nhà điều hành Công ty

- Hoàn thành lựa chọn nhà thầu lập phương án kiến trúc, lập thiết kế bản vẽ thi công, chọn thầu và ký kết hợp đồng thi công xây dựng. Hiện công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng;

f) Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đầu nối lưới điện ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia

- Hoàn thành nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án Quy hoạch đảm bảo theo yêu cầu và nhiệm vụ do EVN giao;

- Phối hợp với các đơn vị tư vấn lập quy hoạch báo cáo EVN, Vụ Năng lượng về kết quả nghiên cứu giai đoạn 1 quy hoạch phía Campuchia và bước 1 giai đoạn 2 quy hoạch phía Lào.

g) Các công việc khác

- Hoàn thành cơ bản và di dời trụ sở Công ty về địa điểm mới tại Lô 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

2. Chi phí hoạt động và quản lý dự án năm 2011

Chi phí thực hiện/Kế hoạch là: 21,69/25,49 tỷ đồng.

3. Tổng hợp giá trị thực hiện và giải ngân năm 2011

Chi tiết xem phụ lục A kèm theo

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN CỦA NĂM 2011

1. Một số tồn tại

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: (i) Đàm phán các hợp đồng PPA, IA, LA và thủ tục cấp phép đầu tư cho dự án vẫn chưa hoàn thành; (ii) Chưa thống nhất với Royal Group về chi phí phát triển dự án; (iii) Các cổ đông EVNI vẫn chưa góp đủ kế hoạch huy động vốn góp năm 2011 (chỉ đạt 0,82% kế hoạch).
- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: (i) Bộ KH&ĐT chưa tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội chưa thông qua chủ trương đầu tư dự án; (ii) Thủ tục cắm mốc biên giới VT26 giữa tỉnh Gia Lai và Rattanakiri vẫn chưa xong, dẫn đến việc xác định ranh giới thu hồi đất của dự án là không xác định được.

2. Nguyên nhân

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:
 - + Một là, do các cổ đông EVNI không góp vốn (chỉ đạt 0,82% nhu cầu vốn) nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án. Bên cạnh đó, vẫn chưa thống nhất được chi phí phát triển dự án với đối tác Royal Group nên EVNI đang trì hoãn tiến độ xin cấp phép đầu tư. Nếu đẩy nhanh tiến độ đàm phán, xin cấp phép sẽ dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện các cam kết tài chính cũng như tiến độ thi công xây dựng theo yêu cầu của MIME. Điều này sẽ dẫn đến khả năng phía Campuchia thu hồi dự án;
 - + Hai là, Bộ Công thương vẫn chưa có ý kiến chính thức liên quan đến việc bán 100% công suất nhà máy cho Edc.
- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: Do dự án có các chỉ tiêu thuộc dự án, công trình quan trọng quốc gia phải trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư theo Nghị quyết 49/2010/QH12 ngày 19/06/2010 nên tiến độ triển khai hiện tạm dừng để báo cáo EVN, Bộ KH&ĐT tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, tuy nhiên hiện nay Bộ KH&ĐT vẫn chưa tổng hợp báo cáo Chính phủ.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2012

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng mới

Trên cơ sở các công việc đã thực hiện và những tồn tại trong năm 2011, kế hoạch đầu tư xây dựng mới năm 2012 EVNI sẽ tập trung triển khai giai đoạn tiếp theo của các dự án, với nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp như sau:

- (i) Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: Hiện nay, Công ty dự án đã được thành lập với tên gọi là Công ty TNHH thủy điện Campuchia-Việt Nam (CVH). Theo thỏa thuận với đối tác Royal Group thì EVNI sẽ là tư vấn quản lý dự án. Để quản lý và điều hành dự án có hiệu quả, Công ty xác định mục tiêu trọng điểm trong năm 2012 đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2 là làm tốt nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án sau khi hoàn chỉnh các thủ tục xin cấp phép đầu tư (*dự kiến trong quý 02/2012*) và hỗ trợ CVH công tác thu xếp vốn cho dự án và phân đấu khởi công công trình chính.
- (ii) Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: Tiếp tục báo cáo, giải trình với các cơ quan có liên quan nhằm mục tiêu Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư cho dự án.
- (iii) Đối với dự án thủy điện SeKong tại Campuchia: Hoàn thành bước 1 giai đoạn 2 dự án đầu tư để có đủ số liệu phục vụ báo cáo bước trung gian khi thời gian nghiên cứu dự án kết thúc trong tháng 06/2012 và tiếp tục xin gia hạn lần 2 đến tháng 06/2013.
- (iv) Đối với dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào: Theo đánh giá của phía Lào, dự án nằm trong danh mục có khả năng bị thu hồi do tiến độ nghiên cứu không đáp ứng yêu cầu. Phía Lào cũng đã gia hạn tiến độ nghiên cứu đến tháng 03/2012 (*gia hạn thêm 06 tháng*), do đó nhiệm vụ năm 2012 của công ty cho dự án là phân đấu hoàn thành bước 1 giai đoạn 2 trong tháng 03/2012 để báo cáo bước trung gian và tiếp tục xin gia hạn lần 2 để phân đấu cơ bản hoàn thành nghiên cứu toàn bộ giai đoạn 2 dự án đầu tư (*giai đoạn nghiên cứu khả thi*) vào cuối năm 2012.
- (v) Đối với dự án quy hoạch Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đầu nối lưới điện ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia: Tiếp tục công tác tư vấn quản lý dự án quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đầu nối lưới điện ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia nhằm mục tiêu hoàn thành dự án trong năm 2012.

Cụ thể như sau:

1.1. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

- Chỉ đạo CVH đơn đốc các cổ đông liên quan đến việc thống nhất chi phí phát triển dự án thủy điện Hạ Sê San 2 để ghi vốn điều lệ;
- Tiếp tục làm việc với EVN, Bộ Công thương sớm có ý kiến liên quan đến phương án bán 100% công suất cho Tổng công ty Điện lực Campuchia (Edc);
- Hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư, ký kết các hợp đồng PPA, IA, LA và tiếp nhận Giấy chứng nhận đầu tư từ Chính phủ Hoàng Gia Campuchia cho dự án;

- Đề xuất và thống nhất với CVH về dự toán chi phí quản lý dự án và ký hợp đồng tư vấn quản lý dự án;
- Xây dựng tiến độ góp vốn cho dự án trình HĐQT CVH phê duyệt và tiến hành góp 51% vốn tự có trên cơ sở kế hoạch được duyệt;
- Tiếp tục làm việc với các đối tác, các nhà đầu tư quan tâm góp vốn vào dự án và thu xếp nguồn vốn vay;
- Phối hợp với CVH báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ hai nước liên quan đến thủ tục xin cấp bảo lãnh vốn vay cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu EPC và quản lý công tác đấu thầu dự án thủy điện Hạ Sê San 2 sau khi EVNI ký hợp đồng làm tổng thầu tư vấn;
- Lập quy trình đền bù trình HĐQT CVH phê duyệt và tổ chức thực công tác đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực dự án;
- Tư vấn hỗ trợ CVH chuẩn bị các thủ tục lựa chọn nhà thầu thi công rà phá bom mìn khu vực dự án và giám sát thi công;
- Tư vấn hỗ trợ CVH chuẩn bị các thủ tục lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng các hạng mục phục vụ khởi công công trình chính như đường vào công trường, khu nhà điều hành tại Stung Treng và triển khai giám sát thi công các hạng mục này;
- Tư vấn quản lý dự án đảm bảo phần đấu khởi công công trình chính sau khi thu xếp được nguồn vốn vay.

1.2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

- Tổ chức làm việc với UBND tỉnh Gia Lai để chuẩn xác diện tích rừng chiếm dụng của dự án;
- Phối hợp với Ủy ban biên giới quốc gia để chuyển hệ tọa độ bản đồ dự án về hệ tọa độ dùng chung đã được Việt Nam & Campuchia thống nhất, chuẩn xác lại diện tích đất bị thiệt hại của mỗi nước làm cơ sở tích toán phân chia lợi ích có được do phát điện của dự án;
- Hoàn chỉnh và báo cáo kết quả nghiên cứu giai đoạn dự án đầu tư với phía Việt Nam & Campuchia.

1.3. Dự án thủy điện SeKong

- Hoàn thành khảo sát địa hình phục vụ lập dự án đầu tư;
- Hoàn thành đo vẽ bản đồ 1/10.000 bằng phương pháp ảnh hàng không;
- Hoàn thành công tác điều tra thiệt hại, lập khung chính sách bồi thường nhằm đánh giá chi tiết mức độ ảnh hưởng của dự án;
- Triển khai lập quy hoạch tổng thể tái định cư, tái định canh;
- Triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án;
- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT);
- Đi thực địa và tổ chức báo cáo MIME kết quả BCNCKT (nghiên cứu bước 1 giai đoạn 2 giai đoạn dự án đầu tư) và tiếp tục xin gia hạn nghiên cứu dự án đến tháng 06/2013 nhằm tập trung vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Tìm kiếm các nhà đầu tư tham gia góp vốn vào dự án.

1.4. Dự án thủy điện Nậm Mô 1

- Hoàn thành đo vẽ bản đồ 1/10.000 bằng phương pháp ảnh hàng không;
- Hoàn thành khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập dự án đầu tư;
- Hoàn thành cơ bản công tác điều tra thiệt hại, lập khung chính sách bồi thường, tái định cư, tái định canh và Quy hoạch tổng thể tái định cư, tái định canh;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Tổ chức đi thực địa và báo cáo Bộ Năng lượng & Mỏ, Bộ KH&ĐT Lào về kết quả nghiên cứu giai đoạn dự án đầu tư;
- Triển khai đàm phán hợp đồng phát triển dự án (PDA);
- Tìm kiếm các nhà đầu tư tham gia góp vốn vào dự án.

1.5. Quản lý dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đấu nối lưới điện ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia

- Tiếp tục công tác tư vấn quản lý dự án quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đấu nối lưới điện ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia nhằm mục tiêu hoàn thành dự án trong năm 2012;
- Tổ chức giám sát công tác khảo sát địa hình, địa chất một số dự án trong quy hoạch;
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn lập quy hoạch báo cáo EVN, Bộ Công thương về kết quả nghiên cứu.

2. Kế hoạch trả nợ dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Hiện nay Công ty TNHH thủy điện Campuchia-Việt Nam (CVH) đã được thành lập, dự kiến trong năm 2012 dự án thủy điện Hạ Sê San 2 sẽ được chuyển giao toàn bộ cho CVH trực tiếp quản lý, EVNI sẽ chịu trách nhiệm thực hiện hoàn chỉnh và thanh toán tất cả các hợp đồng dở dang với giá trị còn lại là **64,832 tỷ đồng**. Chi tiết như phụ lục B kèm theo.

3. Kế hoạch nhân sự

Cân đối nguồn nhân lực hiện nay của Công ty, trong năm 2012 Công ty dự kiến tổng số CBCNV là 52 người.

4. Kế hoạch chi phí hoạt động và quản lý dự án

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý.... Công ty lập dự toán chi phí hoạt động và quản lý dự án cho năm 2012 là **20,140 tỷ đồng**. (Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).

5. Tổng hợp kế hoạch năm 2012

TT	Nội dung	Giá trị	Trong đó		Ghi chú
			Kế hoạch vốn của EVNI	Kế hoạch vốn của Royal Group	
1	Kế hoạch ĐTXD năm 2012	156.705.508.000	90.877.672.220	65.827.835.780	
a	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI góp 51%, Royal Group góp 49%)	134.342.522.000	68.514.686.220	65.827.835.780	PL1
b	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	289.142.000	289.142.000		PL2
c	Dự án thủy điện SeKong	8.229.382.000	8.229.382.000		PL2
d	Dự án thủy điện Nậm Mô 1	6.510.678.000	6.510.678.000		PL2
e	Nhà điều hành Công ty EVNI	7.333.784.000	7.333.784.000		PL2
2	Chi phí phát triển dự án Hạ Sê San 2	66.069.224.000	66.069.224.000	-	
a	Kế hoạch trả nợ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đối với phần chi phí phát triển đã thực hiện đến hết 2011	64.832.238.000	64.832.238.000		PLB
b	Phần chi phí phát triển dự án HSS2 năm 2012 (Hợp đồng tư vấn Khảo sát, lập TKKT-TDT đường dây từ NMTĐ HSS2 đến Sung Treng)	1.236.986.000	1.236.986.000		PLC /Mục I
3	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	20.140.437.000	20.140.437.000		PL3
*	Tổng cộng (1+2+3):	242.915.169.000	177.087.330.000	65.827.835.780	

(Chi tiết xem các phụ lục kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2012

1. Công tác quản lý, điều hành

- Báo cáo MIME có ý kiến chỉ đạo đối tác Royal Group tích cực làm việc với EVNI liên quan đến việc thống nhất chi phí phát triển dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- Theo dõi lịch làm việc của EVN, Bộ Công thương để báo cáo các vướng mắc, kiến nghị của dự án thủy điện Hạ Sê San 2 như vấn đề công suất bán, vay vốn, cơ chế chính sách riêng cho EVNI;
- Tập trung mọi nguồn lực ưu tiên cho mục tiêu hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư, ký kết các hợp đồng PPA, IA, LA và tiếp nhận Giấy chứng nhận đầu tư từ Chính phủ Hoàng Gia Campuchia cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy và nhân sự, chuẩn bị điều động, sắp xếp lại và tuyển dụng mới nhân sự tốt để đáp ứng yêu cầu quản lý các dự án của công ty, hoàn chỉnh quy chế trả lương gắn với hiệu quả công việc đảm nhiệm trên cơ sở công bằng, minh bạch;
- Nghiên cứu, ban hành các quy chế khuyến khích người lao động trực tiếp làm việc thường xuyên cho các dự án tại Campuchia, Lào;
- Đề xuất và phối hợp với Royal Group nghiên cứu cách thức quản trị Công ty TNHH Campuchia-Việt Nam một cách có hiệu quả trong việc quản lý dự án thủy điện Hạ Sê San 2;
- Phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các công việc trên cơ sở các mục tiêu đề ra và các Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 của Công ty, đảm bảo các công việc được kiểm soát và hoàn thành đúng kế hoạch;
- Tổ chức giám sát và phối hợp với các đơn vị tư vấn trong việc triển khai khảo sát, lập dự án đầu tư dự án thủy điện SeKong, Nậm Mỏ 1.

2. Công tác huy động vốn

- Tiếp tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện các dự án và theo định hướng phát triển công ty. Đôn đốc các cổ đông pháp nhân góp vốn theo kế hoạch đã cam kết, đặc biệt là cổ đông EVN để tạo niềm tin cho các cổ đông khác tiếp tục góp vốn;
- Chuẩn bị hồ sơ và làm việc với EVN, Chính phủ liên quan đến xin vay vốn và bảo lãnh vay vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đối với tỷ lệ 51% vốn góp của EVNI cho dự án;
- Tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia góp vốn vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2 theo hai hình thức: (i) Trực tiếp góp vào Công ty; (ii) Trực tiếp góp vào dự án dưới tên của EVNI;
- Tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư, các đối tác quan tâm và cho phép góp vốn trực tiếp vào các dự án thủy điện SeKong tại Campuchia, Nậm Mỏ 1 tại Lào với tỷ lệ tối đa là 49%;
- Lập danh sách rút ngắn các tổ hợp nhà thầu mong muốn tham gia gói thầu EPC mà có năng lực tài chính, có khả năng thu xếp tín dụng và tiếp tục làm việc với các nhà thầu này liên quan đến hạn mức tín dụng thu xếp được và các yêu cầu về thủ tục bảo lãnh;
- Tiếp tục làm việc với các Tổ chức tín dụng để hoàn thành hợp đồng thu xếp vốn cho dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

PHỤ LỤC A: CHI TIẾT GIÁ TRỊ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2011

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HDQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
	TỔNG CỘNG (A+B)	31.111	62.123	93.234	38.646	28.525	3.249	28.443	10,4%	62,2%
A	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (A.1+A.2+A.3+A.4+A.5):	31.111	36.630	67.742	16.957	28.525	3.249	6.754	10,4%	46,3%
A.1	DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2 (400MW)	28.042	22.404	50.446	5.501	18.560	2.396	696	8,5%	24,6%
1.	PHẦN NHÀ MÁY	25.952	22.404	48.356	5.501	16.395	1.138	696		
1	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD									
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCTKT), Lập DAĐT (BCNCKT) dự án Hạ Sê San 2	8.449		8.449		5.378				
	Vận hành trạm thủy văn	2.288	724	3.012	763					
2	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XD									
2.1	Công trình chuẩn bị thi công									
a	Đường thi công, vận hành, đường vào khu TĐC	662	10.113	10.775		507	381			
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC	662		662		507	381			
	Thi công đường vào công trường từ QL78 nối với vai trái đỉnh đập		7.093	7.093						

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HDQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
	Thi công Đường vào khu Tái định cư Phluck; Xây dựng khu Tái định canh Phluck		2.898	2.898						
	Giám sát thi công Đường vào công trường, đường vào các khu Tái định cư		122	122						
b	Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2	7.201	3.980	11.182	887	1.020				
	Khảo sát, Lập TKCS, TKBVTC	526	35	561	887	1.020				
	Thuê đất	6.675		6.675						
	Thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 tại Stung Treng giai đoạn 1		3.893	3.893						
	Giám sát thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2		53	53						
c	Khu Tái định cư, tái định canh	765	6.266	7.031	3.852	1.062		696		
	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC-ĐT khu Tái định cư, khu Tái định canh	765	6.266	7.031	3.852	1.062		696		
d	Rà phá Bom mìn		743	743						
	Khảo sát, lập phương án thi công									
	Thi công rà phá bom mìn		743	743						
	+ Đường vào công trường		387	387						
	+ Đường vào thôn Phluck		355	355						

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HDQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
e	Đánh giá trữ lượng lâm sản khu vực dự án, vùng lòng hồ, khu tái định cư, định canh và thiết kế khai thác	2.538		2.538						
	Khảo sát, đánh giá trữ lượng và thiết kế khai thác	2.538		2.538						
f	Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	918		918		554	554			
	Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ và đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	918		918		554	554			
2.2	Các công việc khác	3.132	578	3.710		7.874	204			
a	Khảo sát giải đoạn TKKT - TDT, lập HSMT					6.998				
b	Dịch vụ tư vấn hỗ trợ, chuẩn bị: (i) Hợp đồng thực hiện dự án (IA); (ii) Hợp đồng cho thuê (LA); (iii) Hợp đồng mua bán điện (PPA); (iv) Chuẩn bị các nội dung theo hồ sơ yêu cầu (RFP) của Bộ MIME để đàm phán với Tổ công tác CPC	2.844		2.844						
c	Thẩm tra các hợp đồng IA, LA, PPA	288		288		877	204			
d	Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng		66	66						
e	Đền bù, giải phóng mặt bằng		511	511						

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HĐQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
II.	PHẦN ĐƯỜNG DÂY ĐÁU NỎI NHÀ MÁY HẠ SÊ SAN 2 VỀ VIỆT NAM	2.089		2.089		2.165	1.258			
I	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCTKT), Lập DADT (BCNCKT) dự án Đường dây đấu nối Hạ Sê San 2 về Việt Nam	2.089		2.089		2.165	1.258			
	Khảo sát, nghiên cứu lập phương án đấu nối	680		680						
	Khảo sát, lập DADT	1.409		1.409		2.165	1.258			
	+ Lập DADT					1.531	782			
	+ Lập báo cáo chuyên ngành					634	475			
A.2	DỰ ÁN THUỶ ĐIỆN HẠ SÊ SAN 1 (96MW)	3.069		3.069		6.215	853		27,8%	
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD									
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCTKT), Lập DADT (BCNCKT)	3.069		3.069		6.215	853			
	+ Bổ sung khảo sát địa hình phục vụ cắm mốc ranh giới đường viền lòng hồ và khảo sát khí tượng trạm thủy văn	3.069		3.069		3.069				

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HĐQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
	+ Lập báo cáo chuyên ngành (Khảo sát đánh giá tác động môi trường, Điều tra thiệt hại, Quy hoạch tổng thể tài định cư)					1.719				
	+ Lập dự án đầu tư					925	853			
	+ Khảo sát phục vụ lập DADT					502				
A.3	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SEKONG		2.789	2.789	1.026			798		36,8%
1	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD									
	Khảo sát, lập BCĐGHQDA, lập dự án đầu tư		2.789	2.789	1.026			798		
	Giai đoạn 1		608	608	228					
	Khảo sát phục vụ lập DADT - giai đoạn 1									
	Lập DADT - giai đoạn 1		608	608	228					
	+ Điều tra thiệt hại									
	+ Lập DADT									
	+ Đi thực địa, báo cáo với các Bộ ngành		608	608	228					
	Giai đoạn 2		2.181	2.181	798			798		
	Khảo sát phục vụ lập DADT - giai đoạn 2		2.181	2.181	798			798		
	+ Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/10.000				798			798		

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HĐQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
	Lập DADT - giai đoạn 2									
	+ Lập Báo cáo chuyên ngành									
	+ Lập DADT									
	+ Đi thực địa, báo cáo với các Bộ ngành									
A.4	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NẠM MÔ 1		1.690	1.690	278			98		16,4%
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XD									
	Khảo sát, lập BCĐGHQDA, lập dự án đầu tư		1.690	1.690	278			98		
	Giai đoạn 1		180	180	180					
	Khảo sát phục vụ lập DADT - giai đoạn 1									
	Lập DADT - giai đoạn 1		180	180	180					
	+ Điều tra thiệt hại									
	+ Lập DADT									
	+ Đi thực địa, báo cáo với các Bộ ngành		180	180	180					
	Giai đoạn 2		1.510	1.510	98			98		
	Khảo sát phục vụ lập DADT - giai đoạn 2		1.510	1.510	98			98		
	+ Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/10.000				98			98		
	Lập DADT - giai đoạn 2									

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2011 theo Quyết định số 24/QĐ-EVNI-HĐQT ngày 31/05/2011			Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị KLHT lên phiếu giá năm 2011	Giá trị giải ngân năm 2011		Tỷ lệ hoàn thành KH2011	
		Trả nợ KLHT	ĐTXD mới	T/cộng vốn năm 2011			Trả nợ	ĐTXD mới	Trả nợ	ĐTXD mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=8/3)	(11=6/4)
	+ Lập Báo cáo chuyên ngành									
	+ Lập DADT									
	+ Đi thực địa, báo cáo với các Bộ ngành									
A.5	DỰ ÁN NHÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		9.748	9.748	10.153	3.751		5.162		104,2%
I	Xây dựng Nhà điều hành Công ty		9.748	9.748	10.153	3.751		5.162		
1	Lập phương án kiến trúc và TKBVTC- DT		269		269	220		245		
2	Phi bảo hiểm công trình				14			14		
3	Thi công móng cọc		1.060		803	803		803		
4	Thi công phần thân		3.456		4.056	2.499		2.795		
5	Thi công phần hoàn thiện		2.494		2.223			523		
6	Cung cấp & lắp đặt hệ thống M&E		2.078		2.350			553		
7	Cung cấp & lắp đặt hệ thống thang máy		281		327	229		229		
8	Thi công hệ thống PCCC		110		110					
B	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN		25.492	25.492	21.689			21.689		85,08%

PHỤ LỤC B: KẾ HOẠCH TRẢ NỢ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2

STT	Nội dung	Giá trị hợp đồng		Giá trị dự kiến quyết toán			Giá trị đã giải ngân	Giá trị còn lại sau thanh lý/Nợ phải trả
		VND	USD	VND	USD	Quy đổi ra VND	VND	VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5+6)	(8)	(9=7-8)
A.	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2	185.841.258.513	1.657.323	173.289.114.679	1.463.424	198.884.405.686	134.234.249.560	64.650.156.126
1	Khảo sát, lập DABT	65.048.224.972	609.733	56.676.511.298	526.599	65.886.724.310	55.062.000.000	10.824.724.310
2	Thăm tra nghiên cứu tiền khả thi dự án thủy điện Hạ Sê San 2	281.524.000		258.819.000		258.819.000	258.819.000	
3	Thăm tra nghiên cứu khả thi dự án thủy điện Hạ Sê San 2	751.933.139		751.933.139		751.933.139	751.933.139	
4	Khảo sát, lập TKKT Hạ sê San 2	88.623.496.572	85.698	89.243.226.393	49.933	90.116.545.818	52.708.775.000	37.407.770.818
5	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Đường thi công vận hành, Đường vào các khu tái định cư	7.954.197.671		6.302.509.531		6.302.509.531	6.372.741.845	-70.232.314
6	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2	1.280.266.416		1.763.056.687		1.763.056.687	605.709.332	1.157.347.355
7	Khảo sát, lập TKCS, TKBVTC Khu tái định cư, tái định canh	15.116.766.021		11.893.157.944		11.893.157.944		11.893.157.944
8	Khảo sát, lập phương án kỹ thuật - thi công phương án rà phá bom mìn Lô A+B	962.429.000		703.843.665		703.843.665	563.074.932	140.768.733
9	Khảo sát, đánh giá trữ lượng và thiết kế khai tài nguyên khoáng sản rừng		405.600		405.600	7.093.944.000	5.093.808.720	2.000.135.280
10	Đo vẽ giải thửa vùng lòng hồ và đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ giao đất	3.651.728.000		3.612.458.000		3.612.458.000	3.248.664.000	363.794.000

STT	Nội dung	Giá trị hợp đồng		Giá trị dự kiến quyết toán			Giá trị đã giải ngân	Giá trị còn lại sau thanh lý/Nợ phải trả
		VNĐ	USD	VNĐ	USD	Quy đổi ra VNĐ	VNĐ	VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5+6)	(8)	(9=7-8)
11	Tư vấn đề xuất và hỗ trợ các hợp đồng IA, LA, PPA		275.000		200.000	3.498.000.000	2.565.310.000	932.690.000
12	Thăm tra TKKT-TDT, HSMT	845.793.000	189.508	845.793.000	189.508	4.160.287.920	4.160.287.920	
13	Thăm tra các hợp đồng IA, LA, PPA	961.396.722		876.509.022		876.509.022	876.509.022	
14	Dịch tài liệu khảo sát TKKT	363.503.000		361.297.000		361.297.000	361.297.000	
15	Nghiên cứu giá thay thế		37.785		37.785	660.859.650	660.859.650	
16	Mở rộng nghiên cứu đánh giá tác động tới thủy sản trong 1 năm để hoàn thành nghiên cứu đánh giá tác động môi trường		54.000		54.000	944.460.000	944.460.000	
B.	ĐƯỜNG DÂY DẦU NỎI	15.357.718.588	60.840	14.492.529.399		14.492.529.399	14.310.447.838	182.081.561
1	Điều tra khảo sát lập quy hoạch dầu nổi lưới truyền tải khu vực dự án " Đường dây dầu nổi lưới điện truyền tải của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và hệ thống điện quốc gia VN	906.670.000		496.464.112		496.464.112	496.464.112	
2	Điều tra khảo sát lập dự án đầu tư dự án đường dây dầu nổi lưới điện truyền tải của dự án thủy điện hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và 01 Phụ lục sửa đổi hợp đồng	14.451.048.588	60.840	13.996.065.287		13.996.065.287	13.813.983.726	182.081.561
	TỔNG CỘNG (A+B):	201.198.977.101	1.718.163	187.781.644.078	1.463.424	213.376.935.085	148.544.697.398	64.832.237.687

PHỤ LỤC 2 - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2012 CÁC DỰ ÁN KHÁC

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMDT, TĐT, DT (tr.đồng)	Giá trị thực hiện		Giá trị giải ngân		Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012					Ghi chú
			Năm 2011	Từ đầu dự án	Năm 2011	Từ đầu dự án		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng:	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=3-5)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=9-12)	(14)
	1. Cơ cấu nguồn vốn 2012		6.465	120.274	6.951	109.737	55.725	12.526	2.233	3.013	4.590	22.363	
	Vốn tự có		6.465	120.274	6.951	109.737	55.725	12.526	2.233	3.013	4.590	22.363	
	Vốn vay												
A	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HẠ SÈ SAN 1 (96MW)												
	Tổng cộng:			25.903	853	18.143	2.086		145		145	289	
	Vốn tự có			25.903	853	18.143	2.086		145		145	289	
	Vốn vay												
I	GIẢI ĐOẠN DADT												
	Khảo sát, nghiên cứu lập báo cáo đầu tư (BCNCKT), Lập DADT (BCNCKT) + Đi thực địa, Hội thảo, báo cáo phê duyệt	27.989		25.903	853	18.143	2.086		145		145	289	
B	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SEKONG												
	Tổng cộng:		1.026	5.604	798	3.843	31.921	4.914	1.800		1.515	8.229	
	Vốn tự có		1.026	5.604	798	3.843	31.921	4.914	1.800		1.515	8.229	
	Vốn vay												
I	GIẢI ĐOẠN DADT												
	Khảo sát, lập dự án đầu tư	37.525	1.026	5.604	798	3.843	31.921	4.914	1.800		1.515	8.229	
	Khảo sát, lập DADT - giai đoạn 1	5.567	228	4.807		3.045	760						
	Khảo sát phục vụ lập DADT - giai đoạn 2	8.724	798	798	798	798	7.927	2.554				2.554	
	+ Khảo sát địa hình	4.505	798	798	798	798	3.708	2.554				2.554	
	+ Khảo sát địa chất	4.219					4.219						
	Lập DADT - giai đoạn 2	23.235					23.235	2.360	1.800		1.515	5.676	
	+ Lập Báo cáo chuyên ngành	14.459					14.459	2.360	1.496		1.515	5.372	
	- Điều tra thiết hại	1.677					1.677		1.342			1.342	
	- Lập khung chính sách	193					193		155			155	
	- Lập QH tổng thể tài định cơ	2.150					2.150				1.515	1.515	
	- Lập EIA	9.442					9.442	2.360				2.360	
	- Điều tra khoáng sản vùng lòng hồ	997					997						

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMDT, TĐT, DT (tr.đồng)	Giá trị thực hiện		Giá trị giải ngân		Giá trị còn lại chưa thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012					Ghi chú
			Năm 2011	Từ đầu dự án	Năm 2011	Từ đầu dự án		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=3-5)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=9+12)	(14)
	+ Lập DADT + Di thực địa, báo cáo với các Bộ ngành	7.027 1.748					7.027 1.748		304			304	
C	DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NAM MÔ I												
	Tổng cộng:		278	2.910	98	1.895	14.384	279	288	3.013	2.931	6.511	
	<i>Vốn tự có</i>		<i>278</i>	<i>2.910</i>	<i>98</i>	<i>1.895</i>	<i>14.384</i>	<i>279</i>	<i>288</i>	<i>3.013</i>	<i>2.931</i>	<i>6.511</i>	
	<i>Vốn vay</i>												
1	GIẢI ĐOẠN DADT												
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	16.242	278	2.910	98	1.895	13.332	279	288	3.013	1.879	5.459	
	Khảo sát, lập DADT - giai đoạn 1	2.812	180	2.812		1.797							
	Khảo sát phục vụ lập DADT - giai đoạn 2	3.677	98	98	98	98	3.579	279	288	2.833		3.400	
	+ Khảo sát địa hình, địa chất	3.286					3.286		288	2.833		3.121	
	+ Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/10.000	391	98	98	98	98	293	279				279	
	Lập DADT - giai đoạn 2	9.753					9.753			180	1.879	2.059	
	+ Lập Báo cáo chuyên ngành	4.802					4.802				1.879	1.879	
	- Lập EIA	2.937					2.937				524	524	
	- Lập RAP, EMDP và quy hoạch tổng thể tái định cư	1.865					1.865				1.355	1.355	
	+ Lập DADT	3.454					3.454						
	+ Di thực địa, báo cáo với các Bộ ngành	1.497					1.497			180		180	
2	Bảo lãnh thực hiện PDA	1.052					1.052				1.052	1.052	
D	DỰ ÁN NHÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	90.913	5.162	83.579	5.202	83.579	7.334					7.334	
	Nhà làm việc Công ty	12.496	5.162	5.162	5.162	5.162	7.334	7.334				7.334	

PHỤ LỤC 1 - KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2012 DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HB/TMBT, TĐT, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012							Ghi chú
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó		
								Vốn CSH	Vốn vay	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)	(11)
1	Bồi thường và GPMB	101.508	263	263	263	113.916	114.704	114.704		
a	Đường thi công vận hành và MBCT	2.498				2.498	2.498	2.498		
	Đường thi công vận hành	70				70	70			
	Mặt bằng công trình	2.429				2.429	2.429			
b	Di dời và bố trí tái định cư xen ghép các hộ dân thôn Phluck	10.667				10.667	10.667	10.667		
	Bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc	9.292				9.292	9.292			
	Bố trí tái định cư xen ghép	1.376				1.376	1.376			
c	Bồi thường rừng cho các công ty	88.343				88.343	88.343	88.343		
d	Chi phí tư vấn bồi thường, GPMB và quản lý tái định cư (Lập quy trình bồi thường, thành lập Hội đồng bồi thường, kế hoạch tập huấn và tổ chức thực hiện)	13.196	263	263	263	12.407	13.196	13.196		
2	Rà phá bom mìn	24.785				4.564	4.564	4.564		
	+ Đường thi công vận hành	487				462	462			
	+ Đường vào thôn Phluck	448				426	426			
	+ Khu tái định canh Phluck	715				680	680			
	+ Mặt bằng công trường	18.777				2.816	2.816			
	+ Chi phí tư vấn giám sát thi công	4.358				180	180			
3	Công trình phụ trợ	77.432				11.930	11.930	11.930		
a	Đường thi công vận hành	48.610				7.414	7.414	7.414		
	Thi công đường vào công trường từ QL78 nối với vai trái đỉnh đập	47.390				7.109	7.109			T/ứng HD
	Chi phí tư vấn giám sát thi công	1.220				305	305			T/ứng HD
b	Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2	26.017				3.955	3.955	3.955		
	Thi công Khu điều hành NMTĐ Hạ Sê San 2 tại Stung Treng giai đoạn 1	25.488				3.823	3.823			T/ứng HD
	Chi phí tư vấn giám sát thi công	529				132	132			T/ứng HD
c	Đưa tìm mốc ra thực địa	2.805				561	561	561		T/ứng HD
4	Công trình chính	10.957.915								

[illegible]

PHỤ LỤC C - CHI PHÍ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HẠ SÊ SAN 2 NĂM 2012

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMDT, TDT, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012						
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó	
								Vốn CSH	Vốn vay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)
I	Khảo sát, lập TKKT-TDT đường dây đầu nối NMTĐ HSS2 về trạm 230kV Stung Treng	4.498					1.237	1.237	
	Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn	3.000			750		750		
	Lập TKKT-TDT, HSMT	1.348			337		337		
	Chi phí giám sát khảo sát	150				150	150		
II	Chi phí hoạt động và quản lý dự án Hạ Sê San 2	17.982	4.496	4.496	4.496	4.496	17.982	17.982	
1	Lương, bảo hiểm, phụ cấp ...	10.146	2.536	2.536	2.536	2.536	10.146	10.146	
1.1	Lương và các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp...								
	- Tổng quỹ lương và các khoản phụ cấp cho 60 người (tính theo quỹ lương năm 2011)	8.153							
	- BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp: 3,35 x 22% * 60người * 12th	467							
	- Chi cho phúc lợi tập thể	220							
	- Phụ cấp ăn ca: 620.000đ/th * 12th * 60ng ười	446							
	- Lương tháng 13	679							
1.2	Các chi phí khác								
	- Nước uống: 50.000đ/tháng * 50ng ười * 12th	36							
	- Tiền phụ cấp xăng xe: 200.000đ/tháng * 50ng ười * 12th	144							
2	Công tác phí	2.502	626	626	626	626	2.502	2.502	
	Phạm vi hoạt động, đi lại của Công ty: Campuchia, Lào, TP Hà Nội, TP.HCM, các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh khác.								

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMDT, TDI, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012						
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó	
								Vốn CSH	Vốn vay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)
2.1	Đi công tác Campuchia: *Đi ngắn ngày: 4 người, 7 ngày, 1lần/tháng - Tiền vé máy bay Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh: 1.914.000VND/1người * 4người * 12th * 2lượt - Tiền vé máy bay TP Hồ Chí Minh - Phnom Penh khứ hồi: 452 USD/1người * 2người * 12th * 21.034đ/USD - Tiền xe từ TP Hồ Chí Minh - Campuchia: 12USD/1người * 2lượt * 2người * 12lần * 21.034đ/USD - Công tác phí: 25USD/người/ngày * 4người * 7ngày * 1lần/tháng * 12th * 21.034đ/USD - Tiền ngủ: 30USD/người/ngày * 4người * 7ngày * 1lần/tháng * 12th * 21.034đ/USD *Đi công tác tại công trường: 9 người, 30 ngày, 6lần/năm - Chi phí đi ô tô từ Đà Nẵng - Gia Lai - Đức Cơ - Công trình: 1.000.000 đ/người/lượt * 2lượt * 6lần/năm * 9người - Công tác phí: 15USD/người/ngày * 9người * 30ngày * 6lần/năm * 21.034đ/USD - Tiền ngủ: 20USD/người/ngày * 9người * 30ngày * 6lần/năm * 21.034đ/USD - Tiền điện thoại: 2USD/người/ngày * 9người * 30 ngày * 6lần/năm * 21.034đ/USD	92 228 6 177 212 108 511 682 68							
2.2	Đi công tác Hà Nội: 5 người, 7 ngày/tháng								

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMDT, TDT, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012						
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó	
								Vốn CSH	Vốn vay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)
3	- Công tác phí: 5người * 7ngày/tháng * 12th * 150.000đ/ngày	63							
	- Vé máy bay: 5người * 2lượt * 12th * 1.914.000đ/lượt	230							
	- Tiền ngủ: 5người * 6ngày/tháng * 12th * 350.000đ/ngày	126							
	Dịch vụ viễn thông:	279	70	70	70	70	279	279	
	- Cước điện thoại cố định: 10máy * 500.000đ/tháng * 12th	60							
	- Cước điện thoại di động: 15máy * 650.000đ/tháng * 12th	117							
	- Máy Fax: 2máy * 500.000đ/M/tháng * 12th	12							
	- Cước dịch vụ internet (Megavnn): 2.500.000đ/tháng * 12th	30							
4	- Cước dịch vụ Leased-Line: 5.000.000đ/tháng * 12th	60							
	Đồ dùng văn phòng, vật liệu quản lý, dịch vụ bưu chính	588	147	147	147	147	588	588	
	- Tiền điện: 15.000.000 đ/tháng * 12th	180							
	- Tiền nước: 1.500.000 đ/tháng * 12th	18							
	- Vật rẻ mau hỏng: 5.000.000đ * 12th	60							
	- Phụ tùng thay thế : 5.000.000đ/tháng * 12th	60							
	- Văn phòng phẩm: 15.000.000đ/tháng * 12th	180							
	- Báo chí, bưu phí trong và ngoài nước: 5.000.000đ/tháng * 12th	60							
	- Phô tô in ấn bản vẽ khổ lớn, công chứng tài liệu, chuyển phát nhanh: 2.500.000đ/tháng * 12th	30							

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMDT, TDT, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012						
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó	
								Vốn CSH	Vốn vay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8-4-5-6-7)	(9)	(10)
5	Thuê văn phòng, vật tư văn phòng	1.211	303	303	303	303	1.211	1.211	
5.1	Tại Văn phòng Công ty	762							
	- Thuê văn phòng Công ty tại 78A Duy Tân: (Thuê 01 tháng với giá theo hợp đồng 372/2008-LEC-HĐ)	151							
	- Chi phí dịch vụ bảo vệ Văn phòng Cty tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh:	144							
	- Bỏ sung đồ dùng văn phòng: (i) Bàn, tủ, ghế làm việc; (ii) Khánh tiết cho Hội trường; (iii) Loa, amply, micro; (iv) Tủ lạnh, bình thủy điện, ấm siêu tốc, dụng cụ sửa chữa dân dụng	240							
	- Logo, biển trụ sở Công ty	32							
	- Vách ngăn thạch cao	15							
	- Xây dựng Nhà để xe CBNV Công ty	100							
	- Rèm cửa sổ + Khung inox cửa sổ tầng 1	80							
5.2	Tại Phnôm Pênh	421							
	- Thuê văn phòng: 1.548USD/th * 12th * 21.034đ/USD	391							
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 100USD/th * 12th * 21.034đ/USD	25							
	- Thuê nhân công tại PhnomPenh: 20USD/th * 12th * 21.034đ/USD	5							
5.3	Tại Trung Treng	28							
	- Thuê văn phòng: 350USD/th * 03th * 21.034 đ/USD	22							
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 100USD/th * 03th * 21.034đ/USD	6							

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HD/TMBT, TDT, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012						
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó	
								Vốn CSH	Vốn vay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)
6	Chi phí phục vụ công tác chuyên môn - Chi phí quản lý sổ đăng ký cổ đông, in ấn - Đánh giá thực hiện chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 - Chi phí kiểm toán, báo cáo tài chính - Thuế môn bài + chi phí tham gia các hiệp hội - Chi phí dịch thuật các tài liệu và văn bản pháp lý nước ngoài (luật, pháp lệnh, sắc lệnh, ...): 2.000 trang * 100.000đ/trang - Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, học ngoại ngữ,...: 10.000.000đ/th * 12th - Trao đổi học tập các đơn vị trong nước về công tác nghiệp vụ: 6 người * 10.000.000đ	551 20 28 100 23 200 120 60	137,75	137,75	137,75	137,75	551	551	
7	Chi phí tiếp khách, hội họp, hội nghị trong và ngoài nước - Tổ chức hội họp: 15.000.000đ/tháng * 12th - Chi phí tiếp khách: + Tiếp khách tại Việt Nam: 25.000.000đ/tháng * 12th + Tiếp khách tại Campuchia: 2.500USD/tháng * 12th * 21.034đ/USD	1.111 180 300 631	278	278	278	278	1.111	1.111	
8	Y tế, vệ sinh, an toàn lao động : - Thuốc men, phòng dịch, y tế: 1.500.000đ/th * 12th - An toàn lao động, trang phục quần áo: 50 người * 2.000.000đ/năm	215 18 100	54	54	54	54	215	215	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Giá trị theo HĐ/TMĐT, TDT, DT (tr.đồng)	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2012						
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng	Trong đó	
								Vốn CSH	Vốn vay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)
9	- Khám sức khỏe định kỳ CBCNV: 50người * 500.000đ/người/năm	25							
	- Nhân công dọn dẹp vệ sinh: 60.000.000đ/th * 12th	72							
	Phương tiện, nhiên liệu, phí và lệ phí:	224	56	56	56	56	224	224	
	- Xăng: 1,2USD/lit * 700lít/tháng * 12th * 21.034đ/USD	212							
10	- Phí và lệ phí đi đường: 1.000.000đ/tháng * 12th	12							
	Sửa chữa, bảo trì mạng máy tính, phương tiện, thiết bị, bảo hiểm	261	65	65	65	65	261	261	
	- Bảo trì mạng máy vi tính: 3.500.000đ/tháng * 12th	42							
	- Bảo trì phần mềm kế toán, nhân sự, công văn công việc	75							
11	- Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên xe ô tô:	60							
	- Sửa chữa, bảo dưỡng máy photo, mực máy in : 2.000.000 * 12th	24							
	- Bảo hiểm xe ô tô	60							
	Chi phí khác	894	223	223	223	223	894	894	
	- Chi phí khen thưởng phục vụ công tác đối ngoại	252							
	- Tổ chức đại hội cổ đông, họp HĐQT	80							
	- Chi phí tư vấn pháp luật hoàn thành các thủ tục đầu tư tại Campuchia: 500USD/tháng * 12th * 21.034đ/USD	126							
	- Chi phí đàm phán dự án thủy điện Hạ Sê San 2	235							
	- Chi phí khác	200							

PHỤ LỤC 3 - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2012

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN
I	Lương, bảo hiểm, phụ cấp ...	10.725.257.523
I.1	Lương và các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp...	
	- Lao động bình quân 52 người	
	- Tổng quỹ lương và các khoản phụ cấp (có chi tiết kèm theo)	8.838.672.523
	- BHXH, BHYT, KPCĐ, bảo hiểm thất nghiệp: $3,50 \times 22\% \times 52\text{người} \times 12\text{th} \times 830.000 \text{đ/th}$	399.149.000
	- Chi cho phúc lợi tập thể	208.000.000
	- Phụ cấp ăn ca: $620.000\text{đ/th} \times 12\text{th} \times 52\text{người}$	386.880.000
	- Lương tháng 13	736.556.000
I.2	Các chi phí khác	
	- Nước uống: $50.000\text{đ/tháng} \times 52\text{người} \times 12\text{th}$	31.200.000
	- Tiền phụ cấp xăng xe: $200.000\text{đ/tháng} \times 52\text{người} \times 12\text{th}$	124.800.000
II	Công tác phí	3.669.198.600
	Phạm vi hoạt động, đi lại của Công ty: Campuchia, Lào, TP Hà Nội, TP.HCM, các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh khác.	
II.1	Đi công tác Campuchia:	
	*Đi ngắn ngày: 4 người, 7 ngày, 1lần/tháng	
	- Tiền vé máy bay Đà Nẵng - TP Hồ Chí Minh: $1.914.000\text{VND}/1\text{người} \times 4\text{người} \times 12\text{th} \times 2\text{lượt}$	183.744.000
	- Tiền vé máy bay TP Hồ Chí Minh - Phnom Penh khứ hồi: $452\text{USD}/1\text{người} \times 2\text{người} \times 12\text{th} \times 21.034\text{đ/USD}$	228.177.000
	- Tiền xe từ TP Hồ Chí Minh - Campuchia: $12\text{USD}/1\text{người} \times 2\text{lượt} \times 2\text{người} \times 12\text{lần} \times 21.034\text{đ/USD}$	6.058.000
	- Công tác phí: $25\text{USD}/\text{người/ngày} \times 4\text{người} \times 7\text{ngày} \times 1\text{lần/tháng} \times 12\text{th} \times 21.034\text{đ/USD}$	176.686.000
	- Tiền ngủ: $30\text{USD}/\text{người/ngày} \times 4\text{người} \times 7\text{ngày} \times 1\text{lần/tháng} \times 12\text{th} \times 21.034\text{đ/USD}$	212.023.000
	*Đi công tác tại công trường: 9 người, 30 ngày, 6lần/năm	
	- Chi phí đi ô tô từ Đà Nẵng - Gia Lai - Đức Cơ - Công trình: $1.000.000 \text{đ}/\text{người/lượt} \times 2\text{lượt} \times 6\text{lần/năm} \times 9\text{người}$	108.000.000
	- Công tác phí: $15\text{USD}/\text{người/ngày} \times 9\text{người} \times 30\text{ngày} \times 6\text{lần/năm} \times 21.034\text{đ/USD}$	511.126.000
	- Tiền ngủ: $20\text{USD}/\text{người/ngày} \times 9\text{người} \times 30\text{ngày} \times 6\text{lần/năm} \times 21.034\text{đ/USD}$	681.501.600
	- Tiền điện thoại: $2\text{USD}/\text{người/ngày} \times 9\text{người} \times 30\text{ngày} \times 6\text{lần/năm} \times 21.034\text{đ/USD}$	68.150.000
II.2	Đi công tác Lào:	
	*Đi ngắn ngày: 5 người, 5 ngày, 5lần/năm	
	- Tiền vé máy bay Đà Nẵng - Hà Nội: $1.914.000/1\text{người} \times 2\text{lượt} \times 5\text{người} \times 5\text{lần/năm}$	95.700.000
	- Tiền vé máy bay Hà Nội - Vientiane khứ hồi: $452\text{USD}/1\text{người} \times 5\text{người} \times 5\text{lần/năm} \times 21.034\text{đ/USD}$	237.684.000
	- Công tác phí: $25\text{USD}/\text{người/ngày} \times 5\text{người} \times 5\text{ngày} \times 5\text{lần/năm} \times 21.034\text{đ/USD}$	65.731.000

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN
	- Tiền ngủ: 30USD/người/ngày * 5người * 4ngày * 5lần/năm * 21.034đ/USD	63.102.000
	* Tại tỉnh Xiêng Khoảng: 4 người, 15 ngày, 3lần	
	- Chi phí đi ô tô từ Đà Nẵng - Vinh - Công trình: 500.000 đ/người/lượt * 2lượt * 2người * 3 lần/năm	8.000.000
	- Phụ cấp lưu trú: 25USD/người/ngày * 4người * 15ngày * 4 lần/năm	126.204.000
	- Tiền ngủ: 30USD/người/ngày * 4người * 14ngày * 04 lần/năm	141.348.000
II.4	Đi công tác Hà Nội: 5 người, 7 ngày/tháng	
	- Công tác phí: 5người * 7ngày/tháng * 12th * 150.000đ/ngày	63.000.000
	- Vé máy bay: 5người * 2lượt * 12th * 1.914.000đ/lượt	459.360.000
	- Tiền ngủ: 5người * 6ngày/tháng * 12th * 350.000đ/ngày	126.000.000
II.5	Đi công tác các tỉnh và TP còn lại: 3 người, 5 ngày/lần, 6 lần/năm	
	- Công tác phí: 3người * 5 ngày/lần * 6 lần/năm * 150.000đ/ngày	13.500.000
	- Vé máy bay: 3người * 6 lần/năm * 1.914.000đ/lượt * 2 lượt	68.904.000
	- Tiền ngủ: 3người * 4ngày/tháng * 6 lần/năm * 350.000đ/ngày	25.200.000
III	Dịch vụ viễn thông:	291.000.000
	- Cước điện thoại cố định: 10máy * 500.000đ/tháng * 12th	72.000.000
	- Cước điện thoại di động: 15máy * 650.000/tháng * 12th	117.000.000
	- Máy Fax: 2máy * 500.000đ/M/tháng * 12th	12.000.000
	- Cước dịch vụ internet (Megavnn): 2.500.000đ/tháng * 12th	30.000.000
	- Cước dịch vụ Leased-Line: 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000
IV	Đồ dùng văn phòng, vật liệu quản lý, dịch vụ bưu chính	588.000.000
	- Tiền điện: 15.000.000 đ/tháng * 12th	180.000.000
	- Tiền nước: 1.500.000 đ/tháng * 12th	18.000.000
	- Vật rẻ mau hỏng: 5.000.000đ * 12th	60.000.000
	- Phụ tùng thay thế : 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000
	- Văn phòng phẩm: 15.000.000đ/tháng * 12th	180.000.000
	- Báo chí, bưu phí trong và ngoài nước: 5.000.000đ/tháng * 12th	60.000.000
	- Phô tô in ấn bản vẽ khổ lớn, công chứng tài liệu, chuyển phát nhanh: 2.500.000đ/tháng * 12th	30.000.000
V	Thuê văn phòng, vật tư văn phòng	1.211.121.700
1	Tại Văn phòng Công ty	761.708.800
	- Thuê văn phòng Công ty tại 78A Duy Tân: (Thuê 01 tháng với giá theo hợp đồng 372/2008-LEC-HĐ)	150.763.000
	- Chi phí dịch vụ bảo vệ Văn phòng Cty tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh:	144.000.000
	- Bỏ sung đồ dùng văn phòng: (i) Bàn, tủ, ghế làm việc; (ii) Khánh tiết cho Hội trường; (iii) Loa, amply, micro; (iv) Tủ lạnh, bình thủy điện, ấm siêu tốc, dụng cụ sửa chữa dân dụng	239.870.000
	- Logo, biển trụ sở Công ty	31.840.000
	- Vách ngăn thạch cao	15.000.000
	- Xây dựng Nhà để xe CBNV Công ty	100.000.000
	- Rèm cửa sổ + Khung inox cửa sổ tầng 1	80.235.800
2	Tại Phnôm Pênh	421.017.000
	- Thuê văn phòng: 1.548USD/th * 12th * 21.034đ/USD	390.728.000
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 100USD/th * 12th * 21.034đ/USD	25.241.000
	- Thuê nhân công tại PhnomPenh: 20USD/th * 12th * 21.034đ/USD	5.048.000
3	Tại Trung Tring	28.395.900

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN
	- Thuê văn phòng: 350USD/th * 03th * 21.034đ/USD	22.085.700
	- Văn phòng phẩm, cước điện thoại, internet: 100USD/th * 03th * 21.034đ/USD	6.310.200
VI	Chi phí phục vụ công tác chuyên môn	551.000.000
	- Chi phí quản lý sổ đăng ký cổ đông, in ấn	20.000.000
	- Đánh giá thực hiện chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	28.000.000
	- Chi phí kiểm toán, báo cáo tài chính	100.000.000
	- Thuế môn bài + chi phí tham gia các hiệp hội	23.000.000
	- Chi phí dịch thuật các tài liệu và văn bản pháp lý nước ngoài (luật, pháp lệnh, sắc lệnh, ...): 2.000 trang * 100.000đ/trang	200.000.000
	- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, học ngoại ngữ,...: 10.000.000đ/th * 12th	120.000.000
	- Trao đổi học tập các đơn vị trong nước về công tác nghiệp vụ: 6người * 10.000.000đ	60.000.000
VII	Chi phí tiếp khách, hội họp, hội nghị trong và ngoài nước	1.044.816.000
	- Tổ chức hội họp: 15.000.000đ/tháng * 12th	180.000.000
	- Chi phí tiếp khách:	
	+ Tiếp khách tại Việt Nam: 30.000.000đ/tháng * 12th	360.000.000
	+ Tiếp khách tại Campuchia: 1.000USD/tháng * 12th * 21.034đ/USD	252.408.000
	+ Tiếp khách tại Lào: 1.000USD/tháng * 12th * 21.034đ/USD	252.408.000
VIII	Y tế, vệ sinh, an toàn lao động :	220.000.000
	- Thuốc men, phòng dịch, y tế: 1.500.000đ/th * 12th	18.000.000
	- An toàn lao động, trang phục quần áo: 52người * 2.000.000đ/năm	104.000.000
	- Khám sức khoẻ định kỳ CBCNV: 52người * 500.000đ/người/năm	26.000.000
	- Nhân công dọn dẹp vệ sinh: 6.000.000đ/th * 12th	72.000.000
IX	Phương tiện, nhiên liệu, phí và lệ phí:	398.890.000
	- Xăng: 1,2USD/lit * 250lit/tháng * 04xe * 12th * 21.034đ/USD	302.890.000
	- Phí và lệ phí đi đường: 04xe * 500.000đ/tháng * 12th	24.000.000
	- Gửi xe: 02xe * 1.200.000đ/tháng * 12th	72.000.000
X	Sửa chữa, bảo trì mạng máy tính, phương tiện, thiết bị, bảo hiểm	321.000.000
	- Bảo trì mạng máy vi tính: 3.500.000đ/tháng * 12th	42.000.000
	- Bảo trì phần mềm kế toán, nhân sự, công văn công việc	75.000.000
	- Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên xe ô tô: 15.000.000đ/xe/lần * 2lần/năm * 04xe	120.000.000
	- Sửa chữa, bảo dưỡng máy photo, mực máy in : 2.000.000 * 12th	24.000.000
	- Bảo hiểm xe ô tô: 04xe * 15.000.000đ/1xe	60.000.000
XI	Chi phí khác	1.120.153.000
	- Chi phí khen thưởng phục vụ công tác đối ngoại	252.408.000
	- Tổ chức đại hội cổ đông, họp HĐQT	80.000.000
	- Chi phí tư vấn pháp luật hoàn thành các thủ tục đầu tư tại Campuchia, Lào: 1000USD/tháng * 12th * 21.034đ/USD	252.408.000
	- Chi phí đàm phán dự án thủy điện Hạ Sê San 2	235.337.000
	- Chi phí khác (cây xanh, giá cổ via hè,...)	300.000.000
	TỔNG CỘNG:	20.140.436.823

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay vào lúc: 08h30' ngày 22/4/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức tại địa chỉ Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 30.734.561 cổ phần, chiếm 83,79% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
3. Về kế hoạch 2013, Đại hội thống nhất: (i) Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012 và kế hoạch năm 2013, với các nội dung chính như trong Tờ trình số 32/TTr-EVNI-KH ngày 10/4/2013 ngoại trừ chi cho phúc lợi tập thể tại Phụ lục 3-Chi phí hoạt động và QLDA năm 2013; (ii) Bổ sung doanh thu về việc cho thuê tòa nhà và các doanh thu khác (nếu có) vào Kế hoạch 2013 và báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2014; (iii) Công ty nghiên cứu phương án đầu tư tài chính ngắn hạn sao cho hiệu quả nhất; (iv) Đối với chi phí trả nợ cho tư vấn trong kế hoạch 2013, Đại hội ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định thời điểm trả nợ cho tư vấn.
4. Căn cứ Điều lệ Công ty, miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT và Ban KS nhiệm kỳ 2007-2012 để bầu cử HĐQT và Ban KS nhiệm kỳ 2013 -2018.
5. Đại hội đã làm công tác nhân sự và tiến hành bầu cử HĐQT và Ban KS nhiệm kỳ 2013 -2018.

Thông qua kết quả bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Nam Thắng	Chủ tịch
2	Nguyễn Kim Lê Chuyên	Ủy viên
3	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Ủy viên
5	Trương Quang Minh	Ủy viên



Thông qua kết quả bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng Ban
2	Đổng Quốc Cường	Thành viên
3	Đình Hải Ninh	Thành viên

6. Thông qua việc Ông Nguyễn Nam Thắng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

7. Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012, kế hoạch năm 2013.

8. Thông qua Tờ trình ngày 01/4/2012 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế và ủy quyền HĐQT phối hợp Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2013. Danh sách các đơn vị kiểm toán được Đại hội thông qua gồm: (i) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; (ii) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (AAC); (iii) Công ty TNHH Kiểm toán Polaris Việt Nam.

9. Thông qua mức thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện trong năm 2012 là 702.012.000 đồng và kế hoạch thù lao HĐQT và BKS trong năm 2013 như sau :

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2013 (đ)
	Chủ tịch HĐQT			
	- 04 tháng (chuyên trách từ T1-T4)	1	25.688.000	102.752.000
	- 08 tháng (kiêm nhiệm từ T5-T12)	1	3.000.000	24.000.000
	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	2.500.000	90.000.000
	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.500.000	30.000.000
	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.000.000	48.000.000
	<u>Tổng cộng:</u>			294.752.000

* Trong trường hợp Ủy viên HĐQT kiêm giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc mức thù lao Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm bằng không.

10. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua giá trị quyết toán và hạch toán chi phí thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 tại Stung Treng, Vương quốc Campuchia, thời gian đến ngày 30/5/2013.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được đại biểu cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 30 cùng ngày. Đại hội giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Bùi Nguyễn Hải



Bùi Quang Hùng

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2013

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

- Trụ sở chính: Lô số 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng
- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng
cấp thay đổi lần 4 ngày 16/01/2012.

I. Thời gian và địa điểm:

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVN International) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

- Vào lúc: 08h30' ngày 22/4/2012.

- Địa điểm: Hội trường Công ty EVN Quốc tế, Lô số 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (*có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng kèm theo*).

- Khách mời: Ông Võ Hồng Linh-Phó TGD, Tổng Công ty Phát điện 1.

III. Nội dung Đại hội:

Cổ đông thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013;
2. Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán;
3. Trình kế hoạch đầu tư năm 2013;
4. Công tác nhân sự HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013 – 2018;
5. Bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2018;
6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2013;
8. Trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013;
9. Thông qua giá trị quyết toán chi phí thực hiện dự án hạ Sê San 2 tại Stung Treng, Vương Quốc Campuchia.

IV. Diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội

1. Tuyên bố lý do Đại hội.

2. Giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội,

3. Ông Hoàng Xuân Quý thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

+ Tổng số cổ đông của Công ty: gồm 19 cổ đông pháp nhân và các cổ đông thể nhân khác;

+ Tổng số cổ đông triệu tập Đại hội: 19 cổ đông pháp nhân với 35.279.502 cổ phần có quyền biểu quyết và 1.787 cổ đông thể nhân với 1.397.643 cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 30 cổ đông pháp nhân và thể nhân đại diện cho 30.736.561 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 83,8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Kèm biên bản kiểm tra tư cách cổ đông)

Căn cứ Điều 19 Điều lệ của Công ty, với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

4. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Trương Quang Minh tiến hành:

- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

- Thông qua Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

- Thông qua Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (2013-2018) của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100%.

- Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch chủ trì Đại hội, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông với tỷ lệ 100%, gồm:

a. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Bùi Quang Hùng

- Chủ tịch HĐQT

- Ông Nguyễn Nam Thắng

- UV.HĐQT kiêm TGD

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- UV.HĐQT

b. Thư ký Đại hội:

- Ông Bùi Nguyên Hải

c. Ban kiểm phiếu:

- Ông Lê Thanh Khoa

- Ông Phùng Ngọc Ánh

- Ông Lê Quang Ánh

B. Tiến hành Đại hội: Đại hội tiến hành dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

B.1. Thông qua chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội tỷ lệ tán thành 100%.

B.2. Các nội dung chính tại Đại hội:

1. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Nam Thắng – Ủy viên HĐQT kiêm TGD báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013 (tại Báo cáo số 10/BC-EVNI-HĐQT ngày 05/4/2013).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

2. Ông Hoàng Xuân Quý - Kế toán trưởng trình bày Báo cáo tài chính 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

3. Thay mặt HĐQT, Ông Nguyễn Nam Thắng - Tổng Giám đốc trình bày kế hoạch đầu tư năm 2013 như các nội dung tại Tờ trình số 32/TTr-EVNI-KH ngày 10/4/2013.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết: (i) Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012 và kế hoạch năm 2013, với các nội dung chính như trong Tờ trình số 32/TTr-EVNI-KH ngày 10/4/2013 ngoại trừ chỉ cho phúc lợi tập thể tại Phụ lục 3-Chi phí hoạt động và QLDA năm 2013; (ii) Bổ sung doanh thu về việc cho thuê tòa nhà và các doanh thu khác (nếu có) vào Kế hoạch 2013 và báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2014 (iii) Công ty nghiên cứu phương án đầu tư tài chính ngắn hạn sao cho hiệu quả nhất; (iv)

Đối với chi phí trả nợ cho tư vấn trong kế hoạch 2013, Đại hội ủy quyền cho HĐQT xem xét quyết định thời điểm trả nợ cho tư vấn.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

4. Thay mặt HĐQT, Ông Bùi Quang Hùng báo cáo trước Đại hội về công tác nhân sự của HĐQT và Ban kiểm soát theo các nội dung tại Tờ trình số 14/TT-EVNI-HĐQT ngày 21/4/2013, theo đó nhiệm kỳ I (2007-2012) của HĐQT và BKS đã kết thúc, Đại hội thống nhất cho miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT và Ban KS ngay tại Đại hội này và tiến hành các thủ tục để bầu cử thành viên HĐQT và Ban KS nhiệm kỳ II (2013 – 2018).

+ Danh sách các ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 do các cổ đông có quyền đề cử như sau:

- Ông Nguyễn Kim Lê Chuyên, NDD phần vốn của TD Cao su;
- Ông Nguyễn Quang Huy, NDD PV của Công ty CP NĐ Phá Lại;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, NDD phần vốn của NH TMCP An Bình;
- Ông Trương Quang Minh, NDD 40% phần vốn của Tập đoàn ĐLVN;
- Ông Nguyễn Nam Thắng, NDD 60% phần vốn của Tập đoàn ĐLVN;

+ Danh sách ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2013-2018 do các cổ đông có quyền đề cử như sau:

- Ông Nguyễn Hoàng Hải (Ngân Hàng TMCP An Bình)
- Bà Đinh Hải Ninh (EVNGENCO1-Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

+ Do chỉ có 02 người được đề cử thành viên Ban kiểm soát nên HĐQT đương nhiệm đề cử với Đại hội 01 người tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

- Ông Đồng Quốc Cường (Công ty cổ phần đầu tư Bắc Hà)

+ Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2018:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

+ Ban kiểm phiếu phát phiếu bầu và Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

5. Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Nguyễn Hoàng Hải - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012 và kế hoạch năm 2013 (tại Báo cáo Ban kiểm soát ngày 01/4/2013).

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012 và kế hoạch năm 2013:

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

6. Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Nguyễn Hoàng Hải - Trưởng Ban Kiểm soát đọc Tờ trình ngày 01/4/2012 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Sau khi thảo luận, Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình ngày 01/4/2012 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế và ủy quyền HĐQT phối hợp Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2013 trên cơ sở danh sách các đơn vị kiểm toán được đề xuất của Ban Kiểm soát. Danh sách các đơn vị kiểm toán được Đại hội thông qua gồm: (i) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; (ii) Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán (AAC); và (iii) Công ty TNHH Kiểm toán Polaris Việt Nam.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

7. Ông Trương Quang Minh – Phó Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 11/TTTr-EVNI-HĐQT ngày 05/4/2013 về tổng mức thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2012, theo đó tổng giá trị thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2012 là 702.012.000 đồng và dự kiến mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2013 là 307.040.000 đồng.

Sau khi thảo luận, Đại hội biểu quyết thông qua: (i) Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2012 là 702.012.000 đồng; (ii) Kế hoạch Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2013 là **294.752.000** đồng, như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2013 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT			
	- 04 tháng (chuyên trách từ T1-T4)	1	25.688.000	102.752.000
	- 08 tháng (kiêm nhiệm từ T5-T12)	1	3.000.000	24.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	2.500.000	90.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.500.000	30.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:			294.752.000

* Trong trường hợp Ủy viên HĐQT kiêm giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc mức thù lao Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm bằng không.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

8. Về nội dung Tờ trình số 15/TTr-EVNI-HĐQT ngày 21/4/2013 của Hội đồng quản trị về việc thông qua giá trị quyết toán chi phí thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 tại Stung Treng, Vương quốc Campuchia, sau khi thảo luận Đại hội quyết định chưa biểu quyết tại Đại hội và đề nghị Công ty lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản, thời gian lấy ý kiến đến ngày 30/5/2013.

- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

9. Công bố kết quả bầu cử HĐQT và Ban KS :

Ông Lê Thanh Khoa – Trưởng ban kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử HĐQT như sau:

TT	Họ và tên ứng cử viên HĐQT	Tỷ lệ trúng cử (%)
1	Nguyễn Kim Lê Chuyên	147,39
2	Nguyễn Quang Huy	100,14
3	Nguyễn Thị Ngọc Mai	69,43
4	Trương Quang Minh	84,97
5	Nguyễn Nam Thắng	98,07

+ Kết quả bầu cử BKS như sau:

TT	Họ và tên ứng cử viên BKS	Tỷ lệ trúng cử (%)
1	Đổng Quốc Cường	126,81
2	Nguyễn Hoàng Hải	84,64
3	Đình Hải Ninh	88,55

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

- + Hội đồng quản trị bầu ông Nguyễn Nam Thắng làm Chủ tịch HĐQT.
- + Ban kiểm soát bầu ông Nguyễn Hoàng Hải làm Trưởng Ban kiểm soát.
- + Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ra mắt trước Đại hội đồng cổ đông.
- + Theo đề nghị của HĐQT mới được bầu, Đại Hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý việc Chủ tịch HĐQT đồng thời làm Tổng Giám đốc Công ty năm 2013 cho đến ĐHCĐ thường niên năm 2014.
- Tỷ lệ cổ đông tán thành: 100%.
- Tỷ lệ cổ đông không tán thành: 0%.
- Tỷ lệ cổ đông không có ý kiến: 0%.

C. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

Ông Bùi Nguyên Hải – Thư ký Đại hội đọc Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với số phiếu biểu quyết nhất trí: đạt tỷ lệ 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11h30 ngày 22 tháng 4 năm 2013.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Bùi Nguyên Hải

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH



Bùi Quang Hùng

C.P * S.N

TỜ TRÌNH
V/v: Phê duyệt kế hoạch năm 2013

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-EVNI-HĐQT ngày 11/3/2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ công tác 2013 của Công ty;

Để có cơ sở triển khai thực hiện, Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch năm 2013 của Công ty với tổng giá trị là 67,741 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn tự có của Công ty: 59,67 tỷ đồng.
- Vốn huy động từ nhà đầu tư mới: 8,07 tỷ đồng

Cụ thể như sau:

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Giá trị	Nguồn vốn		Ghi chú
			Vốn tự có	Vốn từ nhà đầu tư khác (mới)	
1	Kế hoạch ĐTXD năm 2013	9.552.684.000	1.481.230.000	8.071.454.000	
a	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2	330.000.000	330.000.000		PL 1
b	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	411.230.000	411.230.000		PL 1
c	Dự án thủy điện SeKong	8.451.454.000	380.000.000	8.071.454.000	PL 1
d	Dự án thủy điện Nậm Mô 1	360.000.000	360.000.000		PL 1
2	Trả nợ chi phí tư vấn đã thực hiện	49.927.760.000	49.927.760.000		
a	Trả nợ chi phí tư vấn cho dự án Hạ Sê San 2	42.614.450.000	42.614.450.000		PL 2.1
b	Trả nợ chi phí tư vấn cho các dự án còn lại	7.313.310.000	7.313.310.000		PL 2.2

3	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	8.261.036.000	8.261.036.000		
a	Lương, BHXH, BHYT, các khoản phụ cấp khác	5.123.298.000	5.123.298.000		PL 3
b	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	3.137.738.000	3.137.738.000		PL 3
*	Tổng cộng (1+2+3):	67.741.480.000	59.670.026.000	8.071.454.000	

(Chi tiết xem thuyết minh kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1;
- Lưu HĐQT, TH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Hùng





EVNINTERNATIONAL



CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, ĐN

Điện thoại: 0511.6255656

Fax: 0511.3633.991/992

Website: www.evni.vn

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2013

(Kèm theo Tờ trình số. 32./TTr-EVNI-KH ngày 05 tháng 4 năm 2013)

Đà Nẵng, tháng 4/2013

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2013

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012

1. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2012, EVNI đã thực hiện được các nội dung sau:

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: (i) Hoàn thành đàm phán các Hợp đồng PPA, IA, LA của dự án; (ii) Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ Việt Nam đã có ý kiến kết luận về tỷ lệ mua bán điện của dự án và tỷ lệ tham gia góp vốn đầu tư cho dự án của EVNI; (iii) EVNI và Royal Group thống nhất chi phí phát triển dự án mà EVNI đã bỏ ra đến nay; (iv) Thanh quyết toán toàn bộ dự án đầu tư xây dựng công trình để ghi nhận toàn bộ chi phí thực do Công ty đầu tư.

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: Hoàn thành báo cáo đánh giá hiện trạng đất, rừng bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và chuyển bản đồ dự án về cùng một hệ tọa độ nhằm chuẩn xác diện tích chiếm đất của dự án tại mỗi quốc gia.

Đối với các dự án thủy điện SeKong, Nậm Mô 1: Hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi và trình Bộ ngành hai nước Campuchia, Lào thông qua và đảm bảo duy trì được MOU của dự án.

Cụ thể tình hình triển khai các dự án như sau:

a) Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Để hoàn thành mục tiêu cấp phép đầu tư cho dự án tại Campuchia và triển khai quản lý điều hành dự án thủy điện Hạ Sê San 2, trong năm 2012 Công ty đã xúc tiến làm việc với các Bộ ngành Campuchia & Việt Nam để hoàn tất các thủ tục đầu tư, vấn đề mua bán sản lượng điện, tỷ lệ góp vốn đầu tư cho dự án, và đạt được một số kết quả sau:

Đến tháng 02/2012, Công ty đã tiến hành tổ chức gần 10 phiên đàm phán với Tổ công tác Chính phủ về các Hợp đồng và Thư bảo lãnh của Chính phủ Campuchia cho dự án và các nội dung cơ bản đã kết thúc. Ngày 02/11/2012, Hội đồng Bộ trưởng của Campuchia đã chính thức thông qua các Hợp đồng dự án và Thư bảo lãnh của Chính phủ.

Để có đủ nguồn vốn bố trí cho dự án theo yêu cầu của MIME, Công ty đã làm việc với Bộ Công thương và ngày 29/03/2012 Bộ Công thương Việt Nam đã có văn bản số 18/MOIT-ICD gửi Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia khẳng định sẽ hỗ trợ EVNI có đủ nguồn vốn để thực hiện dự án với cơ chế 50% sản lượng bán cho Campuchia và 50% xuất khẩu về Việt Nam;

Liên quan đến vấn đề mua bán sản lượng điện của dự án, ngày 03/04/2012 tại cuộc họp bên lề Hội nghị ASEAN, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia đã khẳng định một lần nữa phía Campuchia sẽ mua 100% sản lượng điện của dự án và ngày 11/04/2012, Thủ tướng Chính phủ Campuchia đã có thư gửi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về việc phía Campuchia đề nghị mua 100% sản lượng điện của dự án Hạ Sê San 2. Để thống nhất nội dung này, Công ty đã báo cáo EVN, Bộ Công thương và thành lập Tổ công tác đàm phán gồm nhiều đại diện của Bộ ngành phía Việt Nam và tổ chức đàm phán với phía Campuchia vào ngày 22/06/2012 và vào

ngày 24/07/2012, theo thư mời của MIME. Ngày 25/07/2012, Công ty đã báo cáo Bộ Công thương về kết quả làm việc với MIME về vấn đề mua bán sản lượng điện của dự án, ngày 17/08/2012, Văn phòng Chính phủ Việt Nam đã có văn bản số 1239/VPCP-QHQT thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, đồng ý đề nghị của Chính phủ Campuchia về việc mua toàn bộ 100% sản lượng điện của dự án Hạ Sê San 2 và giao EVN có thể tham gia đầu tư 10% vào dự án hoặc rút toàn bộ vốn về nước. Ngày 24/09/2012, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 1512/VPCP-QHQT, thông báo ý kiến của Thủ tướng về việc đồng ý để EVNI tham gia đầu tư vào dự án Hạ Sê San 2 với tỷ lệ 10%;

Tiếp theo đó, ngày 27/08/2012, Lãnh đạo Công ty đã có cuộc họp xem xét các phương án đầu tư vào dự án và ngày 28/08/2012, Công ty đã tổ chức đoàn sang Campuchia đàm phán với phía Royal Group về tỷ lệ tham gia đầu tư của EVNI vào dự án và ký Phụ lục sửa đổi Thỏa thuận cổ đông; theo đó hai bên chấp thuận giảm tỷ lệ sở hữu của EVNI từ 51% xuống còn 10%, và tăng tỷ lệ của sở hữu của Royal Group từ 49% lên 90%; tỷ lệ 10% vốn góp của EVNI là toàn bộ chi phí phát triển dự án mà EVNI đã bỏ ra, được tính là vốn góp của EVNI vào vốn chủ sở hữu của Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ đời sống của dự án.

Ngày 05/11/2012, EVNI làm việc với Royal Group để ký Thỏa thuận chuyển giao tài liệu và đã tổ chức bàn giao toàn bộ tài liệu dự án cho Công ty dự án;

Trong tháng 11/2012, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết cổ đông về việc điều chỉnh giảm tỷ lệ tham gia góp vốn thực hiện dự án của EVN và ngày 09/11/2012 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã có Nghị quyết số 03/NQ-EVNI-DHĐCD về việc Thống nhất điều chỉnh giảm tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án thủy điện Hạ Sê San 2 từ 51% xuống 10% vốn chủ sở hữu của dự án.

b) Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 đã được Công ty nghiên cứu và hoàn thành toàn bộ công tác khảo sát, lập dự án đầu tư; tuy nhiên, hiện dự án vẫn còn một tồn tại liên quan đến mốc số 26 sẽ bị ngập sau khi tích nước hồ chứa và diện tích đất, rừng bị ảnh hưởng bởi dự án.

Để giải quyết các tồn tại này, trên cơ sở việc phân định cắm mốc biên giới chính thức giữa Việt Nam và Campuchia, ngày 25/05/2012, Công ty hợp báo cáo UBND tỉnh Gia Lai về diện tích đất, rừng bị ảnh hưởng và tiến hành lựa chọn nhà thầu là đơn vị tư vấn Long Nam để tiến hành khảo sát đánh giá hiện trạng đất, rừng khu vực dự án và hiện Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đã thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hiện trạng đất, rừng bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5. Kết quả nghiên cứu cho thấy, diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng trong vùng ngập chủ yếu là rừng phòng hộ khu vực biên giới nên không thuộc đối tượng phải trình Quốc hội thông qua trước khi phê duyệt dự án.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã làm việc với Ủy ban biên giới Quốc gia và các Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Quốc phòng để báo cáo tình hình và thống nhất chuyển bản đồ dự án về cùng một hệ tọa độ nhằm phục vụ phân chia khu vực lòng hồ dự án sau khi mốc 26 bị ngập và hoàn thành chuyển đổi bản đồ từ hệ VN 2000 sang hệ WGS 84, hệ tọa độ dùng chung cho hai nước tại khu vực biên giới.

c) Dự án thủy điện SeKong tại Campuchia

Hồ sơ BCNCKT của dự án đã hoàn thành vào tháng 06/2010 và được MIME thông qua. Tuy nhiên, để có đủ số liệu báo cáo MIME về kết quả nghiên cứu khả thi dự án theo gia hạn MOU lần 1 vào tháng 06/2012; trong năm 2012, Công ty đã tiến hành khảo sát đo vẽ thêm bản đồ địa hình 1/10.000 và cập nhật kết quả điều tra kinh tế - xã hội khu vực dự án. Hiện Công ty đã hoàn thành BCNCKT và trình MIME về kết quả nghiên cứu vào tháng 06/2012 và đang chờ báo cáo dự án. Dự án này đã được MIME tiếp tục gia hạn MOU lần 2 đến hết tháng 06/2013.

Ngoài ra, trong năm Công ty cũng đã xúc tiến tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để tham gia góp vốn đầu tư nhưng đến nay vẫn chưa có đối tác nào có ý kiến chính thức.

d) Dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Lào

Hồ sơ BCNCKT của dự án đã hoàn thành vào tháng 06/2010 và được Bộ Mô & Năng lượng Lào (MEM) tổ chức họp thông qua vào tháng 29/08/2011. Trên cơ sở góp ý của các Bộ, ngành của Lào và gia hạn MOU lần 1 của dự án; trong năm 2012, Công ty tiếp tục triển khai khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn nghiên cứu khả thi và hoàn thành BCNCKT vào tháng 03/2012, và được MEM tổ chức họp góp ý vào tháng 05/2012. Dự án này đã được MEM gia hạn MOU lần 2 đến hết tháng 05/2013 và nhân mạnh lần gia hạn MOU này là lần gia hạn cuối cùng.

Ngoài ra, Công ty cũng đã hoàn thành lựa chọn đơn vị Tư vấn nước ngoài lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khu vực dự án nhằm mục đích hoàn thành BCNCKT. Hiện đơn vị Tư vấn đang chuẩn bị báo cáo sơ bộ về đánh giá tác động môi trường khu vực dự án.

e) Dự án Nhà điều hành Công ty

Để ghi nhận toàn bộ chi phí đầu tư hợp pháp đã bỏ ra của Công ty cho công trình; trong năm 2012 Công ty đã phối hợp với các nhà thầu xây lắp tiến hành thanh quyết toán toàn bộ công trình và trình Hội đồng phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình. Hiện dự án đã hoàn tất các thủ tục và đưa vào sử dụng.

f) Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đầu nối lưới điện ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia

Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đầu nối lưới điện ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia được chia làm 2 dự án là: Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện tại Lào và Quy hoạch đầu nối lưới điện của Lào với Việt Nam-Campuchia và Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện tại Campuchia và Quy hoạch đầu nối lưới điện của Campuchia với Việt Nam-Lào.

Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện tại Lào và Quy hoạch đầu nối lưới điện của Lào với Việt Nam-Campuchia đã hoàn thành lập quy hoạch giai đoạn 1 và bước 1 giai đoạn 2. Dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện tại Campuchia và Quy hoạch đầu nối lưới điện của Campuchia với Việt Nam-Lào đã hoàn thành lập quy hoạch giai đoạn 1. Tuy nhiên, dự án Quy hoạch này hiện đang tạm dừng để chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chi phí hoạt động và quản lý dự án năm 2012

Chi phí thực hiện/Kế hoạch là: 18,641/20,140 tỷ đồng.

3. Tổng hợp giá trị thực hiện và giải ngân năm 2012

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Dự án	Giá trị kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ HTKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4/3)
1	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2	134,342	0,000	0,000	0,0%
2	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1	0,289	0,361	0,157	124,9%
3	Dự án thủy điện SeKong	8,229	6,563	3,051	79,7%
4	Dự án thủy điện Nậm Mô 1	6,510	3,857	1,997	59,2%
5	Dự án Nhà điều hành Công ty	7,333	7,333	6,664	100%
	Tổng cộng:	156,705	18,114	11,869	11,56%

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾ HOẠCH CỦA NĂM 2012

1. Một số tồn tại

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: (i) Thay đổi chủ trương về tỷ lệ mua bán điện của dự án giữa hai nước và tỷ lệ góp đầu tư của EVNI; (ii) Chưa triển khai được công tác hiện trường;

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, SeKong, Nậm Mô 1: Chậm tiến độ triển khai.

2. Nguyên nhân

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2: Triển khai biên bản ghi nhớ ngày 15/06/2007 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) về việc nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2, Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã tiến hành lập BCNCKT và báo cáo MIME về kết quả nghiên cứu dự án trong năm 2009. Theo đó, ngày 12/08/2009, MIME có văn bản chính thức mua 50% sản lượng điện của Nhà máy và ngày 27/12/2010 Bộ Công thương Việt Nam có văn số 94/MOIT-IDC khẳng định mua hết sản lượng điện còn lại của Nhà máy. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán các hợp đồng PPA, IA, LA và xin cấp phép đầu tư cho dự án, phía Campuchia đã thay đổi chủ trương và đề nghị mua 100% sản lượng điện của dự án theo công hàm số 279/LP của Thủ tướng Chính phủ Campuchia gửi cho Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Ngày 17/08/2012, Văn phòng Chính phủ Việt Nam đã có văn bản số 1239/VPCP-QHQT thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, đồng ý đề nghị của Chính phủ Campuchia về việc mua toàn bộ 100% sản lượng điện của dự án Hạ Sê San 2 và ngày 24/09/2012, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 1512/VPCP-QHQT, thông báo ý kiến của Thủ tướng về việc đồng ý

để EVNI tham gia đầu tư vào dự án Hạ Sê San 2 với tỷ lệ 10%. Với những diễn biến nêu trên đã làm thay đổi toàn bộ kế hoạch 2012 của EVNI đối với dự án này:

Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, SeKong, Nậm Mô 1: Do các cổ đông của Công ty trong những năm qua không tiếp tục góp vốn và yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để thực hiện dự án Hạ Sê San 2 nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án này của Công ty.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2013

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng mới

Trên cơ sở các công việc đã thực hiện, tình hình triển khai các dự án đến thời điểm hiện nay của Công ty, mục tiêu kế hoạch năm 2013 của EVNI như sau:

- a) Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: Theo dõi và bảo tồn vốn của Công ty đã góp vào dự án. Thực hiện kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án để ghi nhận chi phí đầu tư tại Công ty. Dự kiến chi phí trong năm 2013 đối với các nội dung công việc này là 330 triệu đồng;
- b) Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5: (i) Báo cáo EVN, Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ về hồ sơ Dự án đầu tư của dự án; (ii) Lập thủ tục xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài; (iii) Tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong năm 2012. Dự kiến chi phí trong năm 2013 đối với các nội dung công việc này là 411 triệu đồng;
- c) Dự án thủy điện SeKong: (i) Tìm kiếm đối tác thích hợp để phát triển dự án; (ii) Để giảm thiểu chi phí phát triển dự án trong năm kế hoạch, các nội dung: Khảo sát địa chất; và lập các báo cáo chuyên ngành sẽ được triển khai sau khi Công ty tìm kiếm được nguồn vốn từ các nhà đầu tư khác (mới); (iii) Đối với các nội dung báo cáo, đi thực địa, giải trình dự án theo yêu cầu của phía Campuchia vẫn phải thực hiện bằng nguồn vốn tự có để duy trì MOU cho dự án. Dự kiến chi phí trong năm 2013 đối với các nội dung công việc này là 380 triệu đồng;
- d) Dự án thủy điện Nậm Mô 1: Dự án này đã được phía Lào gia hạn MOU thêm một lần nữa đến tháng 05/2012 và đây là lần gia hạn cuối cùng cho MOU của dự án. Do đó, kế hoạch 2013, Công ty sẽ tập trung: (i) Đôn đốc Chính phủ Lào thông qua BCNCKT/dự án đầu tư, EIA của dự án; (ii) Tổ chức ký PDA cho dự án để gia hạn thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng; (iv) Tổ chức nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2012. Dự kiến chi phí trong năm 2013 đối với các nội dung công việc để duy trì quyền phát triển dự án là 360 triệu đồng;
- e) Tìm kiếm và triển khai thực hiện công việc tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát các đường dây truyền tải điện trong và ngoài nước.

Cụ thể như sau:

1. Dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Lựa chọn nhà thầu kiểm toán và tiến hành kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án.

Theo dõi và bảo tồn vốn của Công ty tại dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5

Báo cáo EVN, Bộ Công thương, Văn phòng Chính phủ về hồ sơ Dự án đầu tư sau khi chuẩn xác diện tích chiếm đất, rừng và hiệu quả của dự án để có chủ trương rõ ràng về bước thực hiện tiếp theo của dự án;

Làm việc với Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng, Bộ Tài nguyên - Môi trường Việt Nam và Bộ Môi trường Campuchia để xin phê duyệt BCNCKT, báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

Lập hồ sơ xin cấp phép đầu tư ra nước ngoài;

Tiếp tục xin gia hạn MOU lần 4, dự kiến đến hết tháng 06/2014.

3. Dự án thủy điện SeKong

Tìm kiếm các đối tác, nhà đầu tư trong và ngoài nước để có nguồn vốn để tiếp tục triển khai các hạng mục của dự án như sau:

- Triển khai khảo sát địa chất và hoàn thành báo cáo khảo sát địa chất công trình;
- Hoàn thành báo cáo lập khung chính sách cho dự án;
- Hoàn thành lập báo cáo quy hoạch tổng thể tái định cư và báo cáo kết quả nghiên cứu với Tỉnh Stung Treng, Bộ ngành Campuchia để xem xét, phê duyệt;
- Triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Cập nhật báo cáo kết quả nghiên cứu dự án và báo cáo phía Campuchia để xin gia hạn MOU lần 3 (gia hạn thêm 01 năm, dự kiến đến hết tháng 06/2014).

4. Dự án thủy điện Nậm Mô 1

Đôn đốc Bộ Kế hoạch & Đầu tư Lào, Bộ Năng lượng & Mỏ Lào, Bộ Môi trường Lào để thông qua BCNCKT, EIA của dự án;

Đôn đốc Tư vấn hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

Tổ chức ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) để gia hạn thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng;

Tổ chức nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2012 cho đơn vị tư vấn.

5. Các công việc khác

Đối với các dự án do EVNI làm tư vấn QLDA: (i) Làm việc với EVN và VPCP để sớm có ý kiến chỉ đạo về việc bố trí nguồn vốn cho dự án Quy hoạch khai thác tiềm năng thủy điện, đầu nối lưới điện Việt Nam - Lào - Campuchia; phê duyệt chính thức dự toán chi phí thực hiện dự án; (ii) Tổ chức thanh quyết toán cho các đơn vị tư vấn sau khi dự toán chính thức được duyệt; (iii) Tiếp tục làm việc với EVN để bố trí vốn thanh toán cho đơn vị tư vấn dự án RETA về đầu nối lưới điện truyền tải 500kV ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia;

Tìm kiếm công việc tư vấn quản lý dự án trong và ngoài nước;

Tìm kiếm và triển khai thực hiện công việc tư vấn giám sát, tư vấn đền bù các đường dây truyền tải điện trong nước.

3. Kế hoạch nhân sự

Cân đối yêu cầu nhiệm vụ công tác năm và nguồn nhân lực hiện nay của Công ty, trong năm 2013 Công ty dự kiến tổng số CBCNV là 30 người, giảm 22 người so với kế hoạch năm 2012.

4. Kế hoạch chi phí hoạt động và quản lý dự án

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý.... Công ty lập dự toán chi phí hoạt động và quản lý dự án cho năm 2013 là **8,261 tỷ đồng**, giảm 11,879 tỷ đồng so với KH2012. (Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).

Trong **8,261 tỷ đồng**, Công ty dự kiến lấy từ 02 nguồn là: (i) Lãi tiền gửi ngân hàng của Công ty dự kiến khoảng **6,955 tỷ đồng**; và (ii) Doanh thu từ các hoạt động tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát và doanh thu khác là **1,306 tỷ đồng**. Trường hợp Công ty không có các khoản doanh thu từ các hoạt động tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát và doanh thu khác thì chi phí hoạt động & quản lý dự án chỉ được phép chi tối đa bằng tiền lãi ngân hàng từ nguồn vốn nhân rồi của Công ty.

5. Tổng hợp giá trị kế hoạch 2013

Dvt: đồng

Stt	Nội dung	Giá trị	Nguồn vốn		Ghi chú
			Vốn tự có	Vốn từ nhà đầu tư khác (mới)	
1	Kế hoạch ĐTXD năm 2013	9.552.684.000	1.481.230.000	8.071.454.000	
a	Dự án thủy điện Hạ Sê San 2	330.000.000	330.000.000		Phụ lục 1
b	Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	411.230.000	411.230.000		Phụ lục 1
c	Dự án thủy điện SeKong	8.451.454.000	380.000.000	8.071.454.000	Phụ lục 1
d	Dự án thủy điện Nậm Mô 1	360.000.000	360.000.000		Phụ lục 1
2	Trả nợ chi phí tư vấn đã thực hiện	49.927.760.000	49.927.760.000		
a	Trả nợ chi phí tư vấn cho dự án Hạ Sê San 2	42.614.450.000	42.614.450.000		Phụ lục 2.1
b	Trả nợ chi phí tư vấn cho các dự án còn lại	7.313.310.000	7.313.310.000		Phụ lục 2.2
3	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	8.261.036.000	8.261.036.000		
a	Lương, BHXH, BHYT, các khoản phụ cấp khác	5.123.298.000	5.123.298.000		Phụ lục 3
b	Chi phí hoạt động và quản lý dự án	3.137.738.000	3.137.738.000		Phụ lục 3
*	Tổng cộng (1+2+3):	67.741.480.000	59.670.026.000	8.071.454.000	

(Chi tiết xem các phụ lục kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2013

Phối hợp với đối tác Royal Group để triển khai dự án trên nguyên tắc bảo tồn vốn của Công ty và báo cáo MIME có ý kiến chỉ đạo đối tác Royal Group tích cực phối hợp với EVNI để đảm bảo quyền lợi cho Công ty nếu cần thiết;

Tiếp tục báo cáo EVN, Bộ Công thương về tình hình triển khai các dự án đề xin chủ trương đầu tư;

Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy và sắp xếp lại nhân sự để đáp ứng yêu cầu quản lý các dự án của công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2013;

Phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các công việc trên cơ sở các mục tiêu đề ra và các Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 của Công ty, đảm bảo các công việc được kiểm soát và hoàn thành đúng kế hoạch;

Tổ chức giám sát và phối hợp với các đơn vị tư vấn trong việc triển khai khảo sát, lập dự án đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 1, SeKong, Nậm Mô 1;

Trên cơ sở nguồn thu từ lãi tiền gửi vốn góp cổ đông chưa dùng hết, Công ty sẽ cân đối cho chi phí hoạt động và quản lý dự án năm 2013;

Tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư, các đối tác quan tâm và cho phép góp vốn trực tiếp vào các dự án thủy điện Hạ Sê San 1, SeKong tại Campuchia, Nậm Mô 1 tại Lào;

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay vào lúc: 08h30 ngày 18/4/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức tại hội trường khách sạn Minh Toàn, 162 đường 2 tháng 9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 29.228.417 cổ phần, chiếm 79,69% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động của HĐQT và hoạt động của Công ty năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC.
3. Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 và kế hoạch năm 2014.
4. Thông qua lựa chọn Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện việc kiểm toán BCTC bán niên và thường niên năm 2014 đối với Công ty cổ phần EVN Quốc tế như đề xuất của Ban kiểm soát. Giao Ban điều hành làm việc với Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC để thực hiện việc kiểm toán đáp ứng các quy định hiện hành.
5. Về kế hoạch 2014:
 - 5.1. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2014: 500.000.000 đồng.
 - 5.2. Thông qua kế hoạch các nguồn thu trong năm 2014: 6.491.000.000 đồng.
 - 5.3. Thông qua về tổng số nợ của tư vấn là 39.281.055.000 đồng, chưa thông qua việc trả nợ toàn bộ tổng số nợ trong năm 2014. Giao HĐQT và Ban điều hành lập kế hoạch tiến độ trả nợ một cách hợp lý trên cơ sở cân đối tình hình tài chính của Công ty và bảo toàn vốn đã đầu tư vào các dự án.
 - 5.4. Thông qua chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí trực tiếp phục vụ công tác TVGS: 7.926.597.000 đồng. Giao Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty, đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không vượt tổng các khoản thu và phần đầu tiết kiệm 5% của mức chi phí đã được thông qua.
 - 5.5. Thông qua chi phí khấu hao phương tiện vận tải, nhà cửa văn phòng làm việc và cho thuê: 811.727.000 đồng.



6. Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2013 là 270.752.000 đồng; Kế hoạch Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2014 là 204.000.000 đồng, như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2014 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	1	3.000.000	36.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	2.500.000	90.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.500.000	30.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:			204.000.000

Đại hội cũng thống nhất trong trường hợp Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, không kiêm nhiệm chức danh quản lý của Công ty sẽ được hưởng mức thù lao năm 2014 là 25.000.000 đồng/tháng.

7. Thông qua ông Nguyễn Nam Thắng tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

8. Thông qua miễn nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Nguyễn Kim Lê Chuyên và bổ nhiệm chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị đối với ông Võ Văn Thành, Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại EVNI.

9. Thông qua miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với ông Nguyễn Hoàng Hải và bổ nhiệm thành viên BKS đối với bà Nguyễn Thị Hương, Giám đốc Khối nguồn và Đầu tư của cổ đông Ngân Hàng TMCP An Bình.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 10 giờ 30 cùng ngày. Đại hội giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Bùi Nguyên Hải

CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI



Nguyễn Nam Thắng

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay vào lúc: 08h30 ngày 24/4/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức tại hội trường khách sạn Minh Toàn, 162 đường 2 tháng 9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 33.574.502 cổ phần, chiếm 91,54% tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động của HĐQT và hoạt động của Công ty năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC.
3. Về kế hoạch 2015:
 - 3.1. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2015: 500.160.000 đồng.
 - 3.2. Thông qua kế hoạch các nguồn thu trong năm 2015: 8.041.000.000 đồng.
 - 3.3. Kế hoạch trả nợ chi phí tư vấn: Chưa thông qua việc trả nợ trong năm 2015. Giao HĐQT và Ban điều hành lập kế hoạch tiến độ trả nợ một cách hợp lý trên cơ sở cân đối tình hình tài chính của Công ty.
 - 3.4. Thông qua chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí trực tiếp phục vụ công tác TVGS: 7.166.901.000 đồng. Giao Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty, đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không vượt tổng các khoản thu.
 - 3.5. Thông qua chi phí khấu hao phương tiện vận tải, nhà cửa văn phòng làm việc và cho thuê: 803.296.000 đồng.
 - 3.6. Thông qua dự toán chi phí đưa đoàn công tác đi dự lễ khởi công/kiểm tra thực địa công trường dự án Thủy điện Hạ Se San 2: 94.100.000 đồng.
4. Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2014 là 168.000.000 đồng; Kế hoạch Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2015 là 468.000.000 đồng, như sau:



TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Tổng thù lao năm 2015 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	1	25.000.000	300.000.000
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	3	2.500.000	90.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	2.500.000	30.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	2.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:			468.000.000

(Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ thì được nhận mức tiền lương của chức danh chủ tịch HĐQT chuyên trách; Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thì không được hưởng thù lao ủy viên HĐQT)

5.1 Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 và kế hoạch năm 2015.

5.2 Thông qua lựa chọn Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện việc kiểm toán BCTC bán niên và thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế với mức phí bằng năm 2014 như đề xuất của Ban kiểm soát. Giao Ban điều hành làm việc với Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC để thực hiện việc kiểm toán đáp ứng các quy định hiện hành.

6. Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT đối với ông Hoàng Xuân Quý, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, người đại diện 40% phần vốn của Tổng Công ty Phát điện 1 tại EVNI.

7. Thông qua ông Trương Quang Minh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

8. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị ký ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty liên quan đến sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh với nội dung như Tờ trình số 15/TTr-EVNI-HĐQT ngày 30/3/2015.

9. Về nội dung thể chấp quyền sở hữu 10% tại Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (Campuchia): Thống nhất lấy ý kiến bằng văn bản đến các Cổ đông tham dự đại hội, các Cổ đông có thư trả lời trước ngày 10/5/2015, sau thời gian trên, các Cổ đông nào không phản hồi ý kiến thì được xem như đồng ý.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 12 giờ 00 cùng ngày. Đại hội giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thành



Trương Quang Minh

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Hôm nay vào lúc: 08h30 ngày 22/4/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được tổ chức tại hội trường khách sạn Minh Toàn, 162 đường 2 tháng 9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số cổ phần của cổ đông tham gia Đại hội là: 30.158.232 cổ phần, chiếm 82,23 % tổng số cổ phần triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động của HĐQT và hoạt động của Công ty năm 2015 và nhiệm vụ năm 2016.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC.
3. Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015. Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện việc kiểm toán BCTC bán niên và thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế với mức phí 66.500.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%) như đề xuất của Ban kiểm soát. Giao Ban điều hành làm việc với Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC để thực hiện việc kiểm toán đáp ứng các quy định hiện hành.
4. Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2015 là 468.000.000 đồng; Thông qua Mô hình Ban kiểm soát làm việc như hiện nay; Thông qua kế hoạch thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2016 là 168.000.000 đồng, như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đ)	Số tháng	Thù lao năm 2016 (đ)
1	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	0	25.000.000	12	0
2	Ủy viên HĐQT	3	2.500.000	12	90.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	2.500.000	12	30.000.000
4	Kiểm soát viên	2	2.000.000	12	48.000.000
	Tổng cộng	6			168.000.000

(Một trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn)

- Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT.

5. Thông qua kế hoạch trả nợ tư vấn; Kế hoạch đầu tư xây dựng và chi phí hoạt động năm 2016, như sau:

- Thông qua chi phí trả nợ năm 2016:

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
1	Công ty tư vấn xây dựng điện 1	
	<i>Dự án thủy điện Hạ Sê San 2</i>	2.902.624.000
	<i>Cụm dự án thủy điện Nậm É</i>	1.380.562.000
2	Công ty tư vấn xây dựng điện 2	174.243.000
	<i>Dự án thủy điện Hạ Sê San 2</i>	
3	Công ty tư vấn xây dựng điện 4	123.675.000
	<i>Dự án thủy điện Sê Kông</i>	

- Thông qua chi phí tổ chức Báo cáo FS dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 là 500.160.000 đồng (Năm trăm triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng);

- Chi phí hoạt động và nguồn thu năm 2016:

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ
A	Tổng doanh thu 2016	7.360.900.000
B	Tổng chi phí hoạt động	6.670.482.000
1	Chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí trực tiếp phục vụ công tác tư vấn giám sát	6.079.348.000
a	<i>Chi phí hoạt động, quản lý dự án</i>	<i>5.580.643.000</i>
b	<i>Chi phí phục vụ công tác tư vấn giám sát</i>	<i>498.705.000</i>
2	Chi phí khấu hao phương tiện vận tải, nhà cửa văn phòng làm việc và cho thuê	591.134.000
C	Lợi nhuận trước thuế	690.418.000

- Giao Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty, đảm bảo nguyên tắc tổng chi phí hoạt động không được vượt tổng các khoản thu, Bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại.

- Giao Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1.

- Giao ban điều hành chủ động tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu.

6. Thông qua điều chỉnh giảm vốn điều lệ đúng bằng số vốn đã thực góp là **366.771.459.148** đồng (ba trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng). Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện điều chỉnh vốn theo quy định.

7. Thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị ký ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty về việc cập nhật các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp được quy định theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 như nội dung tờ trình số 12/TTr-EVNI-HDQT ngày 31/03/2016.

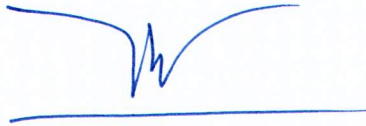


8. Thông qua ông Trương Quang Minh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần EVN Quốc tế được cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua vào hồi 11 giờ 30 cùng ngày. Đại hội giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thành



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Trương Quang Minh

